

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN SƠ PHẦN GIẢNG NGHĨA

(Phần đầu giảng nghĩa luận Nhiếp Đại Thừa)

[Mùa xuân năm 14 giảng tại
Phật Giáo Tạng Văn Học Viện Bắc Bình]

LỜI DỊCH GIẢ:

Ai cũng đều biết Nhiếp Đại Thừa Luận Sơ Phần Giảng Nghĩa là của Ngài Vô Trước sáng tác, em của Ngài là Ngài Thế Thân, người sáng tác tác phẩm “Duy Thức Tam Thập tụng”. Ở đây không bàn luận về tiểu sử của Ngài Vô Trước mà ở đây dịch giả chỉ tìm hiểu tư tưởng và mục đích của Ngài qua tác phẩm. Chữ Nhiếp trong Nhiếp Đại Thừa Luận Sơ Phần Giảng Nghĩa, có hai nghĩa: Tàng trữ và bảo trì. Chữ Nhiếp theo tự điển Hán Việt của Trần Văn Chánh còn có nghĩa là tóm thâu. Nhiếp Đại Thừa nghĩa là tóm thâu tất cả tư tưởng của Đại Thừa. Hay nói cách khác, tất cả tư tưởng của Đại Thừa không nằm ngoài tư tưởng của Nhiếp Đại Thừa Luận. Tất cả tư tưởng của Đại Thừa mà Nhiếp Đại Thừa Luận tóm thâu, trên căn bản gồm có ba tông:

- 1,- Pháp Không Quán Huệ Tông: tông phái này dùng trí huệ quán các pháp đều không.
- 2,- Pháp Tướng Duy Thức Tông: tông này trên căn bản là vạn pháp đều về pháp tánh.

3, Chân Như Tịnh Đức Tông: tông này chủ trương tất cả pháp hữu vi vô vi đều thanh tịnh vô lậu trở về Như Lai Tạng của Chân Tâm.

Phương pháp tu theo Nhiếp Đại Thừa Luận, Theo Ngài Vô Trước, người tu cần hành trì Sáu Ba La Mật của Bát Nhã và Luật Nghi của Bồ Tát soi sáng trên lộ trình Bồ Tát Thập Địa để đạt đến Niết Bàn Vô Trụ.

Nội dung của Nhiếp Đại Thừa Luận Sơ Phần Giảng Nghĩa, ngài Vô Trước đứng trên lập trường của Duy Thức Tông khai triển và phát huy quang đại toàn bộ tư tưởng của Đại Thừa. Điều khác biệt Ngài phản bác tư tưởng của Tiểu Thừa chấp pháp, nghĩa là họ cho ngã thì không mà pháp thì có, tư tưởng của họ chỉ nằm lẫn lẩn trong 37 Phẩm Trợ Đạo.

Nhìn vào tác phẩm của ngài Vô Trước, chúng ta nhận thấy Ngài một nhà bác học cao thâm uyên bác của thời đại đương thời. Ngài xây dựng một hệ thống triết lý phi phạm, làm sáng tỏ lập trường của Đại Thừa. Muốn rõ hơn xin quý đọc giả trực tiếp đọc qua tác phẩm này, ở đây có giới hạn, tôi không thể trình bày được hết.

Trong tác phẩm này, những chữ nằm nghiêng trong khung ngoặc (....) là dịch giả giải thích thêm cho rõ nghĩa. Tôi đã dịch xong tác phẩm này, xin quý đọc giả thấy chỗ nào còn sai sót hoan hỷ chỉ bảo cho, thành kính cảm ơn.

Ngày 8 tháng 12 năm 2021

Thích Thắng Hoan

Chùa Bảo Phước
Trung Tâm Phiên Dịch và Trước Tác

MỤC LỤC

Lời Dịch Giả.....

Giáp 1.- Tổng Tiêu Cương Yếu Phân Danh.

Ất 1, Tổng Tự Đoan Do.

Ất 2, Chánh Tiêu Cương Yếu.

Bính 1, Tiêu Liệt Thù Thắng.

Đinh 1, Tiêu

Đinh 2, Liệt

Đinh 3, Kết.

Bính 2, Trưng Thích Thù Thắng,

Đinh 1, Xuân Thể Hiển Thắng.

* Mậu 1, Trưng Vấn

* Mậu 2, Đáp Thích

Kỷ 1, Di Tiểu Hiển Đại

Canh 1, Tổng Hiển

Canh 2, Biệt Minh

Canh 3, Kết Thắng

Kỷ 2, Tức Đại Hiển Thắng

* Mậu 3, Kết Thành

Đinh 2, Ước Dụng Chương Thắng

Mậu 1, Trưng Vấn

Mậu 2, Đáp Thích

Kỷ1, Trường Hàng

Kỷ2, Trùng Tụng

Dinh 3, Thuyên Thứ Minh Thắng

Mậu 1, Trưng

Mậu 2, Vấn Thứ Đệ Lý

Mậu 3, Kết Thứ Minh Thắng

Giáp 2, Y Tiêu Quảng Thích Phần

Ất 1, Chương Thắng Cảnh

Bính 1, Sở Tri Y Phần

Dinh 1, An Lập Danh Tướng

*Mậu 1, AN DANH

Kỷ 1, Dẫn Giáo Liệt Danh

Canh 1, Lập Sở Tri Y Tức Tạng Thức

Tân 1, Tiêu Danh,

Tân 2, Dẫn Chứng

Nhâm 1, Thiết Trưng

Nhâm 2, Chứng Thích

Quý1, Chứng Sở Tri Y Nghĩa

Quý 2, Chứng Kỳ Danh

Tân 3, Thích Nghĩa

Canh 2, Lập Sở Tri Y Tức Trì Thức

Tân 1, Tiêu Danh

Tân 2, Dẫn Chứng

Tân 3, Thích Nghĩa

Nhâm 1, Thiết Trưng Tổng Đáp

Tân 4, Kết Danh

Canh 3, Lập Sở Tri Y Tức Thị Tâm

Tân 1, Dẫn Giáo

Tân 2, Thích Ý

Nhâm 1, Tổng Biện Nhị Chủng Ý

Nhâm 2, Biệt Chứng Nhiễm Ổ Ý

Quý 1, Chứng Hữu

Tý 1, Thiết Chứng

Tý 2, Đáp Chứng

Sửu 1, Trường Hàng

Dần 1, Bất Cộng Vô Minh Bất Hữu Quá

Dần 2, Ngũ Đồng Pháp Bất Hữu Quá

Dần 3, Huán Thích Từ Không Thiết Quá

Dần 4, Nhị Định Vô Sai Quá

Dần 5, Vô Tưởng Vô Nhiễm Quá

Dần 6, Ngã Chấp Bất Hữu Quá

Sửu 2, Trùng Tụng

Dần 1, Trùng Tụng Lục Lý

Dần 2, Biệt Tụng Vô Minh.

Quý 2, Biện Tánh

Tân 3, Thích Tâm

Kỷ 2, Vấn Đáp Kết Thành

Canh 1, Chánh Vấn Đáp

Canh 2, Biệt Giải Thích

Canh 3, Tổng Kết Thành

Kỷ 3, Phá Chấp Hiện Thắng

Canh 1, Phá Lạm Nghĩa Chấp

Canh 2, Phá Dị Giải Chấp

Tân 1, Xuất Kế,

Nhâm 1, Kế Vi Ngũ Thủ Uẩn
Nhâm 2, Kế Vi Tham Câu Lạc Thọ
Nhâm 3, Kế Vi Tát Ca Da Kiến
Tân 2, Phá Chấp
Nhâm 1, Tổng Phá Sở Chấp
Nhâm 2, Suy Phá Sở Chấp
Quý 1, Ngoại Trưng
Quý 2, Phá Chấp
Tý 1, Phá Ngũ Thủ Uẩn Chấp
Tý 2, Phá Tham Câu Lạc Thọ Chấp
Tý 3, Phá Tát Ca Da Kiến Chấp
Quý 3, Hiên Thắng

Tý 1, Thích Thắng

Tý 2, Kết Thắng

*Mậu 2, LẬP TƯỚNG

Kỷ 1, Kết Tiền Sanh Hậu

Kỷ 2, Quảng Thích Kỳ Nghĩa

Canh 1, Tổng Lập Tam Tướng

Canh 2, Biệt Minh Chung Tập

Tân 1, Minh Huân Tập Nghĩa

Nhâm 1, Thiết Trưng

Nhâm 2, Thích Nghĩa

Quý 1, Thích Pháp

Quý 2, Dẫn Dụ

Tý 1, Dẫn Thế Thành Dụ

Tý 2, Dẫn Nhiệm Huân Dụ

Tý 3, Dẫn Tịnh Huân Dụ

Quý 3, Kết Thành

Tân 2, Chung Tử Nhất Dị

Nhâm 1, Trừng Vấn

Nhâm 2, Đáp Thích
Tân 3, Hổ Vi Nhân Quả
Nhâm 1, Trừng Vấn
Nhâm 2, Đáp Thích
Quý 1, Dẫn Dụ
Tý 1, Dẫn Diễm Chú Dụ
Tý 2, Dẫn Lô Thúc Dụ
Quý 2, Hợp Pháp
Tân 4, Chứng Hiện Ẩn Hiện
Nhâm 1, Trừng Vấn
Nhâm 2, Đáp Thích
Quý 1, Dẫn Dụ
Quý 2, Hợp Pháp

Canh 3, Biệt Hiện Duyên Khởi

Tân 1, Minh Nhị Duyên Khởi
Nhâm 1, Tán Khởi
Nhâm 2, Tiêu Liệt
Nhâm 3, Thích Nghĩa
Nhâm 4, Hiện Mê
Quý 1, Pháp Thích
Quý 2, Dụ Thích
Quý 3, Hợp Thích
Nhâm 5, Lược Thuyết
Nhâm 6, Tụng Thuyết
Quý 1, Tụng Chủng Tử
Quý 2, Tụng Huân Tập
Tý 1, Chánh Minh
Tý 2, Phá Chấp

Quý 3, Tụng Dẫn Nhân

Nhâm 7, Biệt Tụng

Nhâm 8, Duyên Thọ

Tân 2, Khai Lập Tứ Duyên

Nhâm 1, Vấn Ái Phi Ái

Nhâm 2, Đáp Tăng Thượng Duyên

Nhâm 3, Vấn Thọ Giả Thức

Nhâm 4, Đáp Tam Trợ Duyên

Nhâm 5, Kết Thành Tứ Duyên

Đinh 2, Suy Chứng Kỳ Hữu

Mậu 1, Tổng Suy Kỳ Hữu

Kỷ 1, Tổng Vấn

Kỷ 2, Tổng Đáp

Mậu 2, Biệt Chứng Kỳ Hữu

Kỷ 1, Dĩ Tam Tọa Nhiễm Chứng Hữu

Canh 1, Dĩ Phiền Nã Tọa Nhiễm Chứng

Tân 1, Trừng

Tân 2, Thích

Nhâm 1, Tổng Minh

Nhâm 2, Tường Biện

Quý 1, Tựu Đương Giới Lục Thức Thân Minh

Tý 1, Dùng Nhãn Thức Minh

Sửu 1, Xuất Kế

Sửu 2, Phá Chấp

Dần 1, Chánh Phá

Mão 1, Cử Kỳ Diệt

Mão 2, Cử Tương Ứng

Mão 3, Cử Dư Thức

Mão 4, Cử Tự Thể

Dần 2, Kết Phá

Tý 2, Lệ Minh Dư Thức

Quý 2, Tùng Thượng Địa Lục Thức Minh

Quý 3, Tùng Thánh Vị Chuyển Thức Minh

Tý 1, Minh Hiện Chủng Ứng Vô Y

Tý 2, Minh Hậu Nhiệm Ứng Bất Sanh

Tân 3, Kết

Canh 2, Dĩ Nghiệp Tạp Nhiệm Chứng

Tân 1, Trừng

Tân 2, Đáp

Canh 3, Dĩ Sanh Tạp Nhiệm Chứng

Tân 1, Trừng

Tân 2, Thích

Mhâm 1, Tùng Sanh Thời Thức Minh

Quý 1, Tổng Đáp

Quý 2, Biệt Giải

Tý 1, Minh Dục Giới Sanh Bất Thành

Sửu 1, Hòa Hợp Thức Bất Thành

Dần 1, Thị Kết Sanh Tướng

Dần 2, Điệp Kế Trừng Phá

Mão 1, Điệp Kế

Mão 2, Phá Chấp

Thìn 1, Hữu Nhị Ý Thức Phá

Thìn 2, Dĩ Tam Nhân Do Phá

Thìn 3, Thiết Song Quan Trừng Phá

Kỷ 1, Điệp Kế

Kỷ 2, Thiết Quan

Kỷ 3, Trách Phá

Dần 3, Tổng Phi Kết Chánh

Sử 2, Chấp Thọ Thức Bất Thành
Sử 3, Tương Y Thức Bất Thành
Sử 4, Thức Thực Thức Bất Thành
Tý 2, Minh Sắc Giới Sanh Bất Thành
Tý³, Minh Vô Sắc Giới Sanh Bất Thành
Nhâm 2, Tùng Xuất Thế Thức Minh
Quý 1, Tổng Minh Tứ Thiên
Quý 2, Biệt Minh Nhị Thú
Nhâm 3, Tùng Một Thời Thức Minh
Tân 3, Kết
Kỷ 2, Dĩ Thanh Tịnh Suy Chứng
Canh 1, Thế Gian Thanh Tịnh
Tân 1, Trừng Vấn
Tân 2, Giải Thích
Nhâm 1, Cử Hạ Giới Vi Chứng
Quý 1, Nan Trừ Phi Nhân
Tý 1, Hạ Giới Da Hành Phi Thượng Nân Nan
Tý 2, Quá Khứ Sắc Triền Phi Hiện Chứng Nan
Quý 2, Thành Thử Thị Nhân
Nhâm 2, Lệ Dư Giới Diệc Nhiên
Tân 3, Kết Quá
Canh 2, Xuất Thế Gian Thanh Tịnh
Tân 1, Tựu Văn Huân Biện
Nhâm 1, Minh Chánh Lý
Quý 1, Trừng Vấn
Quý 2, Đáp Thích
Tý 1, Dẫn Thánh Giáo
Tý 2, Cách Chánh Lý
Sử 1, Nhĩ Ý Nhị Thức Biện

Dần 1, Trùng
Dần 2, Xích
Sử 2, Tiền Hậu Nhị Thức Biện
Sử 3, Thế Xuất Thế Thức Biện
 Quý 3, Kết Thành
 Nhâm 2, Đáp Phương Nan
 Quý 1, Đáp Năng Sở Trị Nan
 Tý 1, Xuất Nạn
 Sử 1, Nhiệm Thức Phi Tịnh Chủng Nan
 Sử 2, Vô Huân Ứng Phi Chủng Nan
 Tý 2, Đáp Thích
 Quý 2, Đáp Tự Tha Tánh Nan
 Tý 1, Xuất Nan
 Tý 2, Đáp Thích
 Quý 3, Minh Huân Tập Chi Tướng
 Tý 1, Trùng Minh
 Tý 2, Biệt Biện
 Sử 1, Lược Tiêu Cử
 Sử 2, Quảng Giải Thích
 Dần 1, Minh Tịnh Chủng Phi Lại Da
 Dần 2, Hiển Huân Tập Hữu Thắng Năng
 Mão 1, Minh Trị Tác
 Mão 2, Minh Thân Nhiếp
 Mão 3, Minh Chuyển Y
 Quý 4, Minh Hòa Hiệp Chi Tướng
 Tý 1, Chánh Nan
 Tý 2, Dụ Thích
 Sử 1, Nga Ẩm Nhũ Dụ
 Sử 2, Thế Ly Dục Dụ

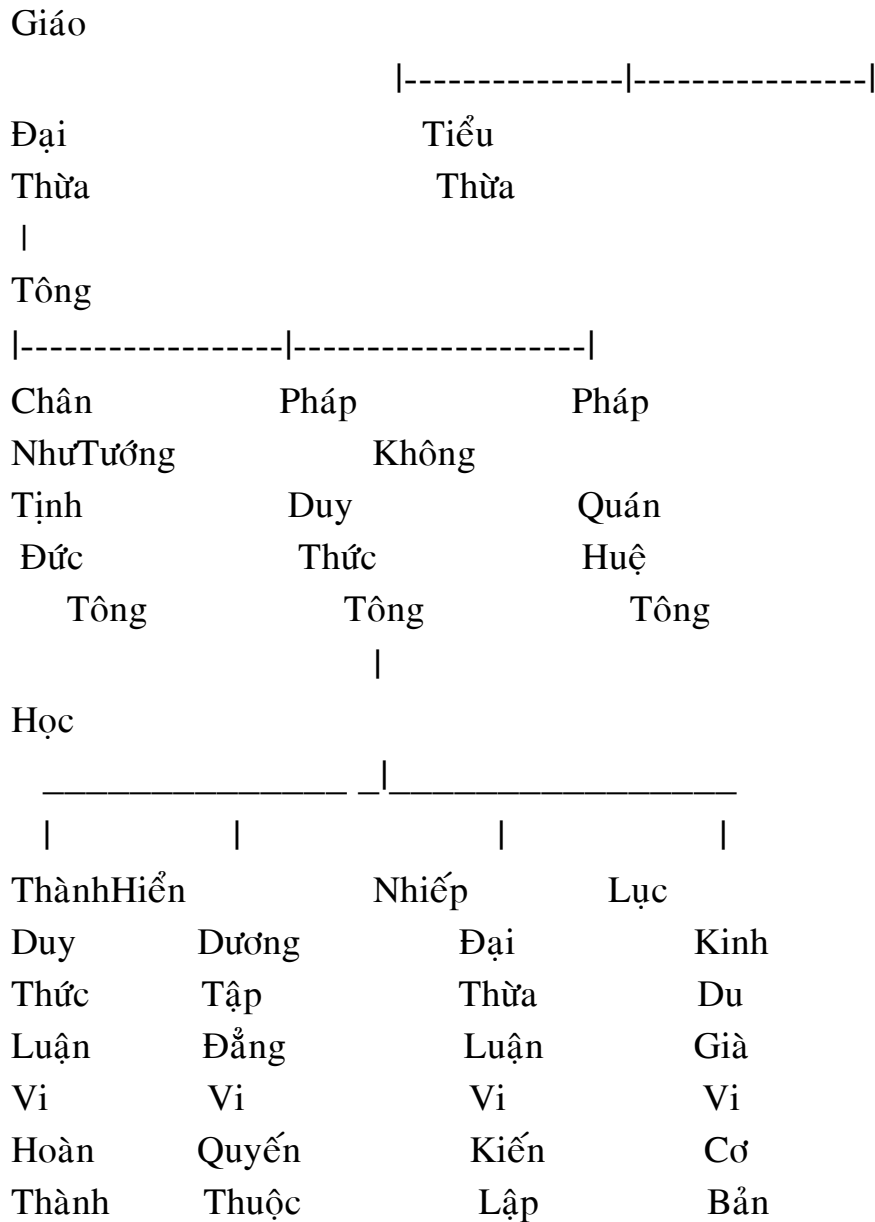
Tân 1, Tự Diệt Định Biện
 Nhâm 1, Chánh Biện
 Nhâm 2, Phá Chấp
Quý 1, Phá Vô Thức Chấp
Quý 2, Phá Ý Thức Chấp
 Tý 1, Điệp Kế Tổng Phá
 Tý 2, Hiển Quá Biệt Xích
 Tý 3, Kết Định Phi Ý
Quý 3, Phá Sắc Tâm Tự Loại Tương Sanh Chấp
 Tý 1, Điệp Kế Chỉ Tiền Phá Vô Huân Tập
 Tý 2, Phá Diệt Cửu Bất Ứng Canh Sanh
 Tý 3, Phá A La Hán Ứng Vô Tối Hậu Uẩn
 Tý 4, Hứa Khả Dung Hữu Đẳng Vô Gian Duyên
Mậu 3, Kết Thành Kỳ Hữu
 Kỷ 1, Trực Kết
 Kỷ 2, Tụng Kết
 Canh 2, Phá Chấp
 Tân 1, Phá Đối Trị Vi Chuyển Y Chấp
 Tân 2, Phá Chuyển Thức Vi Chuyển Y Chấp
Đinh 3, Thị Sai Biệt Tướng
 Mậu 1, Trừng Khởi
 Mậu 2, Đáp Thích
 Kỷ 1, Tổng Đáp Tam Tứ
 Kỷ 2, Biệt Thích Tứ Chủng
 Canh 1, Dẫn Phát Sai Biệt
 Canh 2, Dị Thục Sai Biệt
 Canh 3, Duyên Tướng Sai Biệt
 Canh 4, Tướng Mạo Sai Biệt
 Tân 1, Lược Tiêu Cử

Tân 2, Quảng Giải Thích
Nhâm 1, Minh Y Chánh Sai Biệt Tướng
 Quý 1, Y Tiêu Thích Tướng
 Quý 2, Minh Đối Trị Tâm Dị
Tý 1, Tổng Minh Nội Ngoại Bất Đồng
Tý 2, Biệt Minh Ngoại Tùy Tâm Dị
 Quý 3, Kết Thành
Nhâm 2, Chủng Chủng Sai Biệt Tướng
 Quý 1, Thô Trọng Khinh An Tướng
 Quý 2, Thọ Tận Vô Tận Tướng
 Quý 3, Thí Dụ Tướng
 Quý 4, Cự Bất Cự Tướng
Đinh 4, Biện Tánh Vô Phúc
 Mậu 1, Vấn
 Mậu 2, Đáp

Hết

PHẦN I.

Nay giảng luận này, trước hết căn cứ nơi trong hệ thống chung của Phật Giáo biết rõ vị trí của nó. Liệt kê theo đồ biểu như phía bên trái



Chỗ gọi là giáo đây chính là danh xưng tổng hợp chung lại của Phật pháp. Tuy có bốn nghĩa Giáo, Lý, Hạnh, Quả, mặc dầu Giáo là tiếng của danh cú văn (*Danh là tên gọi, Cú là câu văn, văn là chữ nghĩa*) có

thể giải thích, còn Lý vân vân chính là chỗ giải thích kỹ càng, chỗ tu, chỗ chứng đắc nên đề cử chỗ có khả năng tóm thâu. Lại có chỗ nhất định không phải khác, chỉ cần quán chiếu để chờ đợi giả lập, cho nên đều dùng văn ngôn để cai quản nó. Tuy nhiên luận về Giáo, có một tiếng mọi người đều nói: Nó hát một âm chính là chỉ cho La Thập vân vân. Nhị Giáo thì có phân nửa viên mãn của Kinh Niết Bàn, và lại phân làm Đại Tiểu Thừa vân vân. Tam Giáo, nghĩa là trải qua xác minh ba thời thuyết pháp thâm mật của Phật, chính là thời chuyển biến chiếu soi vân vân. Tứ Giáo, tức là Thiên Thai vân vân. Ngũ Giáo, thì có Hiền Thủ vân vân. Các thuyết đây vân vân đều có chỗ nương tựa và phương tiện; nay phân làm hai, thì gọi là Đại Thừa Tiểu Thừa. Hơn hết, trong Phật Tạng, đa phần là hai tạng Bồ Tát và Thanh Văn, mặc dù còn có một loại điểm cốt yếu của Giáo là Độc Giác, tuy nhiên nó nương nơi thời không có Phật mà lập danh; khi Phật còn tại thế, pháp của Phật thuyết mười hai duyên khởi, người nghe đến được hấp thụ nên gọi là Thanh Văn. Căn cứ nơi nghĩa đây, phân biệt thành hai giáo Đại và Tiểu.

Nhưng rõ ràng Phật thuyết giáo, Phật Đà Kinh Luận có hai lối giải thích: Đầu tiên dẫn nghĩa của luận sư Long Quân, gọi là Phật Quả chỉ có Trí Huệ Đại Định, giáo nghĩa của nó gọi là Danh Cú Văn, chỉ do nguyện lực đại bi của Phật, tùy căn cơ của chúng sanh Thức tự biến hiện, Phật không thuyết pháp, nên không thể một âm rõ ràng. Mà chính ánh sáng của tự thân Phật chiếu soi vân vân, được gọi là thiện căn của chúng sanh cảm nhận nơi Phật, Phật nhận biết trên hiện tượng tiếng của danh cú văn vô lậu làm bản chất; Thức chúng sanh nhờ đó, tùy theo Tướng Phần chỗ duyên các giáo nghĩa. Người sau nương giáo nghĩa này, nên gọi rằng: Bản chất của Phật giáo chính là một âm, đặc biệt nương nơi âm đó theo cơ cảm tiến lên để hiểu rõ: Phật hiểu từ

nhân cơ cảm mà phát khởi giáo nghĩa, cơ cảm có khác thì giáo nghĩa cũng ứng theo thành đặc thù, còn không cơ cảm thì một âm làm sao thành lập? Đã nhân cơ cảm phát khởi, hai giáo nghĩa thì chạy trốn nơi nào? Sư Kết Tạng vân vân cũng rõ từ hai giáo nghĩa này, Kinh Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn đều hiện văn này. Cho nên phân làm hai, chính trong các thuyết, nghĩa rất phân minh vậy. Hiện giáo nghĩa thông qua các thuyết như mỗi lời nói của Hoa Nghiêm không có Tiểu chỉ có Đại; Bát Nhã phát quy Tiểu về Đại một cách thâm mật vân vân khắp nơi đều xưng là Đại Thừa, là phát đi nhanh tới tất cả thuyết của Đại Thừa, chỉ đem Tiểu phụ thêm cho Đại, dùng Tiểu làm phương tiện lợi tha, có thể gọi trợ giúp Tiểu nơi Đại; Pháp Hoa dung thông Tiểu thành Đại. Các nhà ở trong Đại Thừa tuy có phân biệt, đều nương nơi giáo lý Đại thừa, tùy theo đối với Tiểu bị giới hạn quan hệ nên có khác, chính mở ra và hợp lại không đồng nhau. Ngoài ra, người trong năm Thừa, pháp tự nhiên chính là giới thiện, thiên định có từ xưa trong thế gian, không phải bản chất của Phật giáo, chỉ phụ thuộc nơi trong giáo lý của Đại Tiểu làm phương tiện lợi tha, nên cùng các thuyết không trái nhau. Nơi giáo lý của Đại Tiểu, Luận đây thuộc Đại Thừa. Chỗ gọi là Tông, là nghĩa kính trọng, tôn sùng, cao quý, chủ thể vân vân. Nói ngược lại, tức là yếu điểm chỗ thiết lập quảng giáo bên trong. Tiểu Thừa sáu Tông phái, cùng bốn luận không quan hệ, tạm thời không thuật lại. Đại Thừa Tông đây, lược nói có ba loại:

1/- Pháp Không Huệ Quán Tông, tuy cũng tóm thâu Sanh Không Huệ Quán, vì cộng thêm Nhị Thừa, nói lược mà không nêu ra ngoài. Huệ quán đây là có đối trị, thông suốt dựa vào thêm hành trì, căn bản dùng lời nói của Trí không phân biệt. Kinh cũng nói Bát Nhã, Bát Nhã đến Phật Quả, thì gọi là Tát Bà Nhã, hoặc gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Đây tức là Tam Luận Tông. Tông đây chú trọng phá chấp pháp của Tiểu Thừa, nên dùng Huệ Quán Pháp Không làm Tông.

2/- Pháp Tướng Duy Thức Tông, Tông trước tuy dùng Huệ nhưng không rửa sạch chấp pháp, nhưng Pháp Tướng tuy lìa chấp, thì chưa sáng rộng, nên dùng Tông để hỗ trợ theo. Chỗ gọi Pháp đây, tức là năm loại pháp như tướng, danh, phân biệt, chánh trí, như như. Tướng đây, chỉ ba tánh Biến Kế Chấp vân vân, phân biệt tánh chất của năm pháp kia, tức là ba Tánh, hai Tánh đây làm sáng tỏ chung của tất cả pháp tướng. Tông đây chỗ làm sáng tỏ, gọi là các Thức chỗ duyên, Duy Thức chỗ hiện; chỗ duyên tức là tất cả Pháp Tướng, các pháp tướng đây là Thức biến giáo nghĩa, nên gọi là Pháp Tướng Duy Thức. Tuy nhiên gần đây cũng có phân Thức này làm thành hai Tông, Pháp Tướng Tông và Duy Thức Tông; Pháp Tướng Tông sáng tỏ rộng cả Tánh và cả Tướng của tất cả pháp; Duy Thức Tông độc lập hướng Tâm Vương Tâm Sở. Nhưng nếu nương nơi Luận này, chỗ hiểu biết nương nơi Kiến Phần để rõ Duy Thức, chỗ hiểu biết nương nơi Tướng Phần để rõ Pháp Tướng, chỉ một Luận đâu không phải phân làm hai Tông? Bởi vì Luận này không biết Pháp Tướng không phải là Tông, Tông của Pháp Tướng đây chính là Duy Thức, mà Duy Thức Tông tất nhiên cũng nương nơi Pháp Tướng mà làm sáng tỏ. Nếu lìa nhau cả hai đều bị tổn thương, hợp nhau lại thì được song mỹ, không phải đây sao?

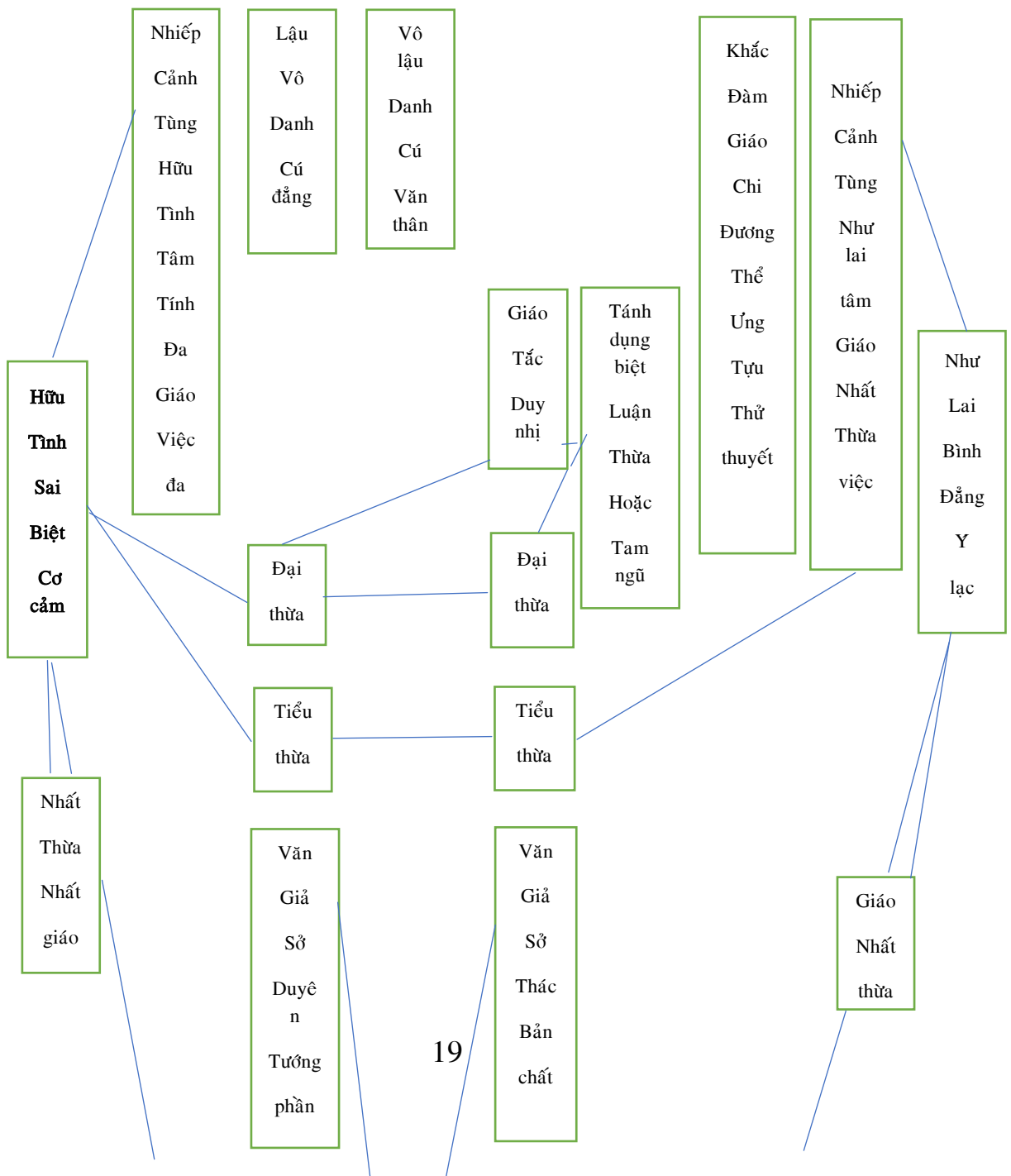
3/- Chân Như Tịnh Đức Tông, phàm có ngôn thuyết có thể an lập, Tông trước tóm thâu hết mà không còn dư. Tông đây chỗ sáng tỏ, chính là Huệ quán pháp không chỗ phát sanh, còn chỗ hiển bày, chỗ sáng tỏ Pháp Tướng Duy Thức, chính là Thể của chỗ chứng đắc. Tóm thâu hữu vi vô vi của tất cả pháp thanh tịnh vô lậu được xưng đây là

Như Lai Tạng. Pháp Giới Tạng vân vân, Tông đây đặc biệt ảnh hưởng quả đức của các Tông như Hoa Nghiêm, Chân Ngôn.

Bốn luận tuy cũng làm sáng tỏ Huệ Không để phá chấp, đoạn trừ trí nhị quả, nhưng luận đây chỗ chú trọng đặc thù, chính là làm sáng tỏ Pháp Tướng Duy Thức Tông của các pháp Duy Thức. Nếu căn cứ nơi học thuyết của Pháp Tướng Duy Thức Tông, giá trị hiển bày của bốn luận, thì phân làm bốn môn: cội nguồn của Tông này chính Phật nói, nên dùng Hoa Nghiêm, Hậu Nghiêm, Thâm Mật, Như Lai Xuất Hiện Công Đức, Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Lục Kinh và Du Già Sư Địa Luận làm cơ bản. Hoa Nghiêm đây, tuy cùng Tông khác, đây chọn Thập Địa Hành Chứng, và nghĩa của Duy Tâm; ngoài ra Tông này thì chọn lấy quả biển viên dung của Kinh Thái Lập Ngôn và Nhĩ. Tam Hậu Nghiêm vân vân và Luận Du Già, đã có bản giải thích. Kỳ dư hai bộ Kinh Thái và Tam Hậu Nghiêm tuy chưa dịch, chỉ đại ý của Kinh A Tỳ Đạt Ma, có thể thấy nơi bốn luận; Kinh Như Lai Xuất Hiện Công Đức, nương nơi Phật Địa, Kinh Hoa Nghiêm, cũng có thể thấy đại khái nơi bốn luận; như đã nói nơi phẩm Như Lai Xuất Hiện vân vân. Lục Kinh, Du Già tuy là cơ bản của Tông này, tuy nhiên kiến lập mà chưa tỏ tường minh bạch đặc thù. Nên kiến lập của Tông này, chính ở nơi Nhiếp Luận chỗ tạo tác của Bồ Tát Vô Trước, phần ban đầu tức là kiến lập A Lại Da, yếu nghĩa của Pháp Tướng Duy Thức Tông tức là ở nơi đây. Còn nơi thuyết thâm mật vân vân, nổi bật rõ ràng tinh anh và thiết yếu là Hiển Dương, Tập Luận vân vân tám thứ luận chi nhánh, giúp đỡ dòng phái Thái Tập làm quyền thuộc của Tông này. Mà hoàn thành của Tông này, thì nơi Thành Duy Thức Luận. Ba Thức Năng Biến của Thành Duy Thức Luận mới xác định. Tổng hợp lại, bốn luận nơi trong Tông này và Phật giáo, có thể nói ở vị trí trọng yếu căn bản để kiến lập tất cả Pháp Tướng Duy Thức, chính là quan hệ nơi nghĩa

lý ít hay nhiều của giáo nghĩa Đại Thừa. Đặc biệt dùng một đồ biểu để xác minh đại ý, được trình bày rõ sau đây.

ĐỒ BIỂU



như

chân

Giải thích bốn luận, văn bản phân làm ba:

1/- Trước hết giải thích đề luận, kế đến nói rõ người tạo giải thích, sau đó giải thích chánh văn. Trước hết giải thích đề luận: Nhiếp Đại Thừa, căn cứ nơi trong văn [A Tỳ Đạt Ma nói Thể Đại], và sau đó [A Tỳ Đạt Ma..... Nhiếp Phẩm Đại Thừa], hai đoạn giải thích đây chính là dùng phẩm NhiếpĐạiThừa trong kinh lập danh.Nhiếp có hai nghĩa tàng trữ và bảo trì: nghĩa là phẩm này hoặc luận này có thể hàm chứa tất cả pháp Đại Thừa, bảo trì khiến không mất, không thể không có, nên gọi là Nhiếp Đại Thừa. Nói ngược lại, tức là tóm thâu và tàng trữ mười pháp chủng thù thắng của Đại Thừa, Bảo Trì khiến không cho tan biến và ẩn mất. Nghĩa Đại Thừa, như thường đã nói, nên chỉ noi theo không thuật lại. Căn cứ theo lời giải thích trong luận của Thế Thân, ba tạng của Đại Tiểu đều sáng tỏ, đây tức là Luận Tạng trong ba tạng của Đại Thừa.Luận, hiển bày không phải kinh, Bốn, là giải thích sơ lược của Luận, gọi chung là Nhiếp Đại Thừa Luận Bốn, tức là giải thích tên đề mục.

2/- Giải Thích rõ người tạo luận,bốn luận đây là của Bồ Tát Vô Trước căn cứ nơi trong kinh A Tỳ Đạt Ma nơi phẩm Nhiếp Đại Thừa sáng tạo. Bồ Tát giải thích có Vô Tánh; Vô Trước và Thế Thân hai vị cùng nhau giải nghĩa. Khi vào Trung Hoa dịch lại. Bốn luận có bốn quyển, nhưng giải thích luận chỉ có ba: (1) Hậu Ngụy Phật Đà Phiến Đa, trụ nơi Thiều Lâm Tự ở Cao Sơn, chỉ dịch bốn luận. (2) Trần Chân

Đế dịch. (3) Tùy Cấp Đa dịch. (4) Đường Huyền Trang dịch. Ba sư đây đều dịch đầy đủ bốn luận đã giải thích. Ngày nay chỗ giảng giải chính là quyển dịch thứ bốn. Nhân Huyền Trang công du Ấn Độ dịch Hoa Phạn tốt đẹp hơn, khéo thông đạt lý Duy Thức, cho nên người hậu học đều quý trọng bộ dịch này.

3/- Chánh văn giải thích, có thể phân thành mười 11, văn có 11 đoạn. Đầu tiên tức là tổng hợp tiêu chuẩn phân cương yếu, ngày nay tiêu chuẩn thường mô phạm làm ba khoa: Giáp 1, Nhưng dùng phần danh xưng. Giáp 2, theo sở tri y (*Sở tri y là chỗ nương tựa để hiểu biết*), cho đến trong Quả Trí kia, Nhân Không thì tương ứng câu nguyên lý để làm chỗ nương tựa phần giải thích giúp được sâu rộng, giúp được minh bạch phần đầu tiên mười thù thắng của tiêu chuẩn. Giáp 3, Theo A Tỳ Đạt Ma giải thích sơ lược đến cứu cánh, nhằm mục đích làm chỗ kết quả của sự trình bày phần giải thích danh xưng, người sáng tạo tự đề ra danh xưng. Sơ lược tiêu chuẩn cương yếu đây, nghĩa là tổng hợp sơ lược tiêu chuẩn của đề cử danh xưng mười thù thắng, và đề xuất thể của mười thù thắng đó, tức là cương yếu hợp nhau vậy.

Giáp 1, Tổng hợp phần tiêu chuẩn cương yếu.

Ất 1, Tổng hợp kể nguyên do đầu mối.

Trong kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma, trước Bạc Già Phạm đã có Thiên Thân Bồ Tát Đại Thừa, vì hiển bày Thể Đại của Bồ Tát Đại Thừa.

Duyên khởi của tạo luận đây, thông thường như đã kể trong kinh. Tuy nhiên kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma, danh xưng của kinh tiêu chuẩn chỗ

nương tựa chứng minh là bốn Tông vậy. A Tỳ Đạt Ma, xưa gọi là A Tỳ Đàm, dịch là không có pháp nào so sánh được. Tỳ Đàm, thành thật tương đối mà nói, chính là chỉ cho danh từ chuyên môn của luận Tiểu Thừa Hữu Bộ. Thật đúng tên đây chính là tên chung của các luận Đại Thừa Tiểu Thừa, mà Phật nói có đối pháp, số pháp, phục pháp của tất cả kinh, cũng được tên riêng. Nên ngày nay kinh gọi, tức là A Tỳ Đạt Ma vậy. Căn cứ nơi lời giải thích của Thế Thân, A Tỳ Đạt Ma phàm có bốn nghĩa: nghĩa là đối pháp, số pháp, phục pháp, thông pháp. Đối Pháp, đối nghĩa là hướng về, hướng về Niết Bàn Vô Trụ, có thể nói hướng về Tứ Đế Bồ Đề, giải thoát vân vân. Số Pháp, nghĩa là mỗi mỗi pháp mỗi mỗi số lời giải thích từ tướng chung vân vân đến nghĩa sai biệt. Phục Pháp, nghĩa là chỗ luận đầy đủ, cách thức trang nghiêm vân vân. Khả năng lập khả năng phá, chinh phục đắc thắng ngoại đạo và các luận khác. Thông Pháp, nghĩa là khả năng giải thích thông suốt nghĩa Tố Đất Tục Tạng. Nghĩa thông pháp đây, chỉ luận của Bồ Tát Thỉnh Văn chỗ tạo mới có; ba nghĩa trước của A Tỳ Đạt Ma, thông qua tất cả luận thuộc phần kinh của Phật nói. Cho nên kinh đây đặc biệt gọi là A Tỳ Đạt Ma, danh xưng thì thông suốt, nhưng thuộc Tố Đất Tục chỗ tóm thâu, không phải luận tạng tóm thâu. Chỗ nói trung đây, chứng minh là căn cứ một phẩm trong kinh, không phải toàn bộ quyển kinh. Bạc Già Phạm vân vân, là chỗ nói trong kinh đây. Bạc Già Phạm, chính là một phẩm thuộc danh xưng phổ thông của Phật, có đầy đủ sáu nghĩa, giải thích phá bốn thú ác ma vân vân, căn cứ đa phần bao hàm, các nghĩa tôn quý, chonên không phiên dịch. Tuy nhiên trong sáu nghĩa có nghĩa tôn quý, tức là vì Thế Tôn mà thông dịch; nên gọi là Bạc Già Phạm, bậc tôn xưng gọi Phật hoặc Thế Tôn. Trước, hiển hiện tại Phật tiền vì được Phật ấn chứng hứa khả mới dịch kinh, không phải vì đời mạt thế mà tạo luận. Có thể nói đây là Vô Trước, chủ của phẩm Nhiếp Đại Thừa. Đã có thể thiện nhân của đại thừa, chính rõ

ràng nói đức đây, nghĩa là các Đại Bồ Tát đây, đã đặng tam muội thân thông các đà la ni môn vân vân và các công đức, đã có thể thông đạt nghĩa pháp đại thừa. Thế thì làm sao nói nghĩa pháp môn này? Nên nói [vì hiển bày Thể Đại ,của Đại Thừa nên mới thuyết minh], tức là thuyết minh Tông nghĩa của luận này. Hiển đây chính là nghĩa khai triển và phát huy. Thể, tức là bản thể, như lửa nấu nước ấm lên vân vân. Đại, dụ như thù thắng, Đại Thừa tức là cỗ xe thù thắng, pháp đại thừa đây bản thể của nó thù thắng, nên gọi là Thể Đại.

Thể thù thắng thông đạt đây chỉ chomười thứ thù thắng tạo luận, không phải chỉ có chân như. Nay trình bày pháp đây, tức là vì muốn mở bày và phát triển mười thứ Tướng thù thắng của bản thể pháp đại thừa nên mới trình bày.

Ất 2, Tiêu chuẩn chính là cương yếu.

Bính 1, liệt kê tiêu chuẩn thù thắng.

Đinh 1, Tiêu chuẩn,

Nghĩa là căn cứ nơi các đức Phật Thế Tôn có mười Tướng thù thắng, lời nói thù thắng của Đại Thừa: nghĩa là căn cứ nơi trong pháp đại thừa, các đức Phật Thế Tôn chỗ nói có mười Tướng thù thắng, là nhằm hiển bày tướng thù thắng này, nên nói Ngôn Ngữ có mười thứ thù thắng. Dưới đây thù thắng là ngôn ngữ có khả năng giải thích kỹ càng; trên đây thù thắng là chỗ Đức của tướng giải thích kỹ càng, cho nên chú trọng ngôn ngữ vậy.

Đinh 2, Liệt Kê.

Một là, chỗ biết nơi nương tựa thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Hai là, chỗ biết tướng thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù

thắng. Ba là, người đây là người biết tướng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Bốn là, người kia nhân quả thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Năm là, người kia tu nhân quả sai biệt thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Sáu là, tức là ở nơi trong sai biệt như thế mà tu giới tăng lên thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Bảy là, tức là ở nơi trong sai biệt như thế mà tu tâm lắng lên thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Tám là, từ ở nơi trong sai biệt như thế mà tu huệ tăng lên thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Chín là, người kiadoạn trừ phiền não chướng kết quả thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Mười là, người kia phát triển trí huệ thành quả thù thắng cho nên ngôn ngữ cũng thù thắng.

Ngôn ngữ là chỗ hiểu biết, nghĩa là chỗ cần nên hiểu biết, tức là chỗ hiểu biết về Tướng. Sáng suốt tướng đây là chỗ phát khởi nguyên nhân, gọi là chỗ nương tựa để hiểu biết, Y đây là nhân vậy. Tướng, tức là chỉ cho ba Tánh, lại có thể gọi là pháp chân vọng, viên thành thật (*Viên thành thật tánh, nghĩa là thành tựu thể tánh chân thật viên mãn*) và tịnh y tha khởi (*y tha khởi là nương a lại da duyên khởi thí dụ như con người thật, bông hồng thật...*) là chân, biến kế chấp (*biến kế sở chấp là nương nơi ý tưởng, tức mat na thức duyên khởi thí dụ như người rô bốt, bông hồng bằng gỗ, bằng nhựa cây.....*) và nhiễm y tha khởi là vọng. Tuy nhiên trong ba tánh, Tâm là chỗ nương tựa của duyên sanh, ALại Da là nhân gốc của tất cả pháp duyên sanh, nên gọi ALại Da là chỗ nương tựa căn bản, chỗ nương tựa chân vọng vân vân. Thể của chỗ nương tựa đây thù thắng nên ngôn ngữ có thể giải thích kỹ càng cũng thù thắng vậy ---- dưới đây đều dùng lời dạy bảo. Chỗ hiểu biết Tướng, Tướng đây tức là Thể Tướng của ba Tự Tánh (*Ba tự tánh tức là biến kế chấp tự tánh, y tha khởi tự tánh, viên thành thật tự tánh*), chỗ hiểu biết tức là Tướng. Tam Tánh như trên đã giải thích. Người là

chỗ để hiểu biết Tướng đây, người gọi là Năng Nhân, chỗ để cho người hiểu biết gọi là Sở Nhân. Sáng suốt từ nơi chỗ người giác ngộ, tức là cánh cửa của giác ngộ, cánh cửa đây tức là lý Duy Thức, có thể giác ngộ lý duy thức, lại có thể phát sanh thắng giải, tu hành thắng giải, chứng quả thắng giải, cho nên Tánh Duy Thức đây xưng là cánh cửa của người có thể vào nơi chỗ hiểu biết Tướng Duy Thức vậy. Bỉ nhân nghĩa là người kia, tức là người có khả năng hiểu biết tánh duy thức kia. Thuận theo Phật quốc mà gọi người kia tức là chỉ cho Bồ Tát Vô Trước (*Thuận theo Phật Quốc tức là cõi Đâu Xuất của Phật Di Lặc*). Nhân đây, tức là bố thí ba la mật đa từ ngôi vị Gia Hạnh của Thập Hạnh nơi thế gian vân vân. Quả đây, tức nơi Thập Địa trở lên tu xuất thế gian ba la mật đa. Nhân quả tu sai biệt kia, nhân quả kia, như trên đã giải thích, tu sai biệt đây, nghĩa là luôn luôn tu nơi trong các thập địa mở bày thay đổi tăng lên mà có sai biệt. Nghĩa là ở trong sai biệt mà tu Giới tăng lên như thế, tức là người kia trong sai biệt, tu ba học, trong thập địa căn cứ nơi giới để học, các luật nghi đây chỉ Bồ Tát mới học, đơn giản còn hàng Thanh Văn gọi là tăng thượng; tâm đây là chỉ cho Huệ cũng thế. Tức ở nơi trong Giới đây, nhưng chỉ lời nói cũng tăng thượng. Tâm tăng thượng đây, nghĩa là Định, căn cứ nơi tâm học hoặc ở trong nội tâm, nên định danh là tâm học. Huệ tăng thượng đây, tức là trong thập địa Huệ thuộc không phân biệt. Quả đoạn kia, nghĩa là người kia tu tập đến chứng quả vị chỗ có đoạn đức, nghĩa là có công đức giải thoát hai chướng, (*tức là đoạn trừ phiền não chướng và sở tri chướng*) của Niết Bàn Vô Trụ. Quả Trí kia, nghĩa là người kia tu tập đến quả vị Phật, là được nhị chướng và lại thêm thứ vô đối trị, đạt đến Tứ Trí Bồ Đề, (*tứ trí bồ đề tức là Thành Sở Tác Trí, Diệu Quan Sát Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Đại Viên Cảnh Trí*). Đoạn và Trí đây tức là hai quả chuyển y. (*hai quả chuyển y tức là chuyển phàm phu thành bồ đề, chuyển phiền não thành niết bàn*).

Đinh 3, Kết

Do đây chỗ nói của chư Phật Thế Tôn các câu trong vãng tự của kinh, hiển bày ngôn ngữ của Phật là chân Đại Thừa.

Do trong đây chỗ nói mười thứ thù thắng và ngôn ngữ thù thắng, là ngôn ngữ của tất cả các đức Phật Thế Tôn chứa đựng các câu nghĩa thậm thâm của Tố Đát Tục Tạng, nên có thể hiển bày và phát huy giáo pháp Đại Thừa, đích thật Phật ngữ, không phải nói những lời dư thừa. Lời nói của các đức Phật đây, biện minh là chỉ Phật với Phật đều đồng đạo nhau, không khác nhau và không trái nghịch nhau. Tuy nhiên trong kết thúc đây tóm lại có hai ý: (1) Một là, cụ thể pháp thù thắng đây là chỉ có trong Đại Thừa, (2) Cụ thể pháp Đại Thừa đây là lời của Phật nói vậy.

Bính 2, Trưng Thích Thù Thắng, nghĩa là thỉnh cầu giải thích thù thắng.

Đinh 1, Xuất Thể Hiển Thắng, nghĩa là mở ra thể hiển bày thể thù thắng

Mậu 1, Trưng Vấn, nghĩa là thỉnh cầu cầu vấn,

Trở lại lần thứ hai, thế nào có thể hiển bày?

Tức là ở trong liệt kê tiêu chuẩn trước, muốn rõ thù thắng, nên thiết lập thỉnh cầu để giải thích. Vì sao có thể hiển bày, hiển bày có hai nghĩa: Nhân duyên như thế nào nên pháp đây là Đại Thừa? Lại nhân duyên như thế nào chứng minh là ngôn ngữ của Phật? Tức là nương nơi văn kết luận trên mà hỏi hứng thú vậy.

Mậu 2, Đáp Thích, nghĩa là giải thích để trả lời.

Kỷ 1, Dị Tiểu Hiện Thắng, nghĩa là nhỏ thì khác hiển bày thù thắng.

Canh 1, Tổng Hiện, nghĩa là tổng hợp những điều hiển bày.

Do đây chỗ nói thập xứ (*Thập xứ, là năm căn năm trần; năm căn là nhãn căn, nhĩ căn....thân căn; năm trần là sắc trần thanh trần.....xúc trần*), nơi thanh văn thừa không từng thấy nói, chỉ trong Đại Thừa xứ xứ (*xứ xứ tức là mười xứ*) thấy nói đến.

Nghĩa là do mười thứ xứ thù thắng, ở nơi trong giáo pháp Tiểu Thừa, không từng thấy nó có chỗ nói xứ; chỉ ở nơi trong giáo pháp Đại Thừa thì xứ xứ thấy có nói, cho nên mười pháp đây là pháp thù thắng của Đại Thừa.

Canh 2, Biệt Minh, nghĩa là biện minh riêng biệt.

Nghĩa là Thức A Lại Da, nói tên là thể sở tri y (*Thể là bản thể của chỗ nương tựa để hiểu biết*). Ba thứ tự tánh: (1) Y Tha Khởi Tự Tánh (*Vạn pháp có thể chất nương a lại da duyên khởi*) (2) Biến Kế Sở Chấp Tự Tánh (*vạn pháp không thể chất do ý tưởng duyên sanh*). (3) Viên Thành Thật Tự Tánh (*Bản thể của vạn pháp thành tựu chân thật viên mãn*), có tên là Thể Tướng của chỗ hiểu biết. Duy Thứ Tánh, là nói tên Thể Tướng chỗ hiểu biết của con người. Sáu Ba La Mật Đa, là nói tên thể nhân quả của người tu. Bồ Tát Thập Địa, là nói tên thể sai biệt nhân quả của người tu. Luật Nghi Bồ Tát, là nói Huệ Thể tăng thượng trong đây là Niết Bàn Vô Trụ, là nói tên thể đoạn trừ của quả kia. Ba thứ thân Phật: 1/- Tự Tánh Thân. (*Tức Tỳ Lô Giá Na thân*). 2/-

Thọ Dụng Thân. (*Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Thân*). 3/- Biến Hóa Thân. (*Thiên Bá Ưc Hoá Thân*). Đây gọi là quả Trí Thể kia vậy.

Mười thể thù thắng đây là pháp gì, trong Tiểu Thừa giáo sao không thấy nói đến? Nói rằng: Thể của chỗ hiểu biết nương tựa, tức là ALại Da, nơi trong giáo pháp của Thinh Văn, ngôn ngữ ở đây chưa thấy rõ. Phật đâu không muốn Thinh Văn biết đến? Đáp rằng: không phải vậy. Kinh Thâm Mật nói: [Thức A Đà Na thậm thâm vi tế, tất cả chúng tử như dòng thác nước mưa lũ, ta ở nơi phàm ngu không thể khai diễn, sợ người kia phân biệt chấp ngã]. Đây có thể biết, pháp thù thắng đây, là thâm ý của Phật Thế tôn sử dụng. Cho nên pháp thù thắng đây, nơi Thanh Văn Thừa không được thấy nói, chỉ nơi trong chỗ của giáo pháp Đại Thừa thấy nói đến, ---- dưới đây có chín thù thắng, đều nương nơi lời dạy bảo đây của Phật. Thể Tướng của chỗ hiểu biết tức là Tam Tự Tánh, nghĩa là tất cả pháp nương nơi các duyên để sanh, đều gọi là Tánh YTha Khởi. Còn ở trên Tánh YTha đây nghĩa là vọng chấp ngã pháp vân vân, chính là Tánh Biến Kế Sở Chấp. Còn trên Tánh YTha đây trừ bỏ chấp trước, tức là Tánh Viên Thành Thật. Tổng hợp lại, căn cứ vào chỗ luận đây, chính là Tánh Y tha Khởi, tức là liệt kê thứ lớp trong ba tánh, YTha Khởi ở phần đầu, cũng có thể thấy vậy. Các nghĩa chỗ còn lại, đến văn sau sẽ giải thích rộng.

Vào chỗ hiểu biết Thể Tướng, tức là hiểu biết Duy Thức Tánh. Thể đây, là chủ thể, nghĩa là quán sát Tánh Duy Thức, chính từ nhân đến quả trong các hạnh nó chính là chủ, từ đa văn đi đến huân tập, giải rõ nó chính là tánh duy thức, thông đạt Tánh Duy Thức, tu tập Tánh Duy Thức, cứu cánh Tánh Duy Thức vân vân là như thế. Người kia vào thể nhân quả tức vào sáu ba la mật đa, nghĩa là khi từ Tánh Duy Thức vào ba Tự Tánh, từ chỗ Gia Hạnh tu thế gian thí vân vân là nhân thanh

tịnh, có thể dẫn vào Thập Địa; còn tu xuất thế gian thí vân vân, là quả thanh tịnh, cố nhiên, nếu tu nhân quả đây, đều cần nương sáu ba la mật đa làm Chủ Thể. Tu thể nhân quả sai biệt kia, nghĩa là trong Thập Địa sáu ba la mật, nếu nhân quả mở bày thay đổi tăng lên thù thắng, tức là sai biệt vậy. Mặc dù tu nhân cũng bao gồm Địa trước (*Địa trước, là sơ địa của thập địa*), tuy nhiên, tu thù thắng của Đại Thừa, chỉ ở Thập Địa, cho nên kia không nói. Tầng Thượng Giới, dùng cho Bồ Tát không cộng luật làm thể; Tâm tầng thượng đây, dùng cho Bồ Tát không cộng Định làm thể; Tầng thượng Huệ, dùng cho Bồ Tát Pháp Không, không Trí phân biệt làm thể. Sanh Không bao gồm Tiểu Thừa, đây lược qua không dùng đến. Quả Thể đoạn (*Thể đoạn là đoạn trừ tận gốc hai chướng, tức là phiền não chướng và sở tri chướng*) đây, là quả Tam Học, nghĩa là Phật Thế Tôn đoạn trừ hai chướng được đầy đủ bi trí, nhưng không trừ hai bên, không trừ Niết Bàn, tức là quả Thể Đoạn vậy. Sáu kinh Du Già có nói rõ quả đoạn này, còn gồm cả Hữu Dư Y (*có chỗ nương tựa còn lại*) vân vân, nên trong đây đã có trình bày trước, để lập cơ sở căn bản của Tông này; cho đến nơi bốn luận, thì dựng cao pháp tràng, công bố nói Vô Trụ, nên có thể kiến lập Tông này. Còn quả Trí Huệ kia, tức là ba thứ Phật Thân: Gọi là Tự Tánh Thân, tức là Thanh Tịnh Pháp Thân, là quả sở duyên của trí. Gọi là Thọ Dụng Thân, đây có hai thân: Tự và Tha: Tự, tức là tứ trí tương ứng với phẩm tâm, Tha, tức bình đẳng tánh trí chỗ phát khởi. Gọi là Biến Hóa Thân, tức là trí thành sự chỗ hiện. Ba thân đây là cực quả của trí dậy. Mười Pháp Thể đây, nơi trong biển giáo pháp của Thịnh Văn Thừa đều không thấy nói đến, chỉ ở nơi trong biển giáo pháp của Đại Thừa có nói đến, cho nên đối với Tiểu Thừa có khác là chứng minh do dùng mười pháp thù thắng vậy.

Canh 3, Kết Luận Thù Thắng

Do chỗ đây nói mười xứ, để hiển bày chỗ khác của Đại Thừa đối với Thanh Văn Thừa. Nghĩa là do trên đã nói mười thể thù thắng, trong Thanh Văn Thừa không thấy nói đến, cho nên có thể hiển bày cụ thể là khác Thanh Văn Thừa.

Kỷ 2, Tức Đại Thừa hiển bày thù thắng.

Lại nữa, hiển bày tối thắng, Thế Tôn chỉ vì Bồ Tát nên tuyên dương. Nghĩa là danh từ thù thắng dùng cho các Đức Phật đối lại là tối thắng, đây là khiến Bồ Tát thành Phật nên mới nói, do đây chứng biết chỉ Phật mới có thể nói, trừ Phật ngoài ra không ai có thể thuyết, thành Phật mới có pháp thù thắng, thuyết đây là thù thắng vậy, được cơ trí cũng thù thắng, cho nên mười pháp đây gọi là tối thắng.

Mậu 3, Kế Thành.

Là cố nhiên nên biết: chỉ nương nơi Đại Thừa Các Đức Phật Thế Tôn có mười tướng thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Trên đã trình bày rõ, cần biết mười thù thắng đây nên ngôn ngữ cũng thù thắng, chỉ nương nơi giáo pháp Đại Thừa mà nói, chân chánh là Phật ngữ vậy.

Đinh 2, Sử Dụng Rút Gọn Rõ Rệt Thù Thắng.

Mậu 1, Yêu Cầu Nên Hỏi,

Trở lại, tại sao do mười tướng thù thắng đây Như Lai mới nói thù thắng, nơi Đại Thừa để hiển bày Phật ngữ chân thật, để ngăn ngừa Thanh Văn Thừa là tánh của Đại Thừa, do mười xứ đây nơi Thanh

Văn Thừa không thấy nói đến, chỉ trong mỗi xứ của Đại Thừa mới thấy nói?

Trong đây lại hỏi, chính nghĩa trên đã giảng. Nay đây tức là nghĩa của Tổng Trì, hỏi có sử dụng thù thắng hay không, phải chăng chỉ nơi trong giáo pháp của Đại Thừa mỗi chỗ thấy nói đến hay sao?

Mâu 2, Giải Thích Trả Lời.

Kỷ 1, Trường Hàng

Mười xứ đây nghĩa là tối thắng có thể dẫn Tánh Đại Bồ Đề, là khéo thành lập tùy thuận không trái ngược nhau, là khả năng chứng đặng Nhất Thế Trí.

Mười xứ đây, chỉ trước chỗ nói rõ thể thù thắng của tướng thù thắng là mười xứ. Nghĩa của mười xứ đây chính là năng dẫn phát Nhân của quả đại Bồ Đề, tất cả trong nhân đây là đại năng lực tối thắng, nên gọi là tối năng, câu đây là trả lời tổng hợp vậy. Nói năng dẫn đây, là gián lược giáo pháp để nói, giáo là năng dẫn phát giải bày hạnh chứng ngộ. Quả đại Bồ Đề đây là chỗ Phật chứng ngộ, nên nhân của năng dẫn cũng chỉ Phật nói và chỉ Bồ Tát thật hành, không phải giáo pháp của Thanh Văn vậy. Thiện là thành lập như dưới đây, đặc biệt trình bày ý đây. Thiện thành lập, là chỗ giải thích cảnh; khả năng thiện thành lập đây là chỉ cho cảnh tánh tướng, tức là chỗ nương tựa để hiểu biết, chỗ biết tướng có hai phần. Tùy thuận không trái nghịch, là chỗ khởi hành, tức là vào chỗ biết tướng đến sáu phần huệ tăng thượng. Tùy thuận thật hành, nghĩa là nương nơi chỗ Phật nói của Duy Thức tức là Lục Ba La Mật Đa vân vân, nơi chứa vào Địa trước của Thập Địa, nếu thuận quán Duy Thức, thuận tu Tư Lương tiến đến

Bồ Đề, và thuận theo Gia Hành của trí vô phân biệt, là vào chỗ biết tướng là vào phần nhân quả kia vậy. Thực hành không trái nghịch, nghĩa là thực hành chỗ không trái nghịch của Phật nói, tức là nơi Thập Địa tu Lục Ba La Mật Đa, và là Tam Học. Lại cũng không trái Tứ Đế, không làm trở ngại Tứ Đế, đều gọi là không trái nghịch.

Là khả năng chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí, chứng minh là chỗ chứng quả. Nhất Thiết Chủng Trí, nghĩa là Trí Viên Mãn của ngôi vị Phật quả, lại không đối trị. Khi trí căn bản như lý phát khởi, chứng lý chân như của tất cả pháp, nên gọi là Nhất Thế Trí. Khi Trí đây phát khởi, đồng thời Trí Hậu Đắc như lượng chiếu soi tướng duyên sanh của tất cả pháp, nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhân Phật Trí không có đối trị, tùy ý xoay vần đồng thời phát triển, nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí ngoài ra không có ngôi vị trí nào có thể so sánh được. Khi nói chứng trí đây cũng bao hàm đoạn quả. Quả có thể dẫn phát đây tức là giáo pháp. Cho nên mười xứ giáo pháp, là cảnh của Đại Thừa khéo thành lập, là Hạnh của Đại Thừa có thể tùy thuận không trái nghịch nhau, là quả của Đại Thừa có thể chứng đắc, tổng hợp lại là nhân dẫn phát của quả đại Bồ Đề. Cho nên mười xứ đây là pháp Đại Thừa, là chân thật của Phật nói, là tối thù thắng vậy.

Kỷ 2, Trùng Tụng.

Chỗ nương tựa để hiểu biết và chỗ tướng để hiểu biết, vào nhân quả kia, tu Dị Thục kia, Tam Học, Quả Đoạn và Trí kia; Tối Thượng Thừa tóm thâu là thù thắng. Lời nói đây ngoài đây không thấy đâu có, do nhân Bồ Đề Tối Thắng. Cho nên chuẩn y Đại Thừa chân thật lời nói của Phật; do lời nói mười xứ nên thù thắng.

Từ chỗ nương tựa để hiểu biết đến đoạn trừ và trí ba câu trong bài tụng trước có nói tên của mười thù thắng. Câu Tối Thượng Thừa tóm thâu là thù thắng, xác minh Đại Thừa tóm thâu nên thù thắng. Tối thượng thừa dụ như nói Đệ Nhất Thừa, nghĩa là người không thể trải qua đây vậy. Hoặc gọi Nhất Thừa, nghĩa là có thể tóm thâu tất cả pháp, lại không ngoài Thừa này. Hoặc gọi là Phật Thừa, dùng Phật cho là quả cứu cánh vậy. Hoặc gọi là Bồ Tát Thừa, là Bồ Tát chỗ tu học vậy. Tên tuy có nhiều, xác minh Đại Thừa, không phải Thanh Văn Thừa vậy. Nghĩa là mười xứ đây có thể tóm thâu thù thắng, chỗ tóm thâu cũng thù thắng vậy. Lời nói đây ngoài ra không thấy xác minh giáo pháp của Thanh Văn có chỗ tóm thâu thù thắng; dụ như mười xứ của chỗ đây, chỉ ở nơi trong giáo pháp của Đại Thừa mới thấy nói đến, ngoài ra trong giáo pháp Thanh Văn không thấy nói đến thù thắng. Tại sao giáo pháp Thanh Văn không thấy nói đến? Do mười xứ đây là Nhân dẫn đến tối thắng bồ đề của chư Phật, câu đây chính trả lời ý hỏi trong văn trường hàng. Dưới đây kết luận rằng: vì thế nên chuẩn y chung là mười xứ đây chỉ là Đại Thừa, chính thật là lời nói của Phật. Do lý đây, nên nói mười xứ đây là tối thù thắng. Chỉ trong bài tụng chỗ nói trùng tụng thù thắng, ngay ở câu Nhân của bồ đề đây chính là trả lời câu hỏi của học giả, học giả nên biết.

Định 3, Giải thích thứ xác minh thù thắng.

Mậu 1, Chứng tỏ.

Lại nữa, vì sao lần lượt nói mười xứ đây như thế?

Đây hỏi rằng: mười thù thắng có như thế nào mà phải đầu tiên dùng chỗ nương tựa để hiểu biết, chung cuộc quả trí kia lần lượt như thế nào?

Mậu 2, Lần lượt trả lời lý.

Nghĩa là các Bồ Tát nơi các pháp Nhân cần trước hết khéo về mình, mới nơi duyên khởi nên được khéo xinh tươi. Kế đến sau đó nơi các pháp duyên sanh, nên khéo tướng của mình, khéo xa lìa lỗi hai bên là tăng ích và tổn giảm. Thứ đến sau đó như thế khéo tu Bồ Tát nên được thông đạt chân chánh và khéo nắm lấy Tướng, khiến từ các chướng nơi tâm đặng giải thoát. Thứ đến sau đó thông đạt chỗ hiểu biết tướng của mình, trước hết sáu Ba La Mật Đa của ngôi vị Gia Hạnh do chứng đặng ý lạc tăng thượng viên mãn nên được thanh tịnh. Thứ đến sau đó thanh tịnh ý lạc chỗ tóm thâu sáu Ba La Mật Đa, nơi trong Thập Địa phần sai biệt, nên cần tu tập; nghĩa là cần trải qua Ba Vô Số Đại Kiếp. Thứ đến, sau đó Bồ Tát ba lần tu học nên khiến được viên mãn. Đã được viên mãn rồi, quả Niết Bàn kia và cùng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, liền hiện chứng đắc vân vân.

Lần lượt trả lời lý đây. Nghĩa là các Bồ Tát muốn cầu Bồ Đề, nơi cảnh chỗ quán, nên phải trước biết, nên biết tướng tánh của cảnh, lại phải trước khéo biết nhân của nó, nhân đây tức là tất cả chủng tử của A Lại Da, là nơi chỗ nương tựa để hiểu biết, đây là liệt kê là thứ nhất vậy. Do nơi đây Nhân đã có thể khéo léo duyên khởi các pháp. Đã hoàn toàn nhân của các pháp duyên khởi, nên nơi các pháp chỗ duyên để sanh khởi, nên khéo chọn tướng của nó, tướng của nó tức là YTha Khởi vậy. Nhân Duyên của duyên khởi, có 15 chỗ nương tựa, 12 duyên khởi và 6 nhân, 10 nhân, 4 chi duyên, nương nơi các duyên đây để sanh khởi, gọi là YTha Khởi. Nơi Tướng YTha Khởi đây chứng minh sự nhận thức hoàn toàn chính xác, khiến khéo có thể xa lìa nơi YTha Khởi trên tăng trưởng lợi ích chấp ngã chấp pháp thật có, và nơi YTha Khởi trên bị tội lỗi tổn giảm được xoay chuyển viên thành thật

trở thành thanh tịnh vậy. Đây là pháp chỗ hiểu biết, nên căn cứ phần thứ hai. Phần thứ hai trên đây là cảnh chỗ quán chiếu.

Bồ Tát nơi cảnh đã thông đạt, nên cần tu hành mục đích đến chỗ mong mỗi thành quả. Nơi trong tu hành, thứ nhất nên phải thông đạt nơi chỗ quán cảnh của Duy Thức làm tánh đây, khiến các chướng trong tâm xa lìa giải thoát. Nghĩa của Duy Thức, đã biết hoàn toàn, nên nơi trong ngôi vị Gia Hạnh, nên tu Tứ Tâm Tứ Quán, (*Tứ Tâm Tứ Quán, là pháp quán của ngôi vị Gia Hạnh thứ hai thuộc Tông Duy Thức. Theo Luận Du Già Sư Địa 36 gồm có:*

(1), *Danh Tâm Tứ*, nghĩa là Bồ Tát chỉ thấy danh xưng nên gọi là danh tâm tứ.

(2), *Nghĩa Tâm Tứ*, nghĩa là Bồ Tát chỉ thấy những sự thể do danh hiển bày, nên gọi là nghĩa tâm tứ.

(3), *Tự Tánh Giả Lập Tâm Tứ*, tự tánh là thể tánh riêng của mỗi pháp như sắc, thọ, tưởng, hành, thức; Bồ Tát đối với tự tánh giả lập chỉ biết tự tánh giả lập, nên gọi là tự tánh giả lập tâm tứ.

(4), *Sai Biệt Giả Lập Tâm Tứ*, sai biệt là chỉ cho tướng và dụng của các pháp như sắc, thọ, tưởng, hành, thức; Bồ Tát đối với sự sai biệt giả lập chỉ thấy sự sai biệt giả lập, nên gọi là sai biệt giả lập tâm tứ.)

Tứ Như Thật Trí, (*Bốn thứ chánh trí dẫn phát bốn tâm tứ quán:*

(1), *Danh Tâm Tứ* chỗ dẫn phát Như Thật Trí.

(2), *Sự Tâm Tứ*, hay *Nghĩa Tâm Tứ* chỗ dẫn phát Như Thật Trí.

(3), *Tự Tánh Giả Lập Tâm Tứ* chỗ dẫn phát Như Thật Trí.

(4), *Sai Biệt Giả Lập Tâm Tứ* chỗ dẫn phát Như Thật Trí.)

và nhân thanh tịnh Ba La Mật Đa. Chứng đặng những điều ở trên đây, phải thành viên mãn tự ban đầu chỗ phát ý lạc tăng thượng--- ý lạc đây, dụ như nói chí nguyện --- khiến tự nó thanh tịnh, ý lạc thanh tịnh, tức là Cực Hỷ Địa ban đầu. Ý lạc đã thanh tịnh, chỗ tóm thâu Lục Ba La Mật Đa của xuất thế gian, nên ở trong Thập Địa cần gia công tu tập, khiến nó mở bày chuyển hóa thù thắng tăng lên, mỗi phần sai biệt cần yếu phải trải qua ba vô số đại kiếp---- từ Sơ Phát Tâm của Thập Tín đến Thập Hưởng viên mãn là thuộc kiếp ban đầu; kể đến tu Gia Hạnh, từ Địa ban đầu của Thập Địa đến Địa thứ bảy được viên mãn là thuộc kiếp thứ hai; từ Địa thứ tám đến Địa thứ mười viên mãn là thuộc kiếp thứ ba; giản lược khác hơn Nhị Thừa ba lần sanh ra ba lần bệnh tật mới tu và nhờ đó mới được giải thoát vậy. Từ trên đến đây ba phần, tức ba kiếp lần lượt như thế trong tu tập và Giới vân vân của ba thứ Học Xứ Bồ Tát, nên khiến được viên mãn.

Tu tập đã được viên mãn, nên chỗ cần phải đoạn trừ xả bỏ, nơi trong đạo Kim Cang Vô Gian tất cả đều đoạn trừ tận gốc rễ. Chỗ nên chứng, nơi trong đạo giải thoát mới gọi là thành Phật, Niết Bàn trước hết từ đoạn Hoặc hiển bày. Nhân trí Bồ Đề viên mãn sau đó mới chứng quả.

Mậu 3, Kết Thúc Thứ Tự Xác Minh Thù Thắng.

Nên nói lần lượt mười xứ như thế. Lại trong đây nói, tất cả Đại Thừa đều đặng cứu cánh.

Nên nói lần lượt mười xứ như thế, tức là kết thúc vậy. Lại trong đây nói tất cả Đại Thừa đều đặng cứu cánh, tức là xác minh thù thắng vậy. Nghĩa là muốn học pháp Đại Thừa, nên biết mười tóm thâu tất cả pháp

Đại Thừa đây không còn có dư thừa, nên cho là tối thắng. Như ngài Thế Thân giải thích rằng: [Nếu muốn thuyết duyên khởi, liền vào ALại Da Thức tóm thâu; cho đến nếu muốn thuyết đoạn trừ và trí huệ, liền vào Niết Bàn Vô Trụ và ba thứ Phật Thân tóm thâu] là vậy.

Giáp 2, Nương nơi phần giải thích rộng tiêu chuẩn.

Ất 1, Cảnh rõ ràng thù thắng.

Bính 1, Nương nơi phần chỗ hiểu biết.

Chứng minh Thức Năng Biến, là Thức thứ tám tức là Năng Biến đầu tiên, như Luận Duy Thức giải rộng. Phần đây thứ hai của văn Luận, là thứ nhất của mười thù thắng. Nói chỗ hiểu biết đây, thông thường chỉ cho Ba Tánh là pháp thường nương tựa. Nương tựa đây, tức là phần chứng minh của Thức đây, là chỗ nương tựa vậy. Chỗ nương tựa có hai nghĩa: Chủng Tử của Thức đây, là nhân nương tựa của tất cả pháp; Nhân Hiện Hành, là duyên nương tựa của tất cả pháp; cho nên dùng Thức đây làm chỗ nhân duyên nương tựa của tất cả pháp vậy. Nhưng pháp và tên rộng hẹp không nhất định, có chỗ đồng tên mà pháp thì sai biệt, như Ý Thức nói thông suốt có sáu, có bảy. Có chỗ đồng một pháp mà khác tên, như ALại Da, AĐà Na vân vân. Hơn hết danh nghĩa lẫn nhau làm khách như thế. Thức ALại Da cùng chỗ nương tựa để hiểu biết, riêng luận về pháp thể thì giống nhau Thức thứ tám. Riêng luận về nghĩa lượng, thì tên của chỗ nương tựa để hiểu biết thông suốt tất cả pháp, tất cả ngôi vị, còn ALại Da thì chỉ hạn chế nơi pháp tạp nhiễm, và Nhị Thừa không học, trong bảy Địa thì nó ở ngôi vị trước hết. Còn tên AĐà Na, dịch là chấp trì, nếu thông thường trì nghĩa là nắm giữ tất cả pháp nhiễm tịnh, đồng thời nắm giữ tướng của chỗ nương tựa để hiểu biết, vân vân. Nếu gọi tên này thì chỉ cho tâm tương tục sanh diệt, tức là chỉ cho ngôi vị Dị Thục, so sánh chỗ nương

tựa để hiểu biết thì quá hạn hẹp. Thí dụ suy tính ra có thể biết, tên chỗ nương tựa để hiểu biết, chứng minh là nghĩa của Thức thứ tám rất sâu rộng vậy.

Đinh 1, An lập danh tướng.

Mậu 1, An danh,

Kỷ 1, Dẫn lời dạy liệt kê tên.

Canh 1, Lập chỗ nương tựa để hiểu biết tức là Thức Tạng.

Tân 1, Tên tiêu chuẩn.

Trong đây, trước hết lại nói chỗ nương tựa để hiểu biết, tức là Thức ALại Da.

Nơi trong mười phần đây, bỏ ra phần sau của Luận trước hết lại nói chỗ nương tựa để hiểu biết, nhưng trong chỗ nương tựa để hiểu biết, nghĩa có nhiều thứ, lại ở trong đây trước hết lại nói nghĩa của Thức ALại Da. A Lại Da đây gọi là Tạng, như dưới đây sẽ giải rộng; cũng có thể gọi là xứ, là nơi tụ họp của chỗ nương tựa của pháp.

Tân 2, Dẫn chứng.

Nhâm 1, Thiết lập yêu cầu.

Thế tôn chỗ nào nói Thức ALại Da tên là Thức ALại Da?

Nhân đây Thức nơi trong Tạng Thanh Văn không thấy nói đến, nơi trong giáo nghĩa Đại Thừa có nói đến nhưng cũng không nhiều, nên ngoại trừ không biết đều hỏi rằng: Thế Tôn, nơi giáo pháp nào, sứ nào trong đó nói đến pháp ALại Da này? Lại nơi trong giáo pháp nào nói tên pháp này là Thức ALại Da: người hỏi có hai nghĩa.

Nhâm 2, Xác minh giải thích.

Quý 1, Xác minh nghĩa của chỗ nương tựa để hiểu biết.

Nghĩa là trong Bạc Già Phạm nơi ATỳ Đạt Ma Đại Thừa Kinh Già Đà nói: [Các cõi từ vô thủy thời gian trở lại đây, đều nương nơi tất cả pháp, do đó có các cõi và Niết Bàn chứng đắc].

Nghĩa là từ Bạc Già Phạm đến trong Già Đà nói, tức là dẫn chứng để trả lời. Già Đà đây, chính là Phúng tụng của 12 phần giáo. Hoặc gọi

là Kệ tụng, do đơn giản mà sai lầm vậy. Nghĩa là trong tụng đây có đề cập đến pháp Thức, mặc dầu chưa thành lập danh xưng là ALại Da. Bài tụng đây nơi trong Thành Duy Thức Luận có ba lối giải thích, nhưng ở đây không dẫn nhiều. Tóm lược nghĩa là theo lâu xa kiếp thời gian từ vô thủy đến nay, không gián đoạn cho đến hiện tại. Vô thủy đến nay bốn chữ, có thể quan hệ văn tụng dưới đây vân vân. Giới, là nghĩa của Nhân, tức là Chủng Tử của tất cả pháp. Lại nữa, Giới nghĩa giới hạn chính là pháp hành, chỉ giới hạn riêng biệt của pháp hiện hành, cũng từ nhân mà có; như cỏ cây không giống nhau, ở chủng tử pháp có sai biệt, không phải nhân như đất, nước, ánh sáng mặt trời vân vân, còn duyên thì có riêng biệt vậy.

Chỗ nương tựa của tất cả pháp, nghĩa là Thức đây là chỗ y chỉ bình đẳng của tất cả pháp. Chỉ thành tựu danh nghĩa giải thích là ALại Da, nên cho ALại Da là chỗ nương tựa trực tiếp của tất cả pháp phần hữu vi tạp nhiễm, còn pháp thanh tịnh của ALại Da thì thời gian bị ngăn cách chỗ nương tựa. Hoặc giải thích ALại Da cũng vẫn là chỗ nương tựa của pháp thanh tịnh, như bầy Địa trước, ALại Da của trên Địa đầu

tiên, cũng cho là chỗ nương tựa của Trí Vô Phân Biệt. Hơn hết chỗ nương tựa đây, chưa chắc hòa hợp tương ứng đồng loại, nếu nói Tạng là tóm thâu, thì tất nhiên hòa hợp tương ứng đồng loại. Tổng hợp nghĩa của hai câu văn đây, Giới tức là chỗ nương tựa của Chủng Tử, cũng là Nhân vậy; câu kế tức là chỗ nương tựa căn bản, cũng là Duyên; nên hai câu đây chứng minh là Nhân Duyên. Lại có thể nói là Thức ALại Dalà Tạng tức là nghĩa của Giới, và Thức AĐà Na, nghĩa Trì tức là bảo trì cũng là nghĩa của nương tựa.

Do nơi có đây, là có hai nghĩa của nhân duyên; có các cõi và có Niết Bàn Chứng Đắc, xác minh chỗ quả của thành tựu lưu chuyển và hoàn diệt. Hơn hết riêng có nói, hai câu văn thông cả trên lẫn dưới. Cõi nghĩa là nơi chốn, tức là quả của sáu đường như trời, người, tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Quả không phải một, cố nhiên gọi là các, hoặc nói các cõi; thông có thể là thông đến các cõi, có thể quả cảm, tức là các Nghiệp, năng phát nghiệp đây cũng gọi là các Hoặc, năng phát khởi hoặc đây tức là Vô Minh mê lý vậy. Nếu như là Luận thì ba tạp nhiệm đều tóm các cõi. Ba tạp nhiệm đây đều là nhân của vô minh phát khởi mê chấp Thức ALại Da làm bản ngã. Lại do Thức Dị Thục đây làm thể của các cõi, cho nên đều do có Thức ALại Da này, theo câu trên Thức ALại Da cũng là pháp lưu chuyển. Và Niết Bàn Chứng Đắc đây, chữ và là tiêu biểu giải thích trái ngược nhau. Niết Bàn là quả của giải thoát hai chương để được chứng đắc. Chứng đắc chính là quả trí của sự chứng đắc, câu đây chính là pháp tịch diệt. Hiển bày cũng là nhân có Thức, nghĩa là cần đoạn trừ phần ô nhiễm kia, mới có phần thanh tịnh. Bài tụng đây tuy có nghĩa là chỗ nương tựa để hiểu biết, mà không phải tên ALại Da.

Quý 2, Xác minh tên của ALại Da.

Liên nơi trong đây lại nói bài tụng rằng: [Do Tạng tóm thâu các pháp, là Thức của tất cả chủng tử, nên gọi là ATại Da, thảng đây là ta nghe chỉ thị.]

Chứng minh tên thành lập ALại Da. Liên nơi trong Kinh ATỳ Đạt Ma chỗ dẫn chứng như trên đã giải thích là ALại Da. Còn do Tạng tóm thâu các pháp nên hiển bày nghĩa Tạng. Các pháp tuy không riêng biệt đơn giản, nhưng văn nương tựa ở dưới đây thì chỉ riêng trong tất cả pháp hữu vi phần tạp nhiễm mà nói thì cũng vậy. Nghĩa tóm thâu cùng nghĩa nương tựa thì không giống nhau, như trên đã giải thích. Tất cả chủng tử là tên của tất cả pháp, còn Thức là thể của tất cả chủng tử; hoặc gọi tên là Thức Nhất Thiết Chủng. Thảng đây là ta ra chỉ thị để chứng minh pháp đây không phải là pháp của Tiểu Thừa vậy. Thảng đây tức là chỉ cho Phật, ngoài ra không có kẻ nào khác như trên. Bồ Tát học Phật cũng xưng là kẻ thù thảng, thù thảng hơn kẻ phàm phu và Tiểu Thừa. Thành Duy Thức Luận có hai lối giải thích, ở đây không dẫn chứng thêm phức tạp. Một hướng đối với kẻ mê mà nói, khiến họ phát hiện khai mở để thấy biết; mặc dù đã thấy biết đại khái hoặc đã biết phần nhỏ, hoặc biết mà sau quên nói, khiến họ cần phải chỉ bày tường tận kỹ càng mới hiểu rõ. Thứ hai chính bài tụng giải thích ALại Da là nghĩa Tạng.

Tân 3, Giải Thích Nghĩa.

Như thế liên dẫn A Cấp Ma để chứng minh; cũng như duyên đây như thế nào lại nói tên Thức ALại Da? Tất cả pháp thuộc phẩm hữu vi sanh khởi tạp nhiễm, nơi Tạng tóm thâu đây làm quả tánh; lại nữa Thức này, nơi Tạng tóm thâu kia làm nhân tánh; vì thế nói tên là Thức

ALại Da. Hoặc các hữu tình Tạng đây tóm thâu làm tự ngã, vì thế mới nói tên là thức ALại Da.

Như thế lại nói đến Thức ALại Da, thỉnh cầu sắp xếp lần nữa. Mặc dù đã dẫn ACấp Ma làm chứng, tuy nhiên sao lại nói đến các duyên để chứng minh Thức này, liền nói đến tên là Thức ALại Da? Đây là thỉnh cầu hỏi. A Cấp Ma tức là A Hàm, dịch là đến dạy, tức là lời nói của Phật, hoặc có thể lời nói của Phật tại Ấn Độ, không phải kinh của Tiểu Thừa nói đến A Cấp Ma vậy.

Tất cả có sanh ở dưới đây sẽ trả lời. Phần câu văn chia hai đoạn:

1/- Chứng minh nghĩa của hai Tạng Năng và Sở gọi là A Lại Da; Năng là năng lực, Sở là nơi chốn; có sanh đây tức là pháp hữu vi, ngược lại là pháp vô vi. Tạp nhiễm đây là pháp hữu lậu, ngược lại là pháp hữu vi vô lậu. Phẩm đây nghĩa là Loại vậy. Nghĩa là phẩm loại của tất cả pháp hữu vi hữu lậu, Năng Lực trong Thức ALại Da của Tạng Năng Lực tóm thâu đây, huân sanh tất cả chủng tử, dùng làm quả tánh của pháp năng huân và sở huân kia. Sở dĩ nói tên Thức đây là Thức ALại Da; đây là rút gọn giải thích tên của Thức có năng lực tàng trữ. Lại cũng tức là nơi trong thức đây, chỗ tóm thâu tàng trữ các chủng tử, đối với tất cả pháp kia đều là hữu vi hữu lậu, đều nó có thể là tánh của nhân sanh khởi, cho nên nói Thức đây tên là Thức ALại Da. Đây là rút gọn giải thích tên chỗ tàng trữ chủng tử. Cho nên nói tên là Thức ALại Da, tổng kết chung hai tên năng và sở ở trên vậy.

2/- Hoặc đây, hiển bày nghĩa bất định, bởi vì ngoại trừ Phật ra hữu tình đều có tên, có chấp có không chấp. Tình tức là tình thức, tình ái. Chư, tiêu biểu cho số nhiều. Tạng tóm thâu hiển bày nghĩa chấp tạng,

chấp là lời nói của trách nhiệm hủy hoại, nghĩa thông chỗ nương tựa đây gọi là Nhiếp là tóm thâu, nghĩa là Hoặc rút gọn của bảy Địa trước, hữu tình chưa vào quán sanh không, cho nên Thức thứ bảy duyên kiến phần của Thức thứ tám chấp làm ngã thể từ bên trong, lẽ cố nhiên Thức thứ tám này gọi là Thức A Lại Da; (*Thức A Lại Da có ba tên là Năng Tạng, Sở Tạng và Ngã Ái Chấp Tạng*).

Canh 2, Thiết lập chỗ nương tựa để hiểu biết tức là Thức Trì.

Tân 1, Tên Tiêu Chuẩn.

Lại nữa, Thức này cũng gọi là Thức A Đà Na.

Như trên đã nói rõ chỗ nương tựa để hiểu biết gọi là Thức A Lại Da, Thức A Lại Da đây cũng gọi Thức A Đà Na; Thể của hai Thức này chỉ là một, nhưng rút gọn nghĩa sử dụng thì có sai biệt, nên có nhiều tên. Như người chỉ có một thân nhưng màu sắc thì có màu trắng, màu đen, màu đỏ, màu vàng, vân vân, có thể gọi người trắng, người đen vân vân, tên tuy khác mà người chỉ có một là A Lại Da. Nghĩa của A Lại Da có ba Tạng, rút gọn nhỏ lại nghĩa Ngã Ái Chấp Tạng, chỉ còn lại hai Tạng. Nghĩa của hai Tạng thì rất rộng ở trên đã giải thích. Còn A Đà Na Thức nghĩa là chấp trì, chấp trì là nắm giữ và bảo trì chủng tử nhiễm tịnh, trì có nghĩa rộng là căn thân, có nghĩa hẹp là kết sanh tự thể. Nghĩa của chỗ nương tựa thì không giống nhau mà tên thì cũng khác nhau vậy.

Tân 2, Dẫn Chứng.

Trong A Cấp Ma đây, như trong Kinh Giải Thâm Mật nói: [Thức A Đà Na thậm thâm vi tế, tất cả chủng tử như thác nước chảy xuống ghềnh, ta ở nơi phàm ngu không khai mở, sợ họ phân biệt chấp ngã].

Chứng minh tên của A Cấp Ma đây, như trong Kinh Giải Thâm Mật, bài tụng có nói, thậm thâm đây, nghĩa là người và trời của tánh xuất thế cho đến hạ đẳng hữu tình, triệt để tốt cùng không thể hiểu rõ Thức đây. Thâm tế đây, nghĩa là Nhị Thừa xu hướng tánh vắng lặng, không thể chứng minh tướng của Thức này. Tổng kết Thức này hiển bày giáo pháp không phải của Thanh Văn dùng đến. Tất cả chủng tử, nghĩa là Thức này có thể bảo trì tất cả pháp chỗ tập khí nội kết, làm cho chủng tử của pháp sẽ sanh trong tương lai. Như thác nước chảy xuống ghềnh đây, dùng dụ hiển bày Thức đây không phải đoạn không phải thường; Từ vô thủy đến nay, sát na sát na sanh trước diệt sau, lẫn nhau chuyển biến liên tục không chút gián đoạn, dụ như dòng nước treo trên vách núi không chút chấm dứt, người quán thô thấy tựa như một thác nước, mà thật ra dòng nước vẫn chảy liên tiếp. Ngoại trừ các nghĩa đây, như luận đã giải thích rộng. Pháp thậm thâm thậm tế đây, Ngã Phật đối với phàm phu không có chủng tánh xuất thế, và Thanh Văn có xu hướng vắng lặng nên không pháp chủng tánh Đại Thừa. Ngã Phật không vì thế mà khai thị đề xướng. Tại sao thế? Hơn hết Phật Thế Tôn thành thật sợ chúng nó nơi Thức này phân biệt chấp trước làm tự ngã thể bên trong. Họ phân biệt chấp ngã có lỗi như thế nào? Nhân vì họ câu sanh chấp ngã mặc dù có, nhưng không đến nỗi tăng khổ não, còn có phân biệt chấp ngã sanh khởi thì ngược lại tăng trưởng khổ não. Kẻ phàm phu có phân biệt chấp ngã thì chiêu cảm quả báo ba đường, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, còn kẻ ngu pháp khởi phân biệt chấp ngã thì bị mất quả nhỏ. Dẫn nghĩa chánh của bài tụng đây, được lập tên ở câu đầu.

Tân 3, Giải thích nghĩa.

Nhâm 1, Thiết lập yêu cầu để trả lời chung.

Nhân duyên gì Thức này lại cũng gọi là Thức A Đà Na? Vì Thức này chấp thọ tất cả có sắc căn, vì chọn lấy tất cả tự thể chỗ nương tựa.

Tuy trên đã dẫn giáo lý lập danh, nhưng do có chủng duyên như thế nào mà Thức A Lại Da cũng gọi là Thức A Đà Na Da? Đáp rằng: nghĩa là Thức này có chấp trì tất cả sắc căn không cho mất hoại, cùng đồng an nguy, khiến sanh giác thọ và cũng tự thể của tất cả hữu tình, đồng thời cũng nương tựa nơi Thức này để làm bảo trì. Ở đây có hai thứ nghĩa bảo trì, nên gọi là Thức A Đà Na. Sắc Căn, tức là năm Tịnh Sắc Căn, có năm Tịnh Sắc Căn đây, tức là tổng thể đều nằm trong Thân Căn. Tất cả đây, hoặc gọi Căn không phải một, hoặc gọi tất cả hữu tình. Tự thể tức là mỗi mỗi hữu tình thấy đều theo nghiệp chánh báo chỗ cảm đến, khi đạu thai làm tự thể chính là Thức này vậy. Thức này sẽ đến sau trong thời gian ngôi vị noãn châu tuyệt đối đóng cửa, ngoại trừ Thức này không đến. Chấp thọ, nghĩa là Thức đây tự nắm lấy bào thai giữ gìn làm ngã tóm thâu khiến về sau không cho hư hoại, để các căn sanh ra giác thọ. Tuy nhiên đây là nghĩa chấp trì, nơi trong Thành Duy Thức Luận, thì còn có một nghĩa là chấp trì các chủng tử nhiễm tịnh. Nhân luận kia còn giải thích rõ, năng lực của Thức bảo trì chủng tử chính là pháp hiện hành, chủng tử của chỗ bảo trì không phải Thức Năng Trì, nên giải thích chủng tử là tướng phần của Thức và giải thích chủng tử cùng tánh Duy Thức trong đó có đồng và khác, đều có giải thích rất nhiều, luận đây thì nơi chỗ bảo trì chủng tử, thì Thức thuộc công năng bảo trì, hoàn toàn không rõ pháp đây được phân làm hai, một nghĩa kia giải thích không nhiều. Tuy nhiên nghĩa thứ hai của

luận giải thích Thức đây là chỗ nương tựa. Luận cũng rút gọn hiện hành, vì có chấp Căn khiến sanh ra Thọ, và chọn lấy Sanh làm hai thứ Thể sử dụng thù thắng, thật không phải chỗ có của chủng tử, cố nhiên tuy nghĩa là nhỏ cũng không trái nhau.

Nhâm 2, Chú trọng yêu cầu giải thích rộng.

Sở dĩ vì sao có các căn bằng sắc chất? Do đây có chấp thọ, nên không mất hoại, sống bị chấm dứt là tùy theo chuyển biến. Lại chính do nơi tương tục là thời gian kết hợp sanh thành, nắm lấy sanh thành kia, chấp thọ tự thể.

Cho nên hai nghĩa đây là như thế nào? Nghĩa là có các căn của sắc, do Thức đây chấp trì nên mới có thể sanh giác thọ. Lại các căn đây tùy theo mạng sống có khi kéo dài một trăm năm cũng tùy theo chuyển dần dần, và nơi trong mạng sống không có mất hoại, đều do năng lực của Thức này chấp trì. Còn không phải năng lực chấp trì của Thức này thì cùng thầy người chết lẫn nhau chờ đợi, đã không còn giác thọ, cũng chẳng bao lâu liền sẽ bị hoại diệt. Địa vị sanh tử của con người có sai biệt cũng là do Thức này phán xét. Như trong thời gian tâm ngủ nghỉ thì có Thức này bảo trì, nên căn không mất hoại, thuộc có hữu tình tóm thâu, không phải pháp vô tình của tử thi. Nhưng ngoại trừ tử thi của người chết không tổn giảm, mặc dù không có chấp trì của Thức này, tuy nhiên là do nghiệp lực của đời trước còn dư thế lực. Như Thành Duy Thức Luận giải thích nghĩa chủng tử chuyển biến cộng trong không cộng, nên có thầy khô. Đây là nghĩa giải thích bảo trì có sắc căn.

Lại nơi tương tục đến chấp thọ tự thể, là giải thích nghĩa nắm kết sanh thể. Tương tục đây tức là biệt danh của hữu tình, nghĩa là Thức hữu tình hướng về luân chuyển, sanh tử tương tục không gián đoạn. Hoặc giáo huấn Thức này làm Thức sanh tử tương tục, chính khi kết sanh, tức là trong thời gian ngôi vị noãn châu tuyệt đối đóng cửa cho đến khi có sanh, nghĩa chính ở nơi kết hợp Thức lấy ba pháp tinh huyết (*ba pháp tinh huyết, tinh, huyết, chất nhờn trong noãn châu*), để khi sanh khởi thai thể. Do trong A Lại Da Thức tự thể một thời gian luân tập, tự thể kia ở trong ngôi vị sanh khởi, gọi là kia sanh; Thức này tóm thu sanh thể kia làm tự thể, gọi là thủ kia sanh. Đã chấp làm tự thể, đồng ở trong an và nguy, để có thể giúp sanh giác thọ. Sự sai biệt của chánh báo và y báo, cũng do Thức đây chấp làm tự thể có khác hay không vậy.

Tân 4, Kết Danh.

Vì thế Thức đây cũng gọi là Thức A Đà Na.

Do trên dẫn chứng, hai văn đã giải thích nghĩa, là Thức đây cũng tên là Thức A Đà Na vậy.

Canh 3, Lập chỗ nương tựa để hiểu biết tức là tâm.

Tân 1, Dẫn chứng bằng giáo pháp.

Đây cũng gọi là Tâm, như Thế Tôn nói: [Tâm, Ý, Thức].

Thức A Lại Da cũng gọi là Tâm, nương vào đâu để biết? Như Phật Thế Tôn nơi trong giáo pháp nói: có ba pháp là Tâm, Ý, Thức, Tâm tức là chỉ đây, là nói Thánh giáo rất nhiều của ba pháp đây, cho nên đặc biệt không nêu ra tên kinh vậy.

Tân 2, Giải thích Ý.

Nhâm 1, Phân biệt chung hai thứ Ý

Ý trong đây có hai thứ, (1) Thứ nhất Ý đây là tánh y chỉ của các duyên vô gián nương tựa, khi vô gián diệt thì Thức có thể cùng Ý Thức tác dụng sanh y chỉ. (2) Thứ hai, Ý ô nhiễm thì cùng bốn phiền não luôn luôn chung nhau tương ứng là, một là tát ca da kiến, hai là ngã mạn, ba là ngã ái, bốn vô minh. Đây tức là chỗ nương tựa của Thức tạp nhiễm. Thứ nhất chỗ nương tựa để sanh thì do Thức kia dẫn đạo, thứ hai là chỗ nương tựa tạp nhiễm, đây nghĩa là cảnh hoàn toàn sai biệt. Nghĩa các vô gián, tức là nghĩa tư lương, Ý đây thành hai thứ.

Trong đây cũng bao gồm giải thích nghĩa của Thức, cho nên Thức không giàn xếp đơn độc. Trong đây Ý có hai thứ tiêu chuẩn, a/- cùng tác dụng sanh ý chỉ, b/- tác dụng sanh tạp nhiễm, đây là giải thích tương của hai thứ.

1.-Thứ nhất là Ý, cùng hiện hữu với tâm pháp tác dụng các duyên không gián đoạn không bị ngăn cách, là hiện hữu pháp tánh của chỗ y chỉ, tức là Thức hiện hữu không gián đoạn khi Thức trước sát na đã diệt; năng lực cùng hiện hành của Thức này chính là Ý Thức lẫn nhau sanh khởi tác dụng; còn chỗ y chỉ của khách trần thọ nhận nơi xứ sở mà họ thọ nhận. Quân đây, nghĩa là pháp đồng loại, như Nhân Thức hiện hữu sát na hướng về trước mắt đều là duyên đây, ngoại trừ Nhân Thức r không có duyên nào khác thay thế. Vô gián đây là hiển bày không đồng thời, nghĩa là cùng một xứ không thể dung thông hai thể đồng thời sanh ra, cũng không phải hai niệm tưởng ngăn cách nhau mà lại hướng về một năng lực để làm duyên đây; cho nên Thức trước đã

diệt, cho đến vô số kiếp về sau Thức sau mới sanh khởi, khi Thức sanh khởi tác dụng là lúc vô số kiếp về trước đã chấm dứt, sau đó Thức tự loại phát sanh làm duyên cho Thức này. Điều chú ý, Ý Thức hoặc duyên đây của sáu Thức trước gọi là Ý, chính là tên chung của Tiểu Thừa. Chỉ Đại Thừa có tám Thức tự loại hướng về trước và sau mỗi mỗi đều dùng Thức này làm duyên, thì không phải chỗ chung của Tiểu Thừa vậy.

2.- Thứ hai là Ý Nhiễm Ô, tức là Thức thứ bảy, Thức này nhân có bốn Hoặc luôn luôn tương ứng, cũng khiến sáu Thức trước chỗ làm các việc lành đều trở thành hữu lậu, nên gọi là nhiễm ô. Tát Ca Da Kiến đây, tức là Thức thứ bảy chấp kiến phần của Thức thứ tám làm ngã kiến. Nơi trên chấp trước bảo trì đề cao, tức là ngã mạn. Nơi trên thật tế không phải pháp ngã, tín toán chấp ngã, tham trước không xả, tức gọi là ngã ái. Ba thứ đây đều nương nơi tâm si sanh ra vô minh mê lý, cho nên vô minh cũng gọi là ngã si. Đây tức là nguyên nhân chỗ nương tựa tạp nhiễm của sáu Thức trước, nhưng tạp nhiễm đây thanh tịnh thì sáu Thức kia cũng nương theo đó mà thanh tịnh, cho nên gọi Thức thứ bảy là Nhiễm Tịnh Ý vậy. Lần thứ nhất sáu Thức trước lại chờ đợi Ý Vô Gian kia làm y chỉ để được sanh khởi, nhân đây lần thứ hai, Ý Ô Nhiễm làm chỗ nương tựa nên ô nhiễm, trở thành ô nhiễm tạp loạn vậy.

Dưới đây là nghĩa Biệt Cảnh, tức là nghĩa sinh hoạt bên ngoài, đúc kết có hai ý, đã phân biệt cảnh nên gọi là Thức, đây là nghĩa của giải thích về Thức. Nghĩa chờ đợi vô gián, gọi là Ý Chờ Đợi Vô Gian, Có bốn Hoặc tương ứng là nghĩa suy nghĩ thường xuyên xét kỹ nên gọi là Ý Nhiễm Ô. Bất đồng của hai nghĩa nương tựa đây, nên Ý cũng thành hai thứ. Nhưng đối với chữ Ý của Tâm, Ý và Thức, muốn chứng minh

không chung Ý Ônhiễm thứ hai của Tiểu Thừa, nên văn dưới giải thích rộng hơn.

Nhâm 2, Xác minh riêng biệt Ý Ônhiễm.

Quý 1, Xác minh Có.

Chờ đợi Ý Vô Gián, không trái ngược với hai Thừa, không phải Ý của Tâm, Ý, Thức, nên không cần giải thích riêng biệt. Nhiễm ô thứ bảy không phải là pháp của Thanh Văn, Ý trong đây là kiến lập riêng biệt, nên thiết lập yêu cầu hỏi mà đặc biệt dùng nguyên lý thành lập để xác minh. Tức dùng sáu thứ đạo lý để xác minh khác với sáu Thức trước, riêng có Ý thứ bảy của thường xuyên hiện hành, không phải chờ đợi Ý Vô Gián vậy.

Tý 1, Thiết lập xác minh.

Lại nữa, vì sao biết được có Ý ônhiễm?

Mặc dù dẫn chứng lời nói của Thánh giáo có Ý Thức, ta chờ đợi chỉ biết Ý Vô Gián mà thôi, vì sao biết được riêng có Ý Thức ô nhiễm của bốn phiền não tương ưng đây?

Tý 2, Xác minh trả lời.

Sửu 1, Trường Hàng

Dần 1, Không cùng vô minh không có lỗi.

Nghĩa đây nếu không, không chung vô minh thì không được có, thành phạm lỗi.

Không cùng vô minh phạm có hai thứ: gọi là Độc Đầu không cùng vô minh, trong Ý Thức thứ sáu không cùng vô minh sanh khởi, ngoại trừ phiền não căn bản mới cùng vô minh sanh khởi, tức là Ý đây thường xuyên hành động ngã xi, không phải ngoại trừ có Thức, gọi là không cùng chung. Còn chỗ ngoại trừ vô minh, đều gọi là cùng chung. Không cùng chung vô minh tuy có hai thứ, nay lấy thường xuyên hành động không cùng chung vô minh, tức là Ý đây thường xuyên hành động ngã si, không phải ngoại trừ có Thức, gọi là không cùng chung. Chỗ ngoại trừ vô minh đều gọi là cùng chung vậy. Không cùng chung vô minh tuy có hai thứ, nay lấy thường xuyên hành động chứng minh có Ý. Vô minh kia là chỗ có pháp Tâm Sở, tất nhiên là chỗ nương tựa của Tâm Vương. Nhưng sáu Thức trước không phải chỗ nương tựa của Tâm Vương, vì sáu Thức trước có gián đoạn; chỗ nương tựa đã gián đoạn thì có thể chỗ nương tựa không phải thường xuyên, cho nên vô minh đây cũng không phải chỗ nương tựa của sáu Thức trước. Thức thứ tám tuy thường xuyên cũng không phải chỗ nương tựa, nhưng tánh không bị ngăn che; vì chỗ huân tập của tất cả pháp thường nương ở đây thì Thức thứ tám thành thử có bị ngăn che; Thức thứ tám không phải thiện cũng không phải ác vì chờ huân tập, cố nhiên Thức này cũng không phải chỗ y chỉ đây. Ý Thức thứ sáu chờ đợi vô gián thì đã diệt vô gián, cho nên cũng không phải chỗ nương tựa. Ở đây có Ý thứ bảy thuộc tánh ô nhiễm làm chỗ nương tựa, vì không cùng vô minh mới được thành lập. Nghĩa là Ý ô nhiễm thứ bảy không vô minh thì thường hành động không cùng vô minh, cho nên Tâm Vương không chỗ y chỉ, nếu có thể y chỉ thì vô minh cũng không được có mặt. Nhưng trong Thánh giáo mỗi chỗ đều có nói thường xuyên hành động không cùng vô minh, tức là ngã chấp vân vân. Thường xuyên hành động đây không cùng vô minh nếu không ngã chấp thì lại trái với Thánh giáo, thành phạm lỗi, cố nhiên ngã chấp có ý nhiễm ô vậy.

Dần 2, Năm pháp đồng nhau không có lỗi.

Lại nữa, năm pháp đồng nhau cũng không được có, thành phạm lỗi. Cho nên vì sao? Do bản thân năm Thức tất nhiên có Nhãn Căn vân vân, đầy đủ có chỗ nương tựa.

Năm pháp đồng nhau đây: nghĩa là năm Thức nương tựa năm căn để duyên năm cảnh mà đặng sanh khởi, còn Ý Thức nương tựa nơi Ý Căn duyên nơi pháp cảnh sanh khởi, pháp cảnh đây tức là pháp cộng đồng của năm cảnh. Hoặc dùng Thức thứ bảy đây làm chỗ nương tựa cho Thức thứ sáu, trong đó năm căn làm chỗ nương tựa cho năm Thức, nương nơi Ý Căn của Thức thứ sáu hoặc nương nơi pháp cộng đồng năm cảnh của Ý Thức. Sáu Thức trước sanh khởi đều không có đầy đủ căn chung để nương tựa, nếu không có Ý nhiệm tịnh đây, thì Thức thứ sáu không chỗ nương tựa, không nên sanh khởi sẽ có lỗi; năm Thức cùng pháp cộng đồng của Thức sáu, Thức thứ tám không phải chỗ nương tựa riêng các pháp cộng đồng của Ý Thức mà là chỗ nương tựa chung của tất pháp chủng tử. Ý chờ đợi vô gián không phải chỗ để nương tựa, mà cũng không phải có đủ chỗ nương tựa. Ý nhiệm ô đây là chỗ nương tựa của Thức thứ sáu, lại không mất lỗi. Cho nên cần chuẩn y là có

Dần 3, Lời giáo huấn giải thích cũng không thiết lập, nếu có bị phạm lỗi

Lại nữa, lời giáo huấn giải thích cũng không đặng có, nếu có thành phạm lỗi. Lời giáo huấn giải thích đây: tức là như trên đã nói lời giáo huấn giải thích tư lương là lời của Ý. Nếu không Ý ô nhiệm đây thì lời

giáo huấn kia nên bị phạm lỗi. Không nên dùng sáu Thức trước làm tâm ý của Thức thứ tám, cho nên lời giáo huấn kia có chỗ sai biệt. Cũng không thể nói chờ đợi Ý Vô Gian, Ý Vô Gian kia là pháp đã diệt, vì không có tánh tư lương, tư lương là pháp giáo huấn hiện hành. Có Ý ô nhiễm đây, lại không có phạm lỗi. Nếu không có Ý ô nhiễm đây, tức là thành phạm lỗi của lời nói không có lỗi.

Dần 4, Hai định không lỗi sai biệt.

Lại nữa, Vô Tướng Định cùng Diệt Tận Định không có sai biệt, nhưng thành phạm lỗi, nghĩa là Vô Tướng Định hiển bày ý ô nhiễm, không phải Diệt Tận Định. Nếu không như thế, hai thứ Định đây nên không sai biệt.

Vô Tướng Định đây, là ngoại đạo có hữu lậu, khi định kia thành, sáu Thức Tâm Vương đều không, từ sơ thiền dụng công diệt tướng thô lập danh. Định kia không phải pháp tâm sở, chỉ thân tâm đều hòa hợp thông suốt, lập danh là định. Diệt Tận Định, là pháp vô lậu của Tam Thừa Thánh Vị, khi Định thành, tất cả tâm nhiễm ô đều diệt tận. Định, giống như trên giải thích. Tất cả tâm ô nhiễm, tức là sáu Thức diệt tận, lại diệt luôn ý nhiễm ô. Hai định sai biệt, tức là tại nơi đây, nên nói rằng: nếu không phải Ý Thức nhiễm ô là khác nhau một có một không, thì Vô Tướng Định của ngoại đạo cùng Diệt Tận Định của Thánh Nhân đều diệt sáu Thức trước vân vân, sao có sai biệt như thế? Sai biệt nếu không, thì phạm thánh bữa bãi lẫn nhau, nên thành có lỗi vậy. Dưới đây tự giải thích rằng: Vô Tướng Định của ngoại đạo không phải Diệt Tận Định của Thánh giả, do vì cũng không có Ý ô nhiễm là chỗ hiển bày sai biệt. Nếu không phải do không có Ý ô nhiễm hiển bày

chỗ sai biệt của nó, thì Vô Tướng cùng Diệt Tận chỗ sai biệt của hai Định phải nên không có vậy.

Dàn 5, Vô Tướng không lỗi nhiễm ô.

Lại nữa, Vô Tướng Thiên trong thời gian sanh ra, phải không ô nhiễm, nếu không thành phạm lỗi, ở trong Vô Tướng không nên ngã chấp, ngã mạn. Vô Tướng Thiên đây, tức Vô Tướng Định sau đó mới đạt được. Sanh trong trời này, lúc đầu mới sanh, Ý Thức tạm khởi liền diệt, cho đến đạt được ngôi vị diệt Ý Thức mới sanh trở lại, ở trong một thời kỳ sáu Thức đều không có mặt. Nếu Ý Thức không ô nhiễm, lại cùng Thánh giả vô lậu không phân biệt, nếu không thành phạm lỗi. Nên nói rằng: lại nữa, Ý Thức nếu không ô nhiễm thì Vô Tướng Thiên trong một thời kỳ sanh ra không có sáu Thức, nên không có pháp ô nhiễm, nghĩa là ở trong đây nếu không có pháp ô nhiễm tức là không có ngã chấp, ngã mạn vân vân. Tuy nhiên pháp của Vô Tướng Thiên là pháp ngoại đạo. Còn chỗ của Thánh giả là quát mạng và chán ngấy. Ngoại đạo khác ở chỗ sanh ra chưa thấy không chấp ngã, vì họ đã là ngoại đạo đâu không chấp ngã? Cố nhiên nên cho phép Ý ô nhiễm chấp ngã tương ứng, lại cũng không trách móc vậy.

Dàn 6, Chấp ngã không có lỗi.

Lại nữa, tất cả lúc nào ngã chấp hiện hành thì có thể được, nghĩa là khi trong tâm thiện, bất thiện và vô ký. Nếu không điều đó, chỉ không tương ứng tâm bất thiện kia, khi có ngã và ngã sở phiền não hiện hành, không phải thiện, không phải vô ký. Vì thế nếu thiết lập đầy đủ có hiện hành thì không phải tương ứng với hiện hành và không có phạm lỗi.

Chưa chứng quả Thánh, tất cả phàm phu, nơi tất cả tánh chấp ngã lúc nào cũng thường xuyên hiện hành, nơi trong ba tâm thiện, bất thiện và vô ký đều có thể hiện hành được. Nếu không thường xuyên Ý ô nhiễm hiện hành làm chỗ nương tựa, thì sáu Thức trong ba tánh thiện, bất thiện, vô ký, chỉ nơi trong tâm bất thiện có ngã chấp tương ứng, nếu trong hai tâm thiện và vô ký không nên có chấp ngã kia vân vân, là tánh tương phản vậy. Có ngã và ngã sở hiện hành chỗ phiền não, thì định không phải thiện không phải vô ký, liền thành phạm lỗi. Là thế, nếu thiết lập riêng có Ý ô nhiễm đây làm chấp ngã kia cụ thể có y chỉ hiện hành, thì hiện hành nơi khi tất cả ba tâm thiện, ác và vô ký không có lỗi trên. Không phải sáu Thức tương ứng với ngã chấp, nơi trong tất cả ba tánh, thiện, ác, vô ký đều được hiện hành vậy.

PHẦN II.- NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN SƠ PHẦN GIẢNG NGHĨA

Sứ 2, Trùng Tụng.

Dần 1, Trùng Tụng và Sáu Lý.

Trong bài tụng đây nói rằng: nếu không cùng vô minh, và cùng năm pháp đồng nhau (*Năm Pháp còn gọi là Năm Pháp Lý Trí; đây là năm pháp của Phật Địa, một là Pháp giới thanh tịnh, hai là Đại viên cảnh, ba là Bình đẳng tánh, bốn là Diệu quan sát, năm là Thành sở tác*[*Từ Điển Phật Học Huệ Quang*]), đây là lời giáo huấn, hai Định (*Hai Định là Diệt Tận Định và Vô Tướng Định*) riêng biệt nhau nếu không thành phạm lỗi. Vô Tướng sanh liền chuyển không ngã chấp, tức là cho ngã chấp, nên có lỗi. Ngã chấp thường xuyên theo đuổi, tất cả chúng tử không có lìa khỏi Ý ô nhiễm không còn hai ba thành trái nhau (*hai ba*

là chấp ngã, ý ô nhiễm và chủng tử); nếu không đây, tất cả chỗ ngã chấp không nên có.

Trong văn tụng đây, chữ và câu tuy đều nhau, văn nghĩa thì có trình bày thu hẹp lại, bốn câu văn đầu, trùng tụng có bốn lỗi là đọc một hơi. Nếu không sáu chữ đều nhau thành phạm lỗi, bốn câu đọc qua phía trên liên kết khác nhau, nghĩa là nếu không có Ý ô nhiễm đây thì không có không cùng vô minh nên thành phạm lỗi. Cho đến nếu không có Ý ô nhiễm đây, thì hai Định riêng biệt nhau nên có phạm lỗi, và cùng hai chữ giải thích không trái nhau. Bài tụng thứ nhất Vô Tướng Định phát sanh, thì hai câu trùng tụng sau phạm lỗi. Nghĩa là nếu không Ý ô nhiễm đây, thì Vô Tướng sanh nên không chuyển chấp ngã thường xuyên hiện hành., thành phạm lỗi vậy. Nếu là Ý Thức ô nhiễm, nên không có nơi tất cả trong chủng tánh khi thường xuyên hiện hành ngã chấp của hữu tình đui theo, nên thành phạm lỗi. Là Ý ô nhiễm có hai (*Ý ô nhiễm và năm đồng pháp*) đến không nên có, kết bài tụng có sáu lỗi. Nghĩa là Ý ô nhiễm thì không có không cùng vô minh hai thứ của năm đồng pháp nên thành phạm lỗi. Giải thích từ giáo huấn thì không có nghĩa chỉ có tên, hai Định thì không có sai biệt nhau, Vô Tướng Thiên phải là vô lậu, (*Ba thứ đây là Ý ô nhiễm, năm đồng pháp, lời giáo huấn*) cùng giáo nghĩa sự lý đều thành lỗi trái nhau. Lại nữa nếu không có Ý ô nhiễm đây thì nơi tất cả xứ ngã chấp không nên có, nếu có thành phạm lỗi.

Dần 2, Sai biệt bài tụng vô minh.

Chân nghĩa tâm đang sanh, đang năng lực làm chướng ngại, hành động đầy đủ tất cả phần, nghĩa là không cộng chung vô minh.

Chân nghĩa, tức là chân như thế của nghĩa pháp chân thật. Tâm, tức là năng lực chứng đắc phần trí phân biệt của chân nghĩa đây. Tâm chân nghĩa đây có ba chữ, là Trí Minh, không phải toàn cảnh. Cụ Hành, tức là Thức thường xuyên hành động đầy đủ làm cho nghĩa thường xuyên hành động. Tất Cả Phần, tức là trừ chân nghĩa, tâm đã sanh trước, tất cả thời gian của ba tánh, không gian, vị trí trong thấp cao vân vân. Nghĩa là có một pháp, nơi nghĩa của pháp chứng chân thật chính là trí vô phân biệt trước đang sanh đầy đủ thường xuyên nơi trong phần tất cả tánh vân vân, thường năng lực làm chướng ngại của trí vô phân biệt sanh khởi, nghĩa là không hợp tác cùng vô minh vậy.

Quý 2, Biện Minh Tánh.

Ý ô nhiễm đây tánh vô ký nhưng có bị ngăn che; cùng bốn phiền não thường chung nhau tương ứng. Như sắc vô sắc hai phiền não ràng buộc, là hai phiền não này có bị ngăn che và bị tóm thâu tánh vô ký; sắc vô sắc bị ràng buộc bởi Xa Ma Tha chỗ tóm thâu tàng trữ, cho nên Ý đây tất cả thời gian dần dần vi tế chạy theo.

Biện minh Ý ô nhiễm đây, nơi thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, trong bốn tánh đây tánh nào là tóm thâu? Ý đây là ô nhiễm nên trong bốn tánh có tánh hữu phú vô ký, cả bốn phiền não đều cùng thường tương ứng, đây là biện minh nghĩa hữu phú vậy. Đã cùng bốn phiền não thường chuyển biến tương ứng, thì phải là tánh bất thiện, sao gọi là vô ký? Dẫn thí dụ chứng minh rằng: Như sắc vô sắc hai phiền não ràng buộc, tuy là phiền não, nhưng chỗ tóm thâu của tánh hữu phú vô ký. Nhân che đậy sắc vô sắc hai phiền não ràng buộc, chính là Xa Ma Tha nơi bao gồm tàng trữ và bảo trì, không phải như Dục Giới phiền não phân tán tác dụng tạo nghiệp thù thắng, nên thành

có tánh đặc biệt hữu phú vô ký. Ý đây một loại vi tế tùy theo sáu Thức trước, nếu trong thời gian tất cả thiện bất thiện vân vân, thường xuyên theo đuổi dần dần chuyển biến. Nếu như bất thiện, thì nơi tâm thiện vân vân không thể chuyển khởi, nên biết Ý đây thuộc tánh vô ký. Nhưng cùng bốn hoặc (*Kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc*) thường tương ứng nhau, nên gọi là hữu phú. Cố nhiên, tuy có phiền não tương ứng, mà tánh thì hữu phú vô ký. Nếu không điều đó, hữu phú vô ký thuộc về đâu? Tương ứng, nghĩa là Tâm Vương cùng Tâm Sở đồng thời, đồng nương tựa, chỗ duyên cảnh vân vân, hòa hợp cùng biện minh một việc là đầy đủ bốn nghĩa. Xa Ma Tha, dịch là chỉ, tức là Định, một của chín biệt danh. Lại nữa, theo dần dần đây, hoặc gọi là giới chỗ sanh tùy thuận của Thức thứ tám, theo đuổi dần dần mà duyên kiến phần của Thức thứ tám chấp làm ngã.

Tâm 3, Giải Thích Tâm.

Tâm thể thứ ba, nếu là Thức A Lại Da, tách riêng không thể được; cho nên thành tựu cho Thức A Lại Da là Tâm Thể. Do đây làm chủng tử Ý và Thức đều chuyển biến. Nhân duyên gì nên cũng nói tên là Tâm? Do các pháp chủng tử huân tập nơi Tâm đây thành chủng tử làm chỗ chứa nhóm.

Tâm Thể thứ ba đây, nghĩa là nói Thức, giải thích kỹ càng là sáu Thức trước, nói là Ý, giải thích kỹ càng vân vân là hai thứ Ý không gián đoạn và ô nhiễm, là pháp thể của tâm, đa số ở thứ ba. Nhưng tâm thể đây thiết lập nếu là Thức A Lại Da, lại không có pháp nào khác có thể được làm thể. Cũng không thể nói Tâm là Thức, gọi chung của Ý, ba pháp hợp lại thành hạng. Do là, thành tựu Thức A Lại Da do làm thể của tâm đây vậy. Lại do tâm đây làm chỗ ở của chủng tử, Ý thứ

bảy và sáu Thức trước vân vân mới đặng chuyển sanh. Nếu rút gọn tâm là hiện pháp, thì nói rằng do có tâm đây làm chỗ nương tựa căn bản của bảo trì chủng tử, Ý và Thức vân vân nhờ đó được chuyển khởi. Thiết lập câu hỏi: tuy chứng minh Thức thứ tám tức là tâm thể, nhưng nương thứ nhân duyên nào, A Lại Da hay A Đà Na hai tên dùng bên ngoài cũng gọi là tâm sao? Nếu tâm có nhiều nghĩa, thông thường thế tục cho tâm là quả tim, nhưng đây chính là sắc pháp, thật không phải là tâm vậy. Hoặc dùng duyên suy nghĩ gọi là tâm, thông thường chỉ cho tâm vương tâm sở. Hoặc dùng tập khởi gọi là tâm, nghĩa là nơi tập hợp các pháp huân tập thành chủng tử, để phát khởi hiện hành của các pháp đời vị lai, ở đây chỉ có Thức thứ tám. Nếu dùng tích tập gọi là tâm, thì có năng và sở, năng lực tích tập đây chỉ có bảy Thức trước, là năng lực huân tập; chỗ tích tập tức là Thức thứ tám, chính là chỗ huân tập. Nay tức là gút gọn nghĩa đây để bình luận, nghĩa là do các thứ pháp hiện hành có thể huân tập, huân tập thành tựu tất cả chủng tử nơi Thức thứ tám, Thức thứ tám là chỗ tích tập các thứ kia, cho nên dùng nghĩa tích tập để giáo huấn là tâm vậy.

Kỷ 2, Vấn Đáp Kết Thành.

Canh 1, Vấn Đáp Chính

Lại nữa, vì sao trong Thanh Văn Thừa không nói đến tâm này tên là Thức A Lại Da, hoặc tên là Thức A Đà Na? Do vì chỗ tóm thâu những cảnh thâm tế đây. Sở dĩ vì sao? Do các Thanh Văn không ở nơi chỗ chuyển tất cả cảnh trí, là vì nơi họ tuy ly khai lời nói đây, mặc dù trí đắc thành, thành tựu giải thoát, cho nên không vì họ mà nói. Nếu các Bồ Tát nhất định nơi tất cả cảnh dùng trí chuyển biến, cho nên mới nói. Nếu lìa trí đây, không dễ chứng đắc trí nhất thế trí.

Hỏi rằng: trong biến pháp của Thanh Văn Thừa kia, cũng nói tên tâm. Do duyên cố vì sao nơi trong giáo pháp Thanh Văn không thấy nói đến tên tâm Thức A Lại Da, cũng không thấy nói đến tên tâm Thức A Đà Na?Đáp rằng: hình dạng hai tên này đã giải thích kỹ càng về tướng trạng là chỗ tóm thâu tất cả cảnh vi tế, không phải cảnh của trí nông cạn kia có thể hiểu được, cho nên không nói đến vậy. Lại hỏi tiếp: dùng sắp xếp thế nào mà biết được vậy? Đáp rằng: Do Thanh Văn chỉ phát tâm tự lợi, nhưng do duyên khổ nạn vân vân, trí của họ có thể chứng đắc giải thoát, khi họ phát nguyện đầy đủ vậy; lại nữa không vì lợi tha để đoạn trừ chướng sở tri, mới đạt đến đại bồ đề, nên không vì họ mà nói cảnh giới thâm tế này. Ngược lại khiến họ tăng thêm phiền não, Tất cả ảnh, tức là tướng chỗ để hiểu biết, tất cả cảnh trí, tức là trí của của tất cả tướng để duyên.Trí đây chỗ để nương tựa chỗ để duyên đều gọi là xứ, tức là chỗ, do các hàng Thanh Văn kia vân vân, không ở nơi chỗ cảnh trí của tất cả duyên đây để biến hiện khởi, là vì nơi chúng Thanh Văn kia, tuy ly khai chỗ nói cảnh giới của Thức A Lại Da, nhưng trí của chỗ duyên các khổ nạn vân vân cũng được sanh khởi, chỗ kỳ hạn quả giải thoát cũng có thể thành tựu, cho nên không vì họ nói cảnh giới thâm tế này, cho nên không phạm lỗi. Bồ Tát thì không như thế, nguyên nhân Bồ Tát phát tâm là vì lợi tha, nơi tất cả cảnh ở trên tận lực đoạn trừ chướng ngại chỗ hiểu biết, chứng tất cả chủng trí, nên quyết định phải ở nơi tất cả chỗ cảnh trí chuyển biến, tất nhiên là nói cảnh trí thâm tế, khiến dẫn đến phát sanh pháp không thuộc trí không phân biệt. Giả như nếu không vì cảnh này mà nói, phát sanh trí này thì ở nơi trí tất cả trí **không dễ gì chứng đắc vậy**. Nói không dễ gì, là biến bày không phải không được. Như trong bộ Kinh Bát Nhã, tuy không nói Thức A Lại Da này cũng khai thị pháp môn không này vân vân để chứng bồ đề vậy. Tuy nhiên nói không dễ, lược nói có hai đầu mối: (1) Không biết cảnh đây để tu pháp không, đa số

có chướng ngại chấp không làm cứu cánh, thậm chí, thậm chí không cấp cho viên thành để nương tựa nó, nên bị chướng ngại đạt đến bờ đề. Nên biết đây, thì một mặt nơi trên y tha khởi, lại trừ tánh biến kế, một mặt lại liền nơi y tha khởi trên đây thông đạt đến viên thành thật. Lúc đó chân và tục chiếu soi đầy đủ, hai trí viên dung (*Hai Trí là Đại Viên Cảnh Trí và Bình Đẳng Tánh Trí*), thành trong đạo trí nhất thể trí, nên so sánh trên kia (*Trên không dễ gì chứng đắc kia*) là rất dễ. (2) A Lại DA là nhân rất lớn của hữu lậu, trí của nhất thể trí là quả lớn của vô lậu, biết nhân mà quả trách quả, tốt nhất nên dứt khoát. Không biết đây là nhân mà tu pháp không, chính nhân đã là mê, thì quả đâu dễ hiểu rõ? Cho nên so sánh biết sơ lược đây là khó vậy.

Dàn 2, Giải Thích Đặc Biệt.

Lại nữa trong Thanh Văn Thừa cũng dùng pháp môn khác mật ý đã nói đến Thức A Lại Da: như họ từng nói Nhất A Cấp Ma: [Chúng sanh trong thế gian ái trước A Lại Da, khoái lạc A Lại Da, hân hoan A Lại Da, sung sướng A Lại Da. Vì muốn đoạn trừ phiền não nên cần đến A Lại Da, khi nói chánh pháp cung kính tóm thâu tiếng nói để trụ vào tâm mong cầu giải thoát, chánh pháp đây tùy theo pháp hành. Như Lai xuất thế, như thế kỳ lạ rất bất ngờ chưa từng có chánh pháp lại xuất hiện trong thế gian.] Nơi Thanh Văn Thừa, trong Kinh Tứ Đức Như Lai xuất hiện, do pháp môn mật ý mới lạ đã hiển bày Thức A Lại Da. Nơi Đại Chúng Bộ trong A Cấp Ma, cũng dùng pháp môn mật ý mới lạ này tên là Thức Căn Bản, giống như cây đại thọ nương cội rễ. Trong Hóa Địa Bộ, cũng dùng pháp môn mật ý mới lạ này nói tên Cùng Sanh Tử Uẩn; có chỗ có lúc thấy đoạn trừ sắc tâm, không phải trong Thức A Lại Da có thứ đoạn trừ kia.

Một vị tăng kia đến xuất hiện trong thế gian, thứ nhất là dẫn giáo chứng của Hữu Bộ. Luyến ái, vui mừng, hân hoan, sung sướng bốn tên đây rút gọn tổng hợp riêng biệt ba đời mà thành lập: nghĩa là chúng sanh trong thế gian chỗ bị sanh tử lưu chuyển, tức là do có ái trước A Lại Da vậy. Nơi hiện tại sanh vui mừng là vì nơi quá khứ sanh hân hoan, nơi vị lai sanh sung sướng. Ba đời vừa kể trên đồng là do tánh tham trước, nên gọi chung là Ái Trước A Lại Da vậy. Tên của nó tuy là bốn mà thể của chỉ là một, rút gọn nghĩa, tức là Ngã Ái Chấp Tạng. Thanh Văn vì xuất thế, muốn đoạn trừ bốn A Lại Da như thế, nên khi nơi Phật thuyết pháp, thân tâm cung kính, tóm thâu tiếng của Phật mà nghe, do đó họ thành Văn Huệ; họ nghe đã an trụ nơi tâm của tìm cầu giải thoát hoàn toàn, do đó họ thành Tư Huệ; đã biết pháp chỗ nên đến để chứng đắc, liền phát khởi theo con đường pháp đây mà tu chứng, do đó họ thành Tu Huệ. Đã biết pháp đây họ ca ngợi Thế Tôn nói rằng: chỉ Như Lai xuất thế mới có chánh pháp rất kỳ lạ chưa từng có như thế xuất hiện nơi thế gian. A Lại Da đây chỗ đoạn trừ cũng giống như Thanh Văn, cho nên bài tụng Duy Thức có nói: [A La Hán Vị Xả], tức là nghĩa của Ngã Ái Chấp Tạng mới xả vậy. Thế là đức Phật ở nơi giáo pháp Thanh Văn Thừa, Như Lai xuất hiện trong Tứ Đức Kinh, đã do pháp môn có tên khác đây, mật ý hoàn toàn không rõ ràng, đã từng hiển bày Thức A Lại Da vậy.

Tiếp theo dẫn đến học thuyết trong giáo pháp Đại Chúng Bộ. Sau đức Phật nhập diệt 100 năm, phân chia hai bộ là Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ. Nơi trong A Cấp Ma của Đại Chúng Bộ, cũng dùng pháp môn tên khác, không mật ý hoàn toàn, đều nói Thức A Lại Da tên là Căn Bản Thức. Vì ngoại trừ căn bản của các Thức nương tựa sanh khởi, cũng như nhánh lá thân cây của đại thọ vân vân, đều nương

tựa gốc rễ của cây đại thọ mà sanh trưởng. Nhưng Thức căn bản kia chính là A Lại Da, nếu là nơi Thức này không thể làm căn bản.

Thứ đến, dẫn học thuyết trong Hóa Địa Bộ, một trong 20 Bộ Phái, ngoại trừ phái Thượng Tọa Bộ trên. Nơi trong Bộ này, thì cũng dùng môn phái tên khác, không mật ý hoàn toàn, nói Thức A Lại Da là tên Cùng Sanh Tử Uẩn. Cùng đây, dụ như nói cùng tận, sanh tử, tức là từ phàm phu cho đến trung đạo kim cương ba thừa, trước khi chưa chứng quả vô học, đều có uẩn sang tử, chính là pháp của tánh chứa nhóm vậy. Nhân trong Hóa Địa Bộ kia thiết lập ba thứ uẩn: (1) Niệm Khoảnh Uẩn, nghĩa là có pháp sanh diệt của một sát na. (2) Nhất Kỳ Sanh Uẩn, nghĩa là theo sau có sanh đến trước có tử, nơi một kỳ hạn sanh hoạt liên tục thường xuyên theo pháp chuyển hóa. (3) Cùng Sanh Tử Uẩn, tức là chỗ đây rõ ràng. Uẩn đây tức là Thức A Lại Da, lý do tại sao? Nghĩa là sáu Thức vô thường, nên không phải uẩn đây; Ý Thức thứ bảy thì thường còn, tuy nhiên khi quán sanh không phát khởi Thức nhiễm tịnh kia cũng đoạn diệt; ngoại trừ sắc của nó vân vân, lại không đợi nói. Vô Vi tuy thường còn, tuy nhiên không phải là uẩn. Nên biết uẩn kia tức là Thức đây vậy. Lại nữa giải thích nghĩa đây rằng: có các xứ vô sắc giới thấy sắc pháp đoạn diệt, nên cũng không phải uẩn đây; có các chỗ vô sắc giới, thấy sắc pháp đoạn diệt, nên đây không phải uẩn; có các chỗ vô tâm vân vân, thấy tâm pháp đoạn diệt, cũng không phải uẩn này. Khi sắc tâm kia đoạn diệt, chỉ hiện hành bị đoạn diệt, không phải trong Thức A Lại Da chỗ tàng trữ chủng tử của sắc tâm kia cũng có gián đoạn, nên sau khi ly khai ngôi vị vô sắc tâm kia, nhưng sắc tâm sanh khởi. Chủng tử kia đã không bị đoạn diệt, nên duy trì chủng tử của Thức kia, cũng không nên đoạn diệt. Chỉ trừ Thức A Lại Da, lại không ngoại trừ năng lực bảo trì chủng tử pháp kia,---- Nghĩa đây như trong Duy Thức Luận đã giải thích rộng. Căn cứ nơi bộ tuy

khác tên là Cùng Sanh Tử Uẩn, mà kỳ thật nó chính là Thức A Lại Da vậy.

Trên đây lại nói, đặc biệt hiển bày A Lại Da, lại dùng pháp môn mật nghĩa khác, nơi trong Thanh Văn Thừa cũng từng nói, không phải hoàn toàn không nói đến vậy.

Canh 3, Tổng Kết Thành.

Như thế chỗ nương tựa để hiểu biết, chính là nói Thức A Lại Da làm tánh, Thức A Đà Na làm tánh, tâm làm tánh, A Lại Da làm tánh, Thức Căn Bản làm tánh, Cùng Sanh Tử Uẩn làm tánh vân vân. Do pháp môn khác đây, Thức A Lại Da trở thành cung cách Đại Vương, thường gọi là Tâm Vương.

Trên đây là chỗ an lập các tên, tổng hợp để kết thúc, thành quả trong luận này là chỗ nương tựa để hiểu biết. Như thế trên đây các thứ giải thích, nên biết pháp làm chỗ nương tựa để hiểu biết, hoặc dùng học thuyết Thức A Lại Da làm tánh, hoặc dùng học thuyết Thức A Đà Na làm tánh, hoặc dùng học thuyết tâm làm tánh của luận, hoặc dùng học thuyết ái trước, khoái lạc, hân hoan, sung sướng bốn trên của A Lại Da làm tánh của luận, hoặc học thuyết tên Thức Căn Bản làm tánh của luận, hoặc học thuyết Cùng Sanh Tử Uẩn làm tánh của luận. Vân vân, là hiển bày phần Thức vân vân có các tên khác, đều có thể nói là tánh của luận. Do đây có nhiều các pháp môn khác giải thích, nên Thức A Lại Da đây trở thành quảng đại tối đa, tối chánh trực, tối minh hiển, tối bình thản, dụ như đại quốc vương những chỗ lộ trình đều đã đi qua.

Kỷ 3, Phá Chấp Hiển Bày Thù Thắng.

Nơi trên đã giải thích tên của các pháp môn khác, tức là nghĩa của Thức A Lại DA, các sư Tiểu Thừa kia đặc biệt chấp trước phủ nhận, cho nên để phá những kẻ thấp hèn chấp trước kia, hiển bày thù thắng của Thức A Lại Da để thành lập vậy.

Canh 1, Phá Nghĩa Chấp Trước Quá Mức.

Lại nữa có một loại, gọi là Tâm, Ý, Thức, nghĩa một chữ có khác. Tâm là nghĩa không thành. Ý và Thức hai nghĩa sai biệt nhau có thể được, cần nên biết nghĩa của Tâm cũng có khác.

Lại nữa có một loại cho đến nghĩa duy nhất văn cũng khác, xuất hiện chấp trước. Người kia nói rằng: Phật nói ba tên Tâm, Ý, Thức đây, văn ngôn của nó giải thích kỹ càng có nhiều tên, nhưng chỗ nghĩa bản thể của nó chỉ là một pháp. Nên Đại Thừa các ông không nên nói Tâm là Thức A Lại Da vậy. Đả phá rằng: Là nghĩ của Tiểu Thừa không thể thành lập. Tại sao thế? Dùng Ý làm tánh tư lương, tức là ý nhiệm ô của Thức thứ bảy, hoặc hạng ý vô gián; Thức là sáu Thức trước thuộc loại biệt cảnh. Ý đây, là Thức có hai tên chỗ giải thích kỹ càng có hai nghĩa, tức là thành sai biệt, đã có thể thành lập không phải một. Cho nên phải biết tên tâm đây, chỗ giải thích kỹ càng nghĩa của nó thì cũng có pháp khác biệt để làm chỗ giải thích kỹ càng. Hoặc nói rằng: vì sao trong 20 bài luận Duy Thức, cũng gọi bốn tên tâm ý thức liễu là một pháp gì? Chúng nương tựa nơi năng duyên theo thông nghĩa mà luận, tổng hợp hiển bày một pháp có thể lập nhiều tên; tuy nhiên thực tế các tên đều có nghĩa riêng biệt. Nếu không như thế, nói nhiều để dùng gì?

Canh 2, Phá Chấp Lời Giải Khác.

Tân 1, Ra Mưu Kế.

Nhâm 1 Tính Toán Làm Cho Năm Thủ Uẩn.

Lại nữa có một loại, gọi là Bạc Già Phạm, chỗ nói chúng sanh luyến ái A Lại Da, cho đến giảng rộng; trong đây năm thủ uẩn, gọi tên là A Lại Da.

Nghĩa là lại có một loại các sư của Tiểu Thừa, gọi Bạc Già Phạm nơi trong A Cấp Ma chỗ nói chúng sanh trong thế gian luyến ái A Lại Da, cho đến nói rộng bốn A Lại Da, tức là chúng sanh trong thế gian có ái thủ uẩn của năm pháp hữu lậu, không phải riêng biệt nói có Thức thứ tám vậy.

Nhâm 2, Tính Toán Làm Cho Tham Đầy Đủ Lạc Thọ.

Có thừa, lại gọi là tham đầy đủ lạc thọ, gọi là A Lại Da.

Có ngoài ra trên chỗ mưu kế còn dư một loại là các sư Tiểu Thừa, nói tâm tham tương ưng đầy đủ lạc thọ, thọ đây là chúng sanh trong thế gian chỗ pháp của tầng trở ái trước khoái lạc chấp trước, nên gọi là Lại Da? Không phải riêng có Thức thứ tám tên là Thức A Lại Da vậy.

Nhâm 3, Tính Toán Làm Tát Ca Da Kiến.

Có thừa, lại gọi Tát Ca Da Kiến tên là A Lại Da.

Tát đây Kinh Bộ cho là giả, cùng Hữu Bộ cho là có, và Đại Thừa cho là biến chuyển, các nghĩa không giống nhau, như Thành Duy Thức Luận Thuật Ký giảng rộng và rõ ràng hơn, đây dẫn chứng không phức tạp. Ca Da nghĩa là tụ họp, chỉ nơi thân để nói. Thân đây tức là thân

kiến, hoặc tên là ngã ngã sở kiến. Nghĩa là kia kế chấp rằng: chúng sanh trong thế gian, nơi thân khởi kiến chấp, sau cùng là pháp của chỗ chấp trước tầng trở chính là ái lạc, nên gọi ái vân vân là A Lại Da, không phải Thức thứ tám vậy.

Tân 2, Phá Chấp.

Nhâm 1, Tổng Hợp Phá Chỗ Chấp Trước.

Các chư sư đây do giáo pháp và chứng ngu muội A Lại DA, nên tạo chấp trước này. Như thế an lập tên A Lại Da, đây là theo Thanh Văn Thừa cũng an lập đạo lý này, nhưng cũng không tương ứng. Nếu không ngu muội, chọn Thức A Lại Da an lập học thuyết tên A Lại Da kia, như thế an lập trước là thù thắng.

Nghĩa là ba mươi kế đây của các sư Tiểu Thừa, không hoàn toàn căn cứ nơi nghĩa lý của giáo pháp, và trí huệ chứng ngộ thù thắng, nhưng do giáo lý không rõ nghĩa, và trí huệ chứng đắc thấp kém, ngu mê nơi danh và tướng của Thức A Lại Da vân vân, sở dĩ tạo lên ba thứ chấp trước. Như căn cứ nơi những sự chấp trước của họ, an lập tên A Lại Da, không phải chỉ ở nơi giáo lý của Đại Thừa có sai trái, tức là thuận theo trong giáo pháp của Thanh Văn Thừa, an lập tên đạo lý này, nên cũng không tương ứng vậy. Vì sao biết được? Như dưới đây, chính an lập đạo lý của họ trong đó đưa tới đả phá có thể biết vậy. Nếu kẻ không ngu --- tức là Bồ Tát đoạn trừ pháp chấp, chọn pháp của Thức A Lại Da thứ tám đây, mà an lập tên A Lại Da của kinh họ có nói: Nếu có thể an lập như thế, liền có thể do tên A Lại Da chứng đắc nguyên thể là đoạn trừ pháp chấp, đạt được duyên khởi, đều chứng thành những nghĩa của Duy Thức, lia tất cả lầm lỗi tai họa đối với giáo lý tối thù thắng vậy.

Nhâm 2, Đẩy tới đả phá chỗ chấp trước.

Quý 1, Ngoại trừ yêu cầu.

Thế nào là tối thắng?

Giáo lý Thanh Văn Thừa an lập đạo lý, kết quả có tội lỗi như thế nào? Giáo pháp đạo lý của Đại Thừa tối thắng như thế nào?

Quý 2, Phá chấp.

Tý 1, Phá chấp năm thủ uẩn.

Nếu cho năm thủ uẩn là tên A Lại Da, sẽ hướng về sanh trong ác thú là chỗ khổ nạn, rất có thể đón lấy chán ngấy; nếu chúng sanh hướng về không khởi ái lạc, nơi trong chấp tạng, không nên có đạo lý; họ nên thường mong cầu cấp tốc xa lìa.

Nếu nhà người chấp năm thủ uẩn hữu lậu tên là A Lại Da đây, nơi trong các thiện đạo thiên và nhân, cố nhiên không hiển bày lỗi lầm của họ. Nhưng nếu chúng sanh sanh trong cõi cực ác như địa ngục chẳng hạn, còn hướng về nơi chỗ chịu cực khổ gặp rất ít an lạc, chỗ đây và thân tâm rất có thể chán ghét, tâm của họ trái nghịch. Chúng sanh kia ở nơi chỗ và thân đây, hướng về không khởi mảy may ái trước lạc dục, cho là khổ lớn đến cùng cực. Nếu nói rằng, chúng sanh kia ở trong pháp năm thủ uẩn, phát khởi chấp trước tóm thâu tạng tên là A Lại Da đây, không nên có đạo lý, do họ thường cầu mau bỏ thân này, lìa khỏi chỗ đây. Cho nên cần cho phép có Thức A Lại Da thứ tám an lập tên này, mới không mất Thức A Lại Da thứ tám nói trên.

Tý 2, Phá chấp tham đầy đủ lạc thọ.

Nếu tham đầy đủ lạc thọ tên A Lại Da, dùng tịnh lự thứ tư ở trên không có, nếu đầy đủ hữu tình kia thường có đón lấy chán ngấy, ở trong chấp tạng, cũng không nên có đạo lý.

Tịnh lự thứ tư, tức là thiền thứ tư của chư thiên nơi sắc giới, chư thiên kia lại gọi là xả niệm thanh tịnh địa, họ thọ chỉ xả niệm lại không có các lạc thọ. Nếu tịnh lự thứ ba, lại gọi là ly hỷ diệu lạc địa, còn có lạc tồn tại. Nên trong văn đây chỉ chọn tịnh lự thứ tư trở lên, họ đều không có lạc thọ, đâu có thể nói không có A Lại Da sao! Văn nghĩa là: Nếu các sư Tiểu Thừa nhà người, dùng tướng tham lạc thọ đầy đủ, lại gọi trong A Cấp Ma nào ái trước, khoái lạc, hân hoan, sung sướng bốn A Lại Da. Nhưng lạc thọ đây, không chỉ ở nơi tịnh lự thứ tư dùng ở trên chư thiên đều đã không có, lại do tịnh lự thứ ba hữu tình muốn tiến lên tịnh lự thứ tư, được đầy đủ lạc thọ kia, nên liền sanh vào chỗ không lạc thọ, thường sanh tâm hoạn nạn chán ngấy lạc thọ, vì xem thấy tướng thô, khổ, chướng ngại; huống chi đã sanh bốn tịnh lự đó sao? Tịnh lự thứ tư kia dùng cho hữu tình ở trên, họ đã tự xả, nhà người nếu nói các hữu tình kia nơi trong tham đầy đủ lạc thọ chấp trì tóm thu tàng trữ, gọi là ái trước vân vân A Lại Da đó, không nên có đạo lý chân chánh.

Tý 3, Phá kiến chấp Tát Ca Da.

Nếu Tát Ca Da thấy tên A Lại Da, nơi trong chánh pháp đây tinh hiểu không chấp ngã, thường xuyên có đón lấy chán ngấy, nơi trong chấp tạng, cũng không nên có đạo lý.

Tát Ca Da thấy liền ngã kiến, là nhà người vân vân nếu chấp ngã kiến đây, gọi là ái vân vân bốn A Lại Da của hữu tình, nó ở nơi trong chánh pháp tin hiểu lý vô ngã, thì cách hữu tình đây nơi ngã kiến thường xuyên luôn đón lấy chán ngấy, chỉ muốn mau cầu đoạn trừ. Nếu nói rằng hữu tình họ nơi trong ngã kiến cũng chấp trì tóm thâu tàng trữ, gọi là ái vân vân bốn A Lại Da, cũng không nên có đạo lý.

Quý 3, Hiển bày thù thắng.

Tý 1, Giải thích thù thắng.

Tóm thâu tánh ngã bên trong Thức A Lại Da, chúng sanh tuy sanh trong ác thú hưởng về chỗ khổ nạn mộng cầu ly khai khổ ô nhiễm, nhưng họ vẫn bị Ngã Ái nơi Tạng Thức chạy theo trôi buộc, chưa từng mộng cầu ly khai. Chúng sanh tuy sanh trên trạng thái thanh tịnh suy tư của thiên thứ tư, nhưng bị tham ái đầy đủ khoái lạc thường xuyên lôi cuốn đón lấy nhàm chán, tuy nhiên nơi trong Tạng Thức, họ vẫn bị Ngã Ái đi theo trôi buộc. Mặc dù ở nơi chánh pháp họ tin hiểu không chấp ngã, nhưng vì đón lấy Ngã Kiến, cho nên ở nơi Tạng Thức, Ngã Ái của chúng sanh cũng vẫn lôi cuốn theo trôi buộc.

Đây hiển bày chỉ thị an lập Đại Thừa, không phải như bọn Tiểu Thừa họ có các phạm lỗi, vì có các phạm lỗi nên mới an lập thù thắng tuyệt đối vậy. Vì tánh chấp ngã trong Thức A Lại Da có tám chữ, thông qua ba câu văn trong bài tụng. Đại Thừa an lập Thức A Lại Da tên là A Lại Da có duyên cố thể nào cho là thù thắng tuyệt đối mà

không lỗi? Nguyên nhân Thức A Lại Da là tự tánh của ngã làm chỗ chấp trước của Ý ô nhiễm thứ bảy. Lý do vì sao không lỗi? Nghĩa là chúng sanh tuy sanh cõi ác nghiệp hưởng về thọ khổ nơi chốn địa ngục, là nơi chỗ nương tựa của hai quả báo khổ nạn ô nhiễm mở trên, cho nên mong cầu lìa khỏi; tuy nhiên họ vẫn thường xuyên quan hệ tánh của ngã trong Thức A Lại Da, vì đã có ái trước chấp ngã của Thức thứ bảy bên trong Thức A Lại Da của họ, cho nên họ bị chạy theo trôi buộc, chưa từng có một niệm cầu xin xa lìa. Vì nguyên nhân đó họ nguyện rằng: Như thế nào có thể khiến các khổ ô nhiễm của ngã đều không có mặt, để ngã của họ thường xuyên được thọ các an lạc!

Nên biết các hữu tình kia tuy nhằm chán khổ ô nhiễm mà không nhằm chán Thức này. Cho nên chọn Thức này tên là Ái A Lại Da, mà không phạm lỗi vậy. Các chúng sanh hữu tình tuy chọn lấy Thiên Thanh Tịnh Suy Tư thứ tư, nhưng nơi tham ái lạc thọ vẫn đầy đủ trong người họ, mặc dù họ thường xuyên nhằm chán, tuy nhiên họ ở nơi Thức A Lại Da đây thì chưa cầu ly khai vậy. Nguyên nhân họ ở nơi Thức A Lại Da mà vẫn thường xuyên bị ngã ái của ngã ái trong Tạng Thức chạy theo trôi buộc. Cho nên gọi Thức A Lại Da là Ái A Lại Da thì không có lỗi thù thắng tốt cùng vậy. Lại nữa mặc dù họ tin hiểu lý vô ngã của Phật, nhằm chán ngã kiến, nhưng vì Thức thứ bảy thường xuyên thật hành ngã kiến nơi chỗ chấp ngã bên trong Thức này, cho nên khiến họ vẫn chưa nhằm chán. Như người của Tam Quả Thanh Văn (*Tam Quả là một thuộc hàng thứ ba trong tứ quả Thanh Văn. Tứ quả gồm có 1- Tu Đà Hoàn, 2 - Tư Đà Hàm, 3 - A Na Hàm, 4 - A La Hán*) khi vào quán đời sống con người hoàn toàn là không, họ không thận trọng khi nghe tiếng sấm nổ, còn sanh tâm sợ hãi, đây là họ chứng quả như thế sao. Còn Tứ Quả thì họ không sợ hãi vì đã đoạn trừ được ngã chấp. Nguyên nhân họ mặc dù tin hiểu nhưng chưa đoạn trừ ngã chấp thì ở

đây trên Thức thường xuyên vẫn còn ngã của Thức thứ bảy đi theo trôi buộc. Như thế nếu an lập thì có lỗi không gì hơn.

Tý 2, Kết quả thù thắng.

Cho nên an lập Thức A Lại Da tên là A Lại Da, thành tựu thù thắng tốt cùng. Do các lý trên, cho nên nếu an lập Thức A Lại Da tên là A Cấp Ma của bốn A Lại Da (*A Cấp Ma là một tên của bốn tên A Lại Da; bốn tên đó là, 1- Năm thủ uẩn là A Lại Da, 2 – Lạc thọ là A Lại Da, 3 – Tát Ca Da là A Lại Da, 4 – A Cấp Ma là A Lại Da*), an lập như thế cũng thành tựu thù thắng tốt cùng.

Mậu 2, Lập tướng.

Kỷ 1, Trước kết quả sau sanh ra.

Như thế đã nói pháp môn an lập khác của Thức A Lại Da, đây là an lập Tướng, thế nào thấy được Tướng?

Căn cứ trên lại có thể giải thích kỹ càng các tên và an lập chỗ giải thích kỹ càng trước tiên là tên Thể Tướng. Như thế lại ở trên đã nói tên các cảnh tướng bên ngoài được an lập pháp môn khác nơi Thức A Lại Da, đã được kết quả nơi trước. Đã an lập tướng trạng các tên được giải kỹ càng, lại làm thế nào mà thấy biết được? Tức là chờ văn ở sau sẽ hỏi vậy.

Kỷ 2, Giải thích rộng nghĩa của nó.

Canh 1, Tổng hợp thành lập ba tướng.

An lập Tướng đây, lược có ba thứ: 1- An lập Tự Tướng, 2 – An lập Nhân Tướng, 3 – An lập Quả Tướng. Trong đây an lập Tự Tướng Thức A Lại Da: nghĩa là căn cứ nơi tất cả phẩm loại pháp tạp nhiễm chỗ có chứa nhóm, vì chúng nó sanh ra nhân, do năng lực tóm thâu bảo trì chủng tử thích ứng lẫn nhau. Tiếp theo an lập Nhân Tướng Thức A Lại Da: nghĩa là như thế tất cả chủng tử trong Thức A Lại Da, nơi tất cả lúc nào cùng các pháp chủng loại tạp nhiễm kia hiện tiền làm nhân. Tiếp nữa an lập Quả Tướng Thức A Lại Da: nghĩa là liên căn cứ nơi phẩm loại pháp, từ vô thủy đến nay chỗ đã chứa nhóm trong Thức A Lại Da, đều liên tục lẫn nhau sanh ra.

An lập tướng của các tên đây đã được giải thích kỹ càng, rộng nói không cùng tận, chỉ có Phật mới có thể biết. Nếu tổng hợp nói lược, thì có ba thứ Tướng, cũng tóm thâu tận cùng vậy. Tức lập một Tướng cũng có thể tóm thâu tận cùng. Chỉ lấy chỗ yếu điểm để nói, so cùng Thành Duy Thức Luận thì giống nhau, mở bày làm ba thứ: (1) Một là an lập Tự Tướng, tức là an lập Thể Tướng của bản Thức đây. (2) Hai là an lập Nhân Tướng, tức là an lập Thức này làm Tướng của nhân các pháp. (3) Ba là an lập Quả Tướng, tức là an lập Thức này, làm nghiệp lực tăng lên để hướng dẫn quả dị thực. Trong đây an lập xuống là giải thích ba tướng, Trong ba tướng an lập đây, tức là an lập Tự Tướng Thức A Lại Da, nghĩa là an lập pháp của Tự Tướng Thức này. Nói cách khác căn cứ tất cả pháp phẩm chất tạp nhiễm của bảy Thức trước có thể chứa nhóm vào Thức thứ tám, đủ để diệt đủ để sanh. Hơn nữa, chỗ có bảy phẩm chất tạp nhiễm đã nói ở trên trở thành phần khí của năng lực chứa nhóm và phần pháp để chứa nhóm, tức là công năng của phần khí đây, mở bày chuyển biến tóm thâu bảo trì các pháp nơi trong Thức A Lại Da, cho đến vị trí thành thực, lại có thể là nguyên nhân sanh ra các pháp năng lực chứa nhóm --- tức là chủng tử của các

pháp chứa nhóm --- Đây là nghĩa tiếp nhận chứa nhóm của Thức A Lại Da. Do đây Thức A Lại Da độc lập có thể tóm thâu tàng trữ không cho mất, tiếp nhận bảo trì không cho hư hoại đạo lý của các chủng tử tuyệt đối để đáp ứng lẫn nhau; không phải các pháp tự mình có thể cũng như không đủ khả năng tóm thâu bảo trì đạo lý đáp ứng lẫn nhau của các chủng tử kia. Đây là chứng minh nghĩa của chủng tử do Thức A Lại Da bảo trì. Tổng hợp tiếp nhận chứa nhóm đây, bảo trì chủng tử có hai nghĩa, là nghĩa năng lực tàng trữ của Thức A Lại Da; hoặc rút gọn là những pháp để chứa nhóm, cũng bao gồm nghĩa là chỗ tàng trữ. Căn cứ nơi năng lực đây và nơi nghĩa tàng trữ, chính là Thể Tướng của bản Thức thứ tám, nếu ly khai Thể Tướng đây nghĩa là không có Thể Tướng của Thức đây thì làm sao biết được. Trong đây an lập nhân tướng A Lại Da, tiêu biểu nhân tướng trong ba tướng (*Ba tướng: Pháp Tướng, Nhân Tướng, Quả Tướng*). Như thế Thức A Lại Da là chỉ cho pháp thể của nhân tướng, như trên đã chứng minh Thức A Lại Da là chỗ tóm thâu và bảo trì tất cả chủng tử. Tất cả chủng tử đây cùng Thức A Lại Da không phải một mà cũng không phải khác, rút gọn chủng tử đây nơi tất cả trong thế gian mỗi khi thành thực, tức là có thể cùng các pháp đã được năng lực chứa nhóm phẩm chất tạp nhiễm làm nhân tố sanh ra hiện tiền, nên gọi là nhân tướng của Thức A Lại Da này. Trong đây an lập quả tướng của Thức A Lại Da, quả tướng tức là quả chưa chín mùi, nghĩa là nhân của các pháp hiện hành nơi phẩm chất tạp nhiễm, từ vô thủy đến nay, chỗ có chứa nhóm thành năng lực chiêu cảm quả chưa chín mùi của ba cõi tăng trưởng chủng tử nghiệp, bằng cách nhờ sức lôi cuốn chủng tử nghiệp kia trở thành nguyên nhân, cho nên nơi trong ba cõi, nguyên nhân kia trước sau chưa chín mùi liên tục lẫn nhau sanh ra, không chút gián đoạn. Ở đây rút gọn tổng hợp thể chất quả báo mà luận, đây là nghiệp duyên tăng trưởng dẫn đến kết quả, gọi là quả tướng.

Canh 2, Biện minh riêng biệt chủng tử chứa nhóm.

Tân 1, Biện minh nghĩa chứa nhóm.

Nhâm 1, Thiết lập yêu cầu.

Lại nữa, vì sao các tên là chứa nhóm? Chứa nhóm có thể giải thích kỹ càng, vì sao là chỗ giải thích kỹ càng?

Lại nữa, vì sao các pháp vì sao các nghĩa gọi là chứa nhóm? Lại tên chứa nhóm đã giải thích kỹ càng, vì sao dùng nghĩa của chỗ đã giải thích kỹ càng?

Nhâm 2, Giải thích nghĩa.

Quý 1, Giải thích pháp.

Nghĩa là căn cứ nơi các pháp đầy đủ sanh đầy đủ diệt kia, trong đó có thể sanh tánh của nhân kia, nghĩa là chỗ đã giải thích kỹ càng. Chỗ của nghĩa đã giải thích kỹ càng, nó có hai chữ chứa nhóm đã chưa kịp giải thích. Nếu căn cứ nơi văn của Thành Duy Thức Luận, công năng và chỗ của pháp chứa nhóm, gọi cho đủ có bốn nghĩa, mới thành chứa nhóm. Nghĩa thứ nhất là căn cứ nơi pháp chứa nhóm kia, cùng với pháp để chứa nhóm đầy đủ sanh đầy đủ diệt. Nghĩa thứ hai là pháp chứa nhóm nơi đây cùng với pháp để chứa nhóm, chỗ có tập khí để có năng lực phát sanh những pháp có năng lực chứa nhóm của vị lai. Nghĩa thứ ba là đây tức là tánh của nhân duyên ở trên, cho nên đây cũng đúng là nghĩa của pháp. Nghĩa thứ tư là đây cũng gọi là tên chứa nhóm của bản chất đã được giải thích kỹ càng.

Quý 2, Dẫn Dụ

Tý 1, Dẫn ngoài đời để thành dụ.

Như trong cây cự thặng có hoa chứa nhóm, cây cự thặng cùng hoa đầy đủ sanh đầy đủ diệt, là các cây cự thặng mang năng lực sanh nhân hương của nó để sanh.

Như người đời tạo ra dầu trong cây cự thặng, hoa của cây cự thặng chứa nhóm mùi hương, cây cự thặng là chỗ chứa nhóm, hoa là năng lực chứa nhóm, nắm lấy hai pháp năng lực và chỗ chứa nhóm hòa hợp thành một chỗ, đem ngâm nước nấu nát như sau đó đè ép làm thành dầu. Do hai pháp kia, sát na sát na đầy đủ sanh đầy đủ diệt, là các cây cự thặng trong đó, lại mang có nhân năng lực sanh của hoa hương kia, mà sanh hương của nó. Trong cây cự thặng đây nhân của năng lực sanh hoa hương, lại là hạt giống do chứa nhóm kết thành, có thể sanh ra quả của nơi hương từ hạt giống. Đây là một phần tương tự làm thí dụ. Nếu căn cứ nơi bốn nghĩa của pháp công năng chứa nhóm và chỗ để chứa nhóm dự tính đơn giản đó, thì ngoại trừ Thức thứ tám làm chỗ chứa nhóm, bảy Thức trước tánh thiện không thiện và các tâm sở làm công năng chứa nhóm, ngoại trừ đây đều không phải như vậy. Lại nữa, bảy Thức trước chứa nhóm để thành lập chủng tử, còn pháp của công năng sanh và công năng chứa nhóm kia, là mùi hương trong cự thặng của pháp trên, không thể lại sanh các hoa, không phải nghĩa chứa nhóm chân thật của nó, nên biết vậy.

Tý 2, Dẫn dụ chứa nhóm ô nhiễm.

Lại như chỗ thành lập hành động tham trước vân vân, tham trước vân vân chứa nhóm, căn cứ nơi tham trước vân vân kia đầy đủ sanh đầy đủ diệt, tâm đây mang theo nhân của sanh kia để sanh.

Như trong giáo lý hóa độ của Tiểu Thừa quán điểm cốt yếu của hữu tình, có chỗ thành lập hành động tham trước, hành động sân hận vân vân --- nghĩa là giả lập đại danh từ năm uẩn hòa hợp của hữu tình --- thành lập tên nhân duyên đây vân vân, tức là nhân của tâm tham lam rừng rực của hữu tình, khi tham lam của hữu tình phát khởi, hành động đây do tham lam chứa nhóm làm nhân --- căn cứ nơi chữ --- cùng tham lam kia, mỗi mỗi sát na đây đủ sanh đây đủ diệt, do hành động đây tâm mang theo tham lam trong sát na trước kia thành năng lực sanh ra nhân của tham lam sau này để sanh, cho nên tham lam sanh saumanh hơn tham lam ban đầu, về sau nữa tham lam tăng lên, nên gọi tham hành. Sân cũng vậy. Nhưng trong đây năng lực chứa nhóm tức là tham lam, chỗ chứa nhóm làm thế nào? Theo câu văn chính là vô minh, nên nay rút gọn hành động của ngũ uẩn (*Ngũ uẩn gồm có, sắc, thọ, tưởng, hành, thức*) làm luận; dường như Tiểu Thừa kia không biết Thức thứ tám, nên không định chính xác chỗ pháp chứa nhóm vậy.

Tý 3, Dẫn dụ chứa nhóm thanh tịnh.

Hoặc nghe nhiều, nghe nhiều chứa nhóm, căn cứ nơi nghe tác ý đây đủ sanh đây đủ diệt, tâm đây mang theo nhân nghe kia đã ghi để sanh. Do nhân nghe đây chứa nhóm năng lực tóm thâu bảo trì, nên gọi là trì pháp.

Hoặc có pháp bảo trì tên nghe nhiều của hữu tình. Nguyên nhân hữu tình kia nghe pháp nhiều lần, vì pháp nghe nhiều lần nên được chứa nhóm. Nguyên nhân nghe pháp đây tâm tác ý cùng hành động mỗi niệm đủ sanh đủ diệt, hành động đây niệm nhớ nghe pháp lần thứ hai khi sanh tâm tác ý, lại có mang theo tâm niệm trước kia được ghi nhớ làm nhân để sanh khởi. Do đây nghe pháp nhiều lần

được chứa nhóm và năng lực tóm thâu bảo trì pháp đã nghe, gọi là trì pháp. Dụ đây cũng giống như trên, người rút gọn để làm chỗ chứa nhóm pháp.

Quý 3, Kết thành.

Thức A Lại Da chứa nhóm đạo lý, nên biết cũng như thế. Nghĩa chứa nhóm đã làm sáng tỏ ở trên, Thức A Lại Da thứ tám cùng đạo lý chứa nhóm của pháp đã có do công năng chứa nhóm, nên biết cũng như thế.

Tân 2, Chứng tử nhất định khác nhau.

Nhâm 1, Yêu cầu nên hỏi.

Lại nữa, trong Thức A Lại Da, các pháp chứng tử phẩm chất tạp nhiễm, là chỗ riêng biệt khác nhau như thế nào? Là không riêng biệt khác nhau như thế nào?

Lại nữa, trong Thức A Lại Da chỗ có các chứng tử vân vân, của loại pháp phẩm chất tạp nhiễm do công năng sanh ra, vì chỗ riêng biệt khác nhau để trụ như thế nào? Vì không riêng biệt khác nhau để trụ như thế nào? Nếu có riêng biệt khác nhau mà trụ, thì thành nhất định khác nhau, lại có phần lượng và phần tánh cũng đều riêng biệt. Như thế cho phép không ghi, vì tướng thứ tám. Nếu riêng biệt sai khác mà trụ thì thành nhất định. Như thế nào năng lực sanh các pháp phẩm chất tạp nhiễm? Như thế nào năng lực sanh các pháp phẩm chất không tạp nhiễm? Nên đầy đủ có lỗi. Trong câu hỏi đây chưa chứng minh chứng tử là công năng riêng biệt sai khác của Thức thứ tám, nhận lầm như sắc pháp có 11 đồ vật có thật làm chứng tử vậy. Chỉ rút gọn hỏi các

chúng tử là khác hay là không khác? Văn trả lời cũng thông qua sáng tỏ chúng tử Thức đều không khác.

Nhâm 2, Trả lời bằng giải thích.

Không phải chúng tử kia đồ vật có thật riêng biệt an trụ nơi trong Thức thứ tám đây và cũng không phải không khác. Như thế Thức A Lại Da đúng là kẻ sanh ra, có khả năng sanh ra, nhưng công năng kia dường như sai biệt, gọi là Thức Nhất Thiết Chúng.

Không phải một không phải khác, không phải pháp chúng tử phẩm chất tạp nhiễm, ngoại trừ Thức thứ tám riêng có tự thể làm một thứ đồ vật có thật, nơi đây Thức A Lại Da an trụ. Tự thể đã không phải đồ vật có thật, không phải riêng biệt khác nhau. Như thế năng lực đây sai biệt cũng không phải không khác, năng lực sanh ra các loại pháp tạp nhiễm vân vân, đều sai biệt không giống nhau. Lại nữa các loại pháp không phải đồ vật có thật ở nơi Thức A Lại Da, nên cùng Thức không phải khác. Mà chúng tử đây có khi chứa trị đoạn trừ, còn Thức kia thì không như thế, nên cùng Thức cũng không phải không khác. Đây chính trả lời không phải một thứ khác. Như thế A Lại Da cho đến tất cả chúng tử Thức đây đều hiển bày chánh lý. Đã không phải một thứ khác, lý của nó như thế nào? Nghĩa là Thức A Lại Da như là khi liên tục lẫn nhau hiện hành sanh khởi, pháp cũng như thế cũng có năng lực sanh ra công năng sai khác của các pháp trong đó chứa phẩm chất tạp nhiễm, tức là công năng sai khác đây tên là Nhất Thiết Chúng Tử. Chúng tử là công năng sai khác của Thức A Lại Da, nên Thức A Lại Da cũng có tên là Nhất Thiết Chúng Thức. Không phải có thể thiết lập một thứ Thức khác, hơn nữa lại nói một thứ khác sao?

Tân 3, Lẫn nhau làm nhân quả.

Nhâm 1, Yêu cầu nên hỏi.

Lại nữa, Thức A Lại Da cùng các pháp tạp nhiễm kia, cùng lúc lại làm nhân lẫn nhau, làm sao có thể thấy?

Dưới đây xác minh pháp có thể chứa nhóm, thời gian cùng một lúc có thể làm nhân quả lẫn nhau. Nhân quả cùng một lúc, vốn là Tiểu Thừa chỗ không cùng hứa hẹn, hướng chi nói đến lẫn nhau làm nhân quả? Muốn rõ nghĩa này, ngoài ra nên thiết lập câu hỏi. Hỏi rằng: Đại Thừa các ông Thức A Lại Da pháp chỗ chứa nhóm cùng với các pháp tạp nhiễm có thể chứa nhóm, thời gian cùng một lúc lại làm nhân lẫn nhau và cũng làm quả lẫn nhau. Đây đạo lý làm nhân quả lẫn nhau, làm thế nào có thể thấy được?

Nhâm 2, Giải thích để trả lời.

Quý 1, Dẫn thí dụ.

Tý 1, Dẫn dụ đốt ngọn lửa.

Dụ như đèn sáng, đốt đèn liền cháy, cùng một lúc lẫn nhau cháy sáng. Dụ như đốt đèn cháy sáng, công năng sanh ra ngọn lửa, tức là nguyên nhân để sanh ra ngọn lửa. Như Thức A Lại Da chỗ tàng trữ chủng tử, có công năng sanh khởi các pháp hiện hành làm nhân duyên để sanh ra. Nhưng khi sanh ngọn lửa, lửa có thể đốt cháy, tức là nhân đốt cháy của ngọn đèn. Như các pháp tạp nhiễm cùng một lúc có thể chứa nhóm thành chủng tử trong Thức A Lại Da, để làm nhân chứa nhóm. Như thế lửa đèn vốn không phải nhân duyên, giả chọn lấy hình tướng để làm thí dụ vậy.

Tý 2, Dẫn dụ bó cột lau sậy lại.

Lại như bó cột lau sậy, nương tựa lẫn nhau để duy trì, cùng một lúc không ngã. Đem ba cành cỏ lau sậy, bó cột lại làm một bó, nương tựa lẫn nhau không ngã. Nương tựa không ngã của ba cành cỏ lau sậy, chính là cùng một lúc cần phải nương tựa lẫn nhau, không phải sức của một cây lau sậy có thể đứng một mình được. Cùng một lúc của năng lực chứa nhóm cũng như thế. Cũng thế Thức A Lại Da của chỗ chứa nhóm, thì thường một loại lẫn nhau hiện hành, vì trên các hữu vi là pháp nương tựa, còn trên các pháp hữu vi thì không phải nơi đây là chỗ nương tựa, nên cũng chọn phần nhỏ làm thí dụ. Như thế dụ đây cũng cùng lúc nương bảo trì để đặng nương lẫn nhau không ngã làm nhân quả vậy.

Quý 2, Hợp pháp.

Nên xem trong đây lại lẫn nhau làm nhân, đạo lý đây cũng như thế. Như Thức A Lại Da là nhân các pháp tạp nhiễm, các pháp tạp nhiễm cũng là nhân của Thức A Lại Da. Đây chính là an lập nhân duyên như thế, chỗ trên nhân duyên không thể có được ở đâu.

Như trên dụ nhân quả cùng lúc, nên xem xét Thức A Lại Da đây cùng các pháp phẩm chất tạp nhiễm, lại lẫn nhau làm đạo lý nhân quả, cũng như thế. Nghĩa là như chỗ chứa nhóm chủng tử của Thức A Lại Da, làm nhân sanh khởi các pháp tạp nhiễm; cùng lúc, các pháp tạp nhiễm do năng lực chứa nhóm, cũng là nhân của chủng tử nơi Thức A Lại Da. Lại nữa trên đây các pháp đã làm nhân của Thức A Lại Da, thứ đến cùng lúc chủng tử của Thức A Lại Da cũng là quả của các pháp tạp nhiễm. Làm nhân quả lẫn nhau, đạo lý đây như thế. Đây

chính là như thế không thể thay đổi được, đơn giản trên chỗ thiết lập nghiệp cảm duyên khởi vân vân, đều chính là duyên tăng lên, hoặc duyên để duyên, giả lập tên của nhân duyên, không phải nhân duyên thật trong bốn duyên. Đây chính là đạo lý như thế và cũng là an lập nhân duyên chân chánh.

Lại nữa trong luận chủng tử sanh hiện hành sẽ triển vọng là nhân duyên gì? Có bốn câu dự tính đơn giản nên biết: (1) Chủng tử sanh hiện hành làm nhân duyên, tức là trong đây nói rõ chủng tử của Thức A Lại Da là các pháp sanh hiện hành. (2) Hiện hành là nhân duyên sanh chủng tử, thì trong đây nói rõ các pháp tạp nhiễm chứa nhóm thành chủng tử. (3) Chủng tử làm nhân duyên sanh chủng tử, nghĩa là pháp từ năng lực chứa nhóm trước đến chứa nhóm sau khi chưa khởi hiện hành, nơi trong thời gian khoảng giữa chỗ có tập khí nơi trong Thức A Lại Da sát na sanh diệt, trước triển vọng sau tự loại liên tục lẫn nhau phát sanh hiện hành trở thành hoa trái. Lại nữa từ vô thủy vốn có chủng tử vô lậu, nơi trước khi chưa vào kiến đạo, cũng chuyển đi trong Thức A Lại Da sát na sanh diệt như thế. Bản luận chưa có văn nào hiển bày đây rõ ràng. (4) Hiện sanh hiện không phải nhân duyên, như niệm trước hiện hành tâm pháp triển vọng niệm sau hiện hành tâm và tâm sở pháp, thì thành duyên không gián đoạn; nếu sắc tâm làm cảnh, thì triển vọng tâm của năng lực duyên làm duyên cho chỗ để duyên. Ngoài ra, ba duyên trên để riêng, nếu thuận nếu nghịch, nếu chủng tử nếu hiện hành, ka và đây triển vọng lẫn nhau đều là duyên tăng lên vậy.

Tân 4, Chủng tử hiện hành ẩn hiện.

Nhâm 1, Yêu cầu nên hỏi.

Vì sao chứa nhóm không khác không tạp nhiễm, mà năng lực cùng các pháp kia có khác có tạp nhiễm làm nhân? Dưới đây trình bày rõ hiện và ẩn, nghĩa là chủng tử không sai biệt gọi là ẩn núp, hiện hành có sai biệt gọi hiển bày. Các pháp do năng lực chứa nhóm, nơi chỗ chứa nhóm trên Thức A Lại Da, khi chứa nhóm thành chủng tử, tánh chủng loại không khác biệt, hành tướng tạp nhiễm không gián đoạn, và đến các pháp sanh khởi, thể tánh của nó đã có khác biệt, hành tướng tạp nhiễm cũng có gián đoạn. Nhân tạp nhiễm không khác, quả tạp nhiễm cũng phải như thế. Quả tạp nhiễm có khác, nhân cũng phải như thế. Trong đây chủng tử tạp nhiễm không khác, chủng tử có lý do gì, mà cùng pháp tạp nhiễm hiện hành kia có khác làm nhân?

Nhâm 2, Giải thích để trả lời.

Quý 1, Dẫn dụ.

Như các con chim khi đầy đủ cánh tìm chỗ để chúng nương tựa, đương lúc chim đậu, tuy chưa có tạp nhiễm nào khác của người mang đồ ô nhiễm, trao đổi từng người khiến cho hiện tượng chim bay.

Nghĩa là như trong thế gian chỗ nương tựa của con người bị ô nhiễm giống như đoàn chim kia chỗ ở bị ô nhiễm. Như trên dùng các đoàn chim đây đủ thí dụ --- Nghĩa là chỗ dùng cơ khí và chỗ lưu lại tài liệu làm ô nhiễm chỗ ở của con người, cũng giống như bày chim kia chỗ ở bị ô nhiễm. Đương khi đoàn chim kết thành chỗ nương tựa, tuy chưa có tạp nhiễm sai biệt khác nhau, như thế sau khi người mang đồ vật ô nhiễm làm ô nhiễm chỗ ở, trên chỗ nương tựa của chúng nó lại có tạp nhiễm sai biệt khác nhau, không phải một phẩm loại, nghĩa là ô nhiễm thành một màu, thời gian trao đổi tạp nhiễm từng người, vẽ lên hiện tượng sai biệt khác nhau không phải một. Trong đây loài chim

đây đủ có nhiều chủng loại, tạp nhiễm khác nhau, không phải một loại, dụ cho có thể nói lên chứa nhóm pháp tạp nhiễm. Đoàn chim thành chỗ nương tựa nơi trước khi chứa người vào làm ô nhiễm, dụ cho chứa nhóm thành chủng tử không có tạp nhiễm sai biệt. Sau khi tạp nhiễm trao đổi từng người, về lên các hiện tượng chủng loại không giống nhau, dụ cho các pháp của chủng tử sanh khởi có thời gian tạp nhiễm sai biệt khác nhau. Dường như chỗ nương tựa sau khi bị ô nhiễm không giống nhau, nguyên nhân khi đoàn chim đã bị tác dụng sai biệt do trong chúng tài liệu tạp nhiễm làm lẫn lộn, nên nơi khi đoàn chim tuy một màu sắc và sau khi xuất hiện, liền thành tướng tạp nhiễm khác biệt vân vân. Các pháp cũng như thế, nhân một khi chứa nhóm đã có tạp khí tạp nhiễm sai biệt trong nó, nên khi chủng tử tuy không tạp nhiễm sai khác, và sau khi khởi hiện hành lại xuất hiện các pháp tạp nhiễm khác nhau.

Quý 2, Hợp Pháp.

Thức A Lại Da lại cũng như thế, là chỗ chứa nhóm của năng lực chứa nhóm các pháp tạp nhiễm khác nhau, nơi khi chứa nhóm tuy chưa có được khả năng tạp nhiễm khác nhau, sau khi quả đã sanh đồ ô nhiễm hiện tiền, lại có các pháp vô lượng phẩm loại tạp nhiễm khác nhau hiển hiện.

Đạo lý của các pháp nơi chủng tử trong Thức A Lại Da khi sanh khởi cũng giống như thế. Chỗ chứa nhóm chủng tử của năng lực chứa nhóm tạp nhiễm khác nhau, nơi khi chứa nhóm tuy chưa từng có thời gian sai biệt khác nhau, tướng của các pháp tạp nhiễm có thể thấy được, khi quả sanh hiện tiền. Như chỗ nương tựa của chúng sanh sau khi có người đã mang đồ ô nhiễm vào, pháp được kết quả hiện hành

lại có tánh sai biệt khác nhau của thời gian tương tạp nhiệm; phẩm loại sai biệt củ vô lượng vô số các pháp có thể được hiển hiện. Trong đây cũng là chọn lấy phần nhỏ làm dụ, không phải chỗ nào đều có thể giống nhau. Chứng minh dụ đây, dường như nhân đây nương tựa nhân duyên khác để sanh khởi chỗ sanh ra các pháp, gọi là Duy Thức Tướng. Phạm phu tuy đề cử thể hết thảy đầy đủ, như thế không phải người sơ địa sau khi chứng chân không được biết hoàn toàn như thật. Pháp tướng đây đã là thâm tế như thế, xót thương phạm phu vô tri, nên chỉ có giả dụ lược rõ phần nhỏ, đều là căn cứ nơi Đại Sĩ Phương Tiện Bi Tâm của Sở Lưu Lộ vậy.

Canh 3, Biệt hiển duyên khởi.

Tân 1, Sáng tỏ hai duyên khởi.

Nhâm 1, Tán thán duyên khởi.

Như thế duyên khởi, nơi trong Đại Thừa rất vi tế thậm thâm!

Nghĩa của nhân duyên sanh khởi, trên tuy nhiều lần nói lại, nói lược mà chưa rõ ràng. Nên nơi đoạn này, đặc biệt hiển bày. Như thế duyên khởi vân vân, xưng dương tán thán vi tế thâm sâu của duyên khởi Đại Thừa. Như thế duyên khởi có hai nghĩa:(1) Chỉ ở trên chỗ nói rõ nhân duyên phát động tán thán. (2) Chỉ dưới chỗ nói rõ hai thứ phát động tán thán. Nơi trong Đại Thừa, hiển bày chỉ thị giáo pháp của Đại Thừa. Rất vi tế đây, nghĩa là Nhị Thừa (*Thanh Văn và Duyên Giác*) tuy có giác huệ nhưng khó biết hoàn toàn tướng của nó. Thậm thâm đây nghĩa là sanh khác lạ vân vân khó trắc nghiệm đo lường lý của nó.

Nhâm 2, Liệt kê tiêu chuẩn

Lại nữa, nếu lược nói có hai duyên khởi: (1) Một là, phân biệt tự tánh duyên khởi. (2) Hai là phân biệt ái không phải ái duyên khởi. Nghĩa là lý duyên khởi sai biệt có nhiều thứ, nay tổng hợp lược nói thì có hai thứ duyên khởi, đây là số tiêu chuẩn.

(a) Phân biệt tự tánh duyên khởi: Tự tánh nghĩa là mỗi mỗi pháp đều có các thể tánh riêng, thể tánh đây có nhiều thứ phân loại sai biệt, gọi là phân biệt tự tánh. Năng lực khiến tánh của nó có phân biệt, trong Thức A Lại Da, thế lực của năng lực sai biệt chủng tử, nên dùng năng lực phân biệt chủng tử trong Thức A Lại Da, làm cho năng lực khiến mỗi mỗi pháp tự tánh khởi phân tích sai biệt của duyên sanh. Là từ tướng tất cả chủng tử của Thức A Lại Da duyên khởi rõ ràng, đây gọi là thân nhân duyên.

(b) Phân biệt ái không phải ái duyên khởi: Ái không phải ái, nghĩa là quả chưa chín mùi có thể khiến quả này có phân tích sai biệt của ái không phải ái, tức là có ái chi duyên khởi trong mười hai nhân duyên. Như căn cứ nơi chi thiện hạnh làm duyên, thì sanh khởi quả chưa chín mùi của khả ái, nếu căn cứ nơi không thiện hạnh làm duyên, thì sanh khởi quả chưa chín mùi của không phải khả ái. Nên có thể khiến quả có ái không phải ái vân vân phân tích sai biệt, tức là có chi ái trong mười hai nhân duyên, đây chính là quả tướng duyên khởi của Thức A Lại Da là duyên tăng trưởng. Trên đây liệt kê tên của 12 duyên khởi, duyên khởi thứ hai là tên chung của ba thừa, nếu căn cứ nơi luận Thành Duy Thức sáng tạo hai đời giải thích, cũng không phải cùng luận kia, đầy đủ như luận giải thích. Đầu tiên một là bốn luận tán thán duyên khởi, chỉ có nơi Đại Thừa, không cộng chung hai Thừa kia. Nếu phối hợp tên ba thứ tập nhiễm mà luận, đầu tiên duyên khởi đầy đủ tên, hai thứ tập khí ngã chấp, thứ duyên khởi đây tức là có chi tập khí.

Nhâm 3, Giải thích nghĩa.

Trong đây nương tựa các pháp sanh khởi của Thức A Lại Da, là tên phân biệt tự tánh duyên khởi, vì do năng lực phân biệt các thứ tự tánh làm duyên tự tánh. Lại có 12 chi duyên khởi, là tên ái phân biệt không phải ái duyên khởi, do nơi cõi thiện cõi ác có thể phân biệt ái không phải ái các thứ tự thể làm tánh duyên.

Trong đây, nghĩa là trong hai duyên khởi đây, tức là căn cứ nơi năng lực chủng tử sai biệt trong Thức A Lại Da, tự tánh các pháp phân loại nhân sai biệt sanh khởi đây là tên phân biệt tự tánh duyên khởi, do chủng tử đây có thể phân tích tánh nhân duyên sai biệt của mỗi thứ tự tánh các pháp. Hoặc nói rằng: Năng lực khiến các thứ phân biệt tự tánh các pháp, tức là chủng tử đây làm tánh nhân duyên của các pháp kia. Lại trong đây có, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử, 12 chi duyên khởi. 12 chi đây, biện minh nghĩa của quả ái không phải ái, lược qua như trên đã tường thuật. Luận tự giải thích rằng: do tự có 12 chi, nơi chốn thiện có thể phân biệt khả ái quả chưa chín mùi các thứ tự thể, làm tánh duyên cho nó, nên gọi là phân biệt ái duyên khởi; nơi chốn ác có thể phân biệt không khả ái quả chưa chín mùi các thứ tự thể, làm tánh duyên cho nó, nên gọi là phân biệt không phải ái duyên khởi. Hai loại hiệp nhau lại mà nói, nên gọi là phân biệt ái không phải ái duyên khởi vậy.

Nhâm 4, Hiển mê.

Quý 1, Giải thích pháp.

Nơi trong Thức A Lại Da nếu ngu muội duyên khởi thứ nhất, hoặc có phân biệt tự tánh làm nhân, hoặc có phân biệt túc mạng làm nhân, hoặc có phân biệt tự tại biến hóa làm nhân, hoặc có phân biệt thật ngã làm nhân, hoặc có phân biệt không nhân không duyên. Nếu ngu muội duyên khởi thứ hai, lại có phân biệt ngã làm tác giả, ngã làm thọ giả.

Đầu tiên nói ra chấp tà. Nơi trong Thức A Lại Da, câu văn đây thông qua hai duyên khởi mê lầm. Nếu ngu muội duyên khởi thứ nhất, nghĩa là trong Thức A Lại Da, mê muội năng lực sai biệt làm phân biệt nghĩa của tự tánh duyên khởi, như dưới đây lại có các tính toán khác vậy.

Hoặc có phân biệt tự tánh làm nhân, liệt kê mười tính thứ nhất, tức là số luận sư. Luận sư kia thành lập 25 chân đế, căn bản của luận sư là hai nguyên lý: thứ nhất là tự tánh, thứ hai là thần ngã. Thần ngã là các cá thể hữu tình không giống nhau, còn tự tánh chỉ có một biến khắp tất cả chỗ. Nghĩa là tự tánh có ba đức nào, mừng, lo, ám muội, trước kia tự tánh cùng thần ngã hòa hợp nhau, ba đức chia đều bình đẳng, nên mới thành cùng thần ngã đối diện nhau hai năm. Và cùng thần ngã kết hợp nhau cho đến sau này, nguyên nhân chủ yếu nhu cầu của thần ngã, tự tánh mất ba đức của bình đẳng chia đều nhau, liền đem tự thể biến hiện khắp tất cả pháp, chỉ còn lại 23 chân đế có mặt khắp tất cả vạn hữu trong vũ trụ. Cho là như thế, tính toán nhân của vạn hữu tức là tự tánh, thần ngã chỉ thọ dụng mà thôi, không phải nhân của vạn hữu. Phân biệt, dụ như nói mười kế vọng ngữ. Hoặc có phân biệt đời quá khứ làm nhân, nào là khổ hạnh và mạng sống không chân chánh vân vân, đây là tính toán của ngoại đạo. Tạo đời quá khứ đây, đây là loại tính toán của ngoại đạo cho vạn hữu hiện đời là của quả báo khổ vui, đều là nhân tạo ra của đời quá khứ tạo thành, nếu đem khổ báo đây thọ

nhận đã hết, tự mình liền được giải thoát. Hiện đời tuy thực hành các điều thiện cũng vô ích, nên chỉ có tự gánh lấy chịu khổ mà thôi. Hoặc có phân biệt biến hóa tự tại làm nhân, là tính toán của cõi trời Đại Tự Tại. Tính toán của cõi trời này cho vạn hữu đều do cõi trời Đại Tự Tại tạo thành, hoặc nghĩa là vạn hữu là do trời Đại Tự Tại biến hóa tạo thành. Dĩ nhiên đây cũng như tính toán của Thượng Đế Gia Tô Giáo. Hoặc có phân biệt cho thật ngã làm nhân, đây là tính toán cho có tự ngã thực tại, nghĩa là có tự ngã làm nhân cho vạn hữu. Chỉ trong đây, có tính toán cho thể của nó biến khắp, thể của nó rất vi tế, lớn nhỏ không nhất định, tức uẩn (*Uẩn tức năm uẩn gồm có: sắc, thọ, tưởng, hành, thức*), tạp uẩn không tức là ly khai vân vân, rộng như trong luận Thành Duy Thức nói phá ngã. Tính toán ngã thật đây tức là tính toán tự sanh, tính toán tự tánh vân vân tức là tính toán tha sanh, hoặc chung nhau sanh. Thấy có tự tha chung nhau sanh đây đủ có lỗi, muốn tránh chúng nó có lỗi, tính toán không nhân duyên không tự nhiên sanh. Nghĩa là con quạ thì đen thiên nga thì trắng vân vân, tức là trong văn chương hoặc có phân biệt không nhân không duyên vậy. Năm tính toán trên đây đều là mê nơi lý của duyên khởi thứ nhất.

Nếu có ngu muội duyên khởi thứ hai, nghĩa là nơi trong Thức A Lại Da, phân biệt ái không phải ái quả tướng chưa chín mùi của lý duyên khởi có mê muội, thì nơi trên trong tính toán ngã thật, lại sanh ra ngã làm thọ giả, tác giả, hai tính toán sai biệt vậy. Phân biệt ngã làm tác giả đây, là Thắng Luận Sư tính toán; phân biệt ngã làm thọ giả đây, thông qua Số Luận, Thắng Luận hai sư cùng tính toán. Số Luận chỉ tính toán ngã là thọ giả, thọ dụng tự tánh chỗ 23 chân đế biến hóa; Thắng Luận thông qua tính toán ngã năng lực tác dụng thọ giả; tất cả đều như trong luận Thành Duy Thức rộng giải thích. Tức là tính toán của Tâm Lý Học Tây Dương hiện đại, chú trọng ý chí, cũng

thành lập trong đây cho tinh toán ngã làm tác giả; chú trọng trí thức cảm tình, cũng thành lập trong đây tính toán ngã làm thọ giả. Tuy tên gọi có khác, mà nghĩa của nó tóm lược giống nhau vậy.

Quý 2, Dùng dụ để giải thích.

Thí dụ như có nhiều chúng sanh sĩ phu mù, chưa từng thấy con tượng, lại dùng con tượng để trình bày. Các người mù kia, có người tiếp xúc lỗ mũi con tượng, có người tiếp xúc răng của nó, có người tiếp xúc lỗ tai của nó, có người tiếp xúc chân của nó, có người tiếp xúc đuôi của nó, có tiếp xúc đến sống mũi của nó. Các vị hỏi rằng: con tượng là tượng thế nào? Hoặc có người nói: Con tượng giống như cái cày cái chuôi; hoặc nói: giống như cái chày vờ; hoặc nói: cái sàng để sàng gạo; hoặc nói: cái cối giã gạo; hoặc nói: giống như cây chổi quét nhà; hoặc có người nói: con tượng giống như đá núi.

Hai duyên khởi thâm tế, bọn tâm lý học kia lại chưa từng nghe đến, cho đến dùng ít phần thăm dò yêu cầu, lại tính toán làm cho toàn thể đều là cố dùng chúng sanh người mù nói đến con tượng, dụ sai lầm của chúng nó phát động tính toán. Dụ như có con tượng, đa số chúng sanh người mù, nguyên nhân họ chưa từng thấy qua con tượng là vật như thế nào, lại có kẻ không mù, dùng tên con tượng và hình trạng của nó thông báo chi biết. Người mù kia đã nghe tên, biết là có pháp như thế, nhưng tự chung thân không thể thấy được. Liền dùng tay thăm dò, nguyên nhân thân thể con tượng rất lớn, người thăm dò đều thấu hoạch phần nhỏ của thân thể: Hoặc có người tiếp xúc sống mũi, hoặc có người tiếp xúc cái răng, hoặc có người tiếp xúc lỗ tai, hoặc có người tiếp xúc cái chân, đuôi, nhìn đến sống mũi vân vân. Có các người không mù, thử hỏi người kia nói: Chỗ nhà người thăm dò có thích hợp

không, con tượng vật như thế nào? Các chúng sanh mù kìa lại thường dùng quen thuộc cảm duy trì chỗ hiểu biết, hiển bày hình tượng của con tượng. Khi tiếp xúc răng của nó dài, thì nói con tượng giống như cái đuôi của cái cày, nó tiếp xúc đầu nhọn của cái răng, thì nói con tượng giống như chày vò; tiếp xúc đầy đủ lỗ tai, thì nói giống như sàng để sàng gạo; tiếp xúc cái chân, thì nói giống như cái cối giã gạo; tiếp xúc cái đuôi của nó, nói là giống như cây chổi quét nhà; tiếp xúc sống mũi nói giống như núi đá – Núi đá đây có thể chỉ cho đá xếp đồng của giả sơn. Chỉ dùng một phần nhỏ bao quát cả toàn thể, sao có thể cười vậy!

Quý 3, Hợp lại giải thích.

Nếu không giải thích hoàn toàn hai duyên khởi vô minh sanh mù quáng, lại cũng như thế. Hoặc có tính toán chấp tự tánh làm nhân, hoặc có tính toán chấp đời quá khứ làm nhân, hoặc có tính toán chấp tự tại làm nhân, hoặc có tính toán chấp thật ngã làm nhân, hoặc có tính toán chấp không nhân không duyên; hoặc có tính toán chấp ngã làm tác giả, ngã làm thọ giả. Tự tánh Thức A Lại Da, nhân tánh và quả tánh vân vân, như tự tánh của con tượng không hoàn toàn.

Nếu không biết giải thích hoàn toàn hai duyên khởi đây, thời vô thỉ đến nay, vì vô minh chỗ mê lầm, giống như lại sanh nhân sĩ của người mù. Cũng lại như thế, tức là như chúng sanh mù tính toán thân thể con tượng giống như đuôi của cái cày ruộng vân vân, hợp lại tính toán tự tánh vân vân của ngoại đạo cũng vậy. Hoặc có tính toán chấp tự tánh làm nhân cho đến chấp ngã làm tác giả, chính liệt kê chỗ tính toán của tướng, giống như chỗ nói của người mù cho là đuôi của cái cày ruộng vậy. Một pháp của trong con tượng, tức là dụ hai thứ duyên

khởi, nên trong văn tự nói rằng: Thức A Lại Da cho đến tự tánh của con tượng. Quả tánh vân vân đây, các thủ trong 12 chi cùng các chi liệt kê không khác biệt vậy.

Nhâm 5, Nói lược.

Lại nữa, nếu nói lược: Thức A Lại Da, dùng Thức Dị Thục (*Thức chưa chín mùi*), tất cả chủng tử đều làm tự tánh của nó, năng lực tóm thâu tất cả tự thể tất cả cõi vân vân trong tam giới.

Từ trên đến đây, đã tỏ bày rộng tướng duyên khởi của Thức A Lại Da, chỉ sợ khó hiểu tên cùng nhân quả và phạm vi rộng hẹp của hai tên, nên nay lại dùng tóm lược để chứng minh. Hiển bày Thức A Lại Da đây, tức dùng quả tánh của Thức Dị Thục và nhân tánh của tất cả chủng tử, hợp nhau lại làm tự tánh của chúng. Không phải tự tánh có ngoài hai tánh nhân quả, cũng không phải hai tánh nhân quả có riêng ngoài tự tánh đây. Nói ngược lại, tức là đem một Thức toàn thể làm hai phần tự tánh, phần làm hai tánh nhân quả vậy. Muốn rõ Thức này là tất yếu có, nên nói rằng: Năng lực tóm thâu tất cả tự thể tất cả cõi vân vân trong ba cõi. Ba cõi, nghĩa là cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, thể của ba cõi đây tức là Thức đây, còn lại sắc tâm vân vân đều khi có chỗ gián đoạn. Tất cả tự thể, nghĩa là tất cả hữu tình tự thể đều bị tương tục cũng do Thức này. Tất cả cõi, nghĩa là năm cõi gồm có, trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Đẳng đây, gồm có bốn loại sanh như, thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, thể của chúng cũng đều là Thức A Lại Da này vậy.

Nhâm 6, Tụng nói.

Quý 1, Tụng nói chủng tử.

Trong năm bài tụng đây, ngoài, trong hoàn toàn không rõ ràng, nơi hai đây chỉ có thế tục và thắng nghĩa. Các chủng tử, đương biết có sáu thứ: Sát na diệt, hằng tùy chuyển (*thường xuyên tùy theo chuyển biến*), câu hữu (*Có đủ cả*), quyết định, đãi chúng duyên (*đợi chờ các duyên*), duy năng dẫn tự quả (*chỉ năng lực dẫn đến tự quả*).

Ban đầu 12 chữ, biện minh tướng sai biệt của hai thứ. Bên ngoài, nghĩa là ngoài thân thì có các thứ lương thực lúa mì, bên trong, nghĩa là trong A Lại Da năng lực sai biệt chủng tử các pháp. Không rõ hoàn toàn, nghĩa là tánh vô ký, không thể rõ ràng hữu ký riêng biệt, là ngoài tánh chủng tử. Nơi hai, nghĩa là nội tánh chủng tử, thông nơi thiện và bất thiện rõ ràng hoàn toàn và hai, loại vô ký không rõ ràng hoàn toàn. Chỉ thế tục, nghĩa là pháp ngoài chủng tử, thực không phải chủng tử, chỉ chính do tính toán của hữu tình thế tục trong thế gian, giả lập tên chủng tử. Nơi trong bốn thế tục, là đầu tiên tóm thâu thế tục. Hai là thắng nghĩa thế tục, nghĩa là nội chủng tử thật là có pháp tánh chủng tử, ba là đối trước ngoại chủng tử thì yếu kém nên gọi là thắng, bốn là ngoại chủng tử là giả lập, đây là nghĩa thật, tức là trong bốn thắng nghĩa đây, chỉ có nghĩa ban đầu là thù thắng. Nhưng chủng tử đây nếu đối với chân như thì thắng nghĩa cũng trở thành thế tục. Tức nội chủng tử đây thông cả hai, thế tục và thắng nghĩa, ngoài chủng tử đây ra chỉ là thế tục vậy.

Các chủng tử dẫn đến tự quả, rõ ràng là định nghĩa của chủng tử. Định nghĩa có sáu thứ, nên nói rằng: Các chủng tử, nên biết có sáu thứ: (1) Sát Na Diệt, nghĩa là thể của chủng tử, sát na sát na, mới sanh liền diệt, có công lực thù thắng. Đây là ngăn che các thường trụ, chân như, pháp tánh, các pháp vô vi và thần ngã, không phải ngăn che

chủng tử. Nếu cũng là chủng tử, lại không phải là vô vi thì thành phạm lỗi.(2) Có đủ cả, nghĩa là nhân của chủng tử cùng quả hiện hành, cùng một lúc có đầy đủ hoà hợp, mới gọi là chủng tử, trước đây ngăn che sau đây không phải hiện hành, nó gọi là chủng tử. Ngăn che đây trước sau không cho hiện hành, bản thân nó nếu không có đủ cả các pháp thì không phải chủng tử. (3) Thường xuyên tùy theo chuyển biến đây, nghĩa là công đức cần yếu đòi thời gian dài, một loại liên tục lẫn nhau chuyển biến cho đến khi sanh hiện hành, mới gọi là chủng tử. Ngăn che Thức chuyển biến thì dễ gián đoạn, cùng các pháp chủng tử không tương ưng nhau. Lại trong Thức đây năng lực sai biệt, cho đến sanh khởi lại có đối trị, trong nhân liền gián đoạn, chỉ còn tên tập khí, không phải chủng tử vậy. Nên biết hai chữ, câu văn thông cả trên và dưới, là danh từ của giáo lệnh. Nghĩa là ba nghĩa trên đây và ba nghĩa dưới đây, nên phải biết rõ ràng.(4) Quyết định đây, nghĩa là năng lực tùy theo pháp do năng lực chứa nhóm có tánh sai biệt, quyết định các sai biệt đích thân sanh điều thiện mới là chủng tử. Ngăn che đây, chấp lấy các nhân khác loại sanh ra quả khác loại, hy vọng tướng khác loại chỉ làm nhân dẫn phát tăng lên, không phải đích thân sanh chủng tử. (5) Chờ đợi các duyên đây, nghĩa là năng lực đây không phải độc lập có thể sanh khởi, còn chờ đợi các duyên bên ngoài, vì có chờ đợi, nên không phải tất cả lúc nào đều có thể sanh khởi, đây là nghĩa của chủng tử. Ngăn che tính toán đây tự nhiên là các nhân và đầy đủ các duyên có thể chấp trì, không phải chủng tử. (6) Chỉ năng lực dẫn đến tự quả đây, nghĩa là năng lực đây, chỉ độc lập có thể dẫn tự loại các pháp sắc tâm riêng biệt. Nói ngược lại, tức là chủng tử sắc dẫn sanh sắc pháp, chủng tử tâm dẫn sanh tâm pháp, cho đến trong pháp nếu là sắc nếu là tâm, một chủng tử chỉ dẫn sanh một pháp, mới là chủng tử. Ngăn che ngoại đạo, một nhân dẫn sanh tất cả quả, và còn lại bộ phận tâm pháp lẫn nhau làm các nhân duyên, tính toán không phải chủng

tử. Có đủ cả sáu nghĩa trên đây mới thành chủng tử. Nghĩa thâm tế tinh vi, như Thành Duy Thức Luận giải thích.

Quý 2, Tụng chứa nhóm.

Tý 1, Chính sáng tỏ.

Cương quyết, vô ký, có thể chứa nhóm, cùng năng lực chứa nhóm tương ứng nhau; chỗ chứa nhóm không phải khác đây, là tướng của chứa nhóm.

Trong đây định nghĩa của chứa nhóm, chỉ nói rõ bốn nghĩa của chỗ chứa nhóm, nguyên nhân nói rộng Thức A Lại Da.

Cương quyết đây, là nghĩa thường xuyên an trú, không phải cương quyết bí mật vậy. Nghĩa là Thức đây một loại năng lực tương tục duy trì tập khí, mới gọi là chỗ chứa nhóm. Ngăn che tiếng gió khiến các tánh không trụ của nó, và trước khi Thức chuyển có gián đoạn vân vân, không phải chỗ chứa nhóm vậy. Vô ký đây, nghĩa là tánh của Thức là bình đẳng, không có chỗ trái nghịch, có thể dung nạp tập khí, mới là chỗ chứa nhóm. Ngăn che Phật tánh thứ tám là thiện, không cho tiếp nhận chứa nhóm vậy. Có thể chứa nhóm, nghĩa là tự thể của Thức này thì tự tại, tánh không phải cương quyết bí mật, có thể tiếp nhận chứa nhóm, mới là chỗ chứa nhóm. Ngăn che chân như bình đẳng và pháp tâm sở, không phải chỗ chứa nhóm vậy. Cùng năng lực chứa nhóm tương ứng đây, tương ứng tức là hòa hợp, nghĩa là Thức đây cùng pháp của năng lực chứa nhóm cần cùng lúc cùng chỗ, không tức là không lìa nhau, mới là chỗ chứa nhóm. Ngăn che sát na trước sau và thân khác vân vân, không phải chỗ chứa nhóm vậy. Chỗ chứa nhóm không phải khác đây vậy, khác đây dụ nói ly khai nhau, nghĩa là dùng bốn nghĩa

của nguyên liệu đơn giản là pháp chỗ chứa nhóm có thể dùng đến được, nếu ly khai Thức A Lại Da thì không còn chỗ nào khác có thể thay thế làm chỗ chứa nhóm vậy. Năng lực chứa nhóm có bốn nghĩa, nay lược bỏ khuyết thuật lại:

(1)- Có sanh diệt, nghĩa là pháp đây không phải thường, sanh diệt liền liền, chính là năng lực chứa nhóm. Ngăn che đây không vì các pháp không phải năng lực chứa nhóm. (2) Có công dụng thù thắng, nghĩa là pháp đây có thể lực tăng thạnh, khả năng dẫn dắt tập khí, chính là năng lực chứa nhóm. Đây lần ngăn che tâm của tánh dị thực (*Dị thực là chứa chín mùi*) và vô ký, tâm sở vôn vôn, không phải năng lực chứa nhóm. (3) Có tăng giảm, nghĩa là pháp đây có công dụng thù thắng mà cũng có thể tăng giảm, tóm thâu tập khí thực vật, chính là năng lực chứa nhóm. Đây là ngăn che quả Phật và pháp thiện, không tăng giảm nên không phải năng lực chứa nhóm. (4) Cùng chỗ chứa nhóm hòa hợp mà chuyển, nghĩa là pháp đây cùng chỗ chứa nhóm đồng thời đồng chỗ, không thì không ly khai, chính là năng lực chứa nhóm. Ngăn che thân kia và sát na trước sau. Dùng bốn nghĩa trên đây là kết quả của tư liệu đơn giản, nhưng không phải bảy chuyển Thức của dị thực và tâm sở kia tương ứng, đây mới là năng lực chứa nhóm, pháp còn lại đều không phải. Bốn nghĩa năng lực của chỗ chứa nhóm thì đây đủ, đây là hành tướng của chứa nhóm và đây cũng là nghĩa chứa nhóm, cũng như Thành Duy Thức Luận giải rộng rõ ràng.

Tý 2, Phá chấp. Sáu Thức không tương ứng: ba sai biệt trái nghịch nhau; hai niệm không có đầy đủ; loại liệt kê còn lại thành lỗi.

Các sư Tiểu Thừa thành lập nghĩa chứa nhóm, chỉ tính toán có sáu Thức, không cho phép hai Thức sau, nên đây họ bị phá chấp. Câu sáu Thức không tương ứng, là tổng hợp ra sáu chuyển Thức của họ tính toán, cùng đạo lý của chứa nhóm không tương ứng nhau. Lý do vì sao? Nếu dùng tham vân vân làm năng lực chứa nhóm, tâm vương làm chỗ chứa nhóm, nhưng tâm vương đây khi có gián đoạn, thì phải mất tất cả chủng tử, nên thành có lỗi. Nếu nghĩa là sáu Thức lẫn nhau chứa nhóm, nhưng chỗ căn nương tựa của sáu Thức, chỗ cảnh để duyên, chỗ ý để nương tựa đều khác biệt không giống nhau. Ba chỗ đây đã có sai biệt, thì không đủ để phát khởi, vì không đủ để phát khởi, cùng đạo lý chứa nhóm thành trái nhau vậy. Nếu nói sáu Thức trước niệm trước niệm sau chứa nhóm, nhưng hai niệm không thể có khi đầy đủ điều kiện, khi đã không đủ điều kiện, lại không thể chứa nhóm. Nếu lại nói cầu cứu: Tuy có trước sau và chỗ nương tựa để duyên vân vân của sáu Thức không tương ứng nhau, nhưng loại giống nhau là Thức, dùng loại giống nhau để thành chứa nhóm. Đặc biệt nên phá nói rằng: Nếu dùng đồng loại cố thành chứa nhóm, thì nên liệt kê suy tìm còn lại sáu căn, năm sắc căn trước cùng ý căn thứ sáu đồng loại căn nên, cần phải thành chứa nhóm. Còn lại năm pháp uẩn, đồng loại uẩn nên cần phải có chứa nhóm. Cho đến nói cho rộng là hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, nếu thánh nếu phàm, tất cả các pháp, đồng loại pháp nên cần phải có chứa nhóm. Nếu có thể, lại không phải thánh phàm, nghĩa nhân quả vân vân, trở thành đại tà kiến. Mặc dầu nhà người không có thể! Sao có thể dùng đồng loại liền thành chứa nhóm? Đã có các lỗi như trên, cần phải biết sáu chuyển Thức không có nghĩa chứa nhóm. Nếu có thể Thức thứ tám, thì không có lỗi tối thắng vậy.

Quý 3, Dẫn bài tụng làm nhân.

Ngoài đây, chủng tử bên trong, năng lực sanh ra và hướng dẫn cần phải biết. Chết khô là do năng lực dẫn hết sức sống, tùy ý xoay vần đến khi diệt vong.

Trong câu văn tuy liệt kê hai nhân, sanh nhân như trên đã giải thích rộng và rõ ràng. Sợ chấp trước nên chỉ nói có sanh nhân, cho nên hai nhân nói ra, rõ ràng còn có hướng dẫn nhân vậy. Hướng dẫn nhân, nghĩa là khoảng cách ngăn chận, hy vọng nhân được hướng dẫn đến quả dù có xa cũng không hư hại, không phải khác nhau khi trực tiếp sanh ra từ nhân dẫn đến quả rất gần không xa.

Trong đây ngoài và nội hai loại chủng tử, đều có năng lực sanh và năng lực hướng dẫn đến thành hai quả, không phải chỉ có sanh nhân, cần phải biết điều đó. Sao không liệt kê? Hướng dẫn chủng tử bên ngoài đi đến kết quả vì sợ cách xa sẽ bị hư hoại nhánh cây bị héo cỏ bị khô, và chủng tử bên trong nếu hướng dẫn đi xa sẽ hư hoại và sau khi chết thể chất của quả trở thành tử thi, đây làm chứng. Nếu không có nhân để sanh, như cây lúa sau khi bị hại, tức là không có hạt ngũ cốc, còn cỏ thì trở thành rơm vùn vùn; con người sau khi chết tức là không có tử thi không có hài cốt vùn vùn. Hai thứ đây không tiêu diệt, thì dù cho có chủng tử còn lại nhưng thế lực yếu kém không đủ sức hướng dẫn để được kết thành nhân. Khiến cho tự thể của chủng tử, bị tùy ý xoay vần trong thời gian về sau lần lần diệt tận. Là nên cần phải biết: Hai loại chủng tử ngoài và trong đều có nghĩa của hướng dẫn là giúp nhân đi đến quả không bị hư hại. Quả của hướng dẫn nhân đây có ba nghĩa: (1) Không dừng lại nếu dừng lại tức bị tiêu diệt. (2) Tiêu diệt không còn lại, (3) Không sanh quả mới. Tùy ý xoay vần đến khi diệt vong đây, có thể rút gọn dụ để chứng minh. Nghĩa là như bắn tên, sức của cây cung, hy vọng tên bắn đến đích không khó, đó gọi là sanh

nhân, hy vọng sát na sát na tùy ý xoay vần mũi tên đến chỗ điểm sau khi mũi tên rớt xuống, đó gọi là dẫn nhân. Nghĩa của chủng tử ngoài và trong có thể liệt kê sẽ biết rõ vậy.

Nhâm 7, Phân biệt bài tụng.

Vì hiển bày chủng tử bên trong không phải giống như chủng tử bên ngoài, lại nói hai bài tụng: Chủng tử bên ngoài nếu không chứa nhóm, thì chủng tử bên trong cần phải biết. Nghe các chứa nhóm mà không có nhân để sanh khởi thì không phải đạo lý vậy. Làm, không làm; mất, được, trải qua trở thành trái nhau. Ngoại chủng tử làm duyên cho nội chủng tử, do nương tựa ngoại chủng tử nên mới có chứa nhóm. Đây chính là hai bài tụng riêng biệt nhau, hai thứ bài tụng không giống nhau vậy. Văn tụng nói rằng: Vì hiển bày nội chủng tử là chủng tử thật, không phải như ngoại chủng tử là tên chủng tử giả; lại hiển bày điều kiện nhân quả của nội chủng tử, không phải như không xác định của ngoại chủng tử, cho nên nói hai bài tụng riêng biệt nhau để chứng minh vậy.

Bài tụng thứ nhất nói rõ có chứa nhóm và không chứa nhóm. Hoặc hiển bày nghĩa không nhất định. Nghĩa là ngoại chủng tử thành tựu, chỗ chứa nhóm của nó cần phải biết, hoặc có hoặc không nhất định tiêm nhiễm; như hoa cự đăng rất thơm, có thể nói rằng có chứa nhóm, như phân con bò vân vân, nguyên liệu có chất dinh dưỡng, thì không chứa nhóm. Nội chủng tử thì nhất định tiêm nhiễm do có chứa nhóm -- - bổn luận đồng với nghĩa huân sanh của Duy Thức Luận --- nghĩa không của không chứa nhóm. Hoặc chủng tử vô lậu vân vân, tuy có nguồn gốc, mà quyết định do chứa nhóm để trưởng thành --- rút gọn đây nói đã đầy đủ hai nghĩa --- .Nên cần phải biết rõ, hoặc không

nghĩa chứa nhóm, chỉ là ngoại chủng tử không phải nội chủng tử. Nói ngược lại, tức là nội chủng tử quyết định có chứa nhóm, ngoại chủng tử không có quyết định, đây là khác vậy. Thiết lập câu hỏi rằng: Nội chủng tử vì sao quyết định cần có chứa nhóm? Nếu không trải qua thì như thế nào? Đáp rằng: Đây đủ như tu học pháp vô lậu nghe nói thành huệ, như thế nếu không có chứa nhóm, thì làm sao thành huệ được, thời gian thành huệ của sơ địa phải đạt đến quả trí vô phân biệt, chính là quả Phật vô thượng bồ đề có thể sanh khởi, không phải đạo lý vậy. Không nhân mà có quả, thì cần phải nêu lên nói rõ tức là chỉ chi như lai, La Hán thì sanh khác, Bồ Tát ba vô số đại kiếp tu hành, không thành khổ hạnh thì không có ích sao? Vì thế nội chủng tử quyết định có chứa nhóm, không giống ngoại chủng tử vậy.

Làm không làm cho đến hai câu văn trái nhau, nói rõ nhân quả của ngoại chủng tử có làm mà ngược lại thì mất, không làm mà ngược lại được nghĩa rối loạn; nội chủng tử thì không như thế, nên có khác vậy. Ngoại chủng tử làm mà ngược lại thì mất, như thứ lúa gạo chưa mọc mộng mà ngược lại hư hoại. Lại nữa không làm mà ngược lại thì được, như cỏ kê cỏ đề vân vân. Nội chủng tử nếu giống như ngoại chủng tử, thì cần phải có không tu thiện mà được sanh thiên cho đến thành Phật, hành thiện mà đọa địa ngục, tạo ác mà không thọ quả báo ác, đây là thành phạm lỗi. Thì nên cần phải biết nội chủng tử ngoại chủng tử có phần thành nghĩa trái nhau vậy. Trái nhau, dù như nói không giống nhau vậy.

Ngoại chủng tử cho đến hai câu văn chứa nhóm, nói rõ ngoại chủng tử thật không phải chủng tử, nội chủng tử chung nhau nương tựa nơi chứa nhóm kia mà có vậy. Thiết lập hỏi rằng: Nội chủng tử ngoại chủng tử đã giống nhau thì năng lực tác dụng vân vân đều cần phải

giống nhau, vì sao mà có sai biệt như trên? Đáp rằng: Ngoại chủng tử đích thân chính là duyên thuận tăng lên, giả nói là chủng tử, thật không phải nhân duyên; như nhân căn thật là duyên tăng lên của Nhân Thức, mặc có giả nói là chủng tử Nhân Thức. Cho nên ngoại chủng tử và quả của hưởng dẫn sanh ra, đều vẫn dùng chủng tử tướng chung trong nội tâm của Thức A Lại Da làm nhân duyên trực tiếp. Mặc dù nhân duyên trực tiếp bên trong Thức này, cũng là do khi trước nương nơi chỗ tâm và tâm sở của năng lực chứa nhóm, duyên của thế giới kia là pháp tướng chung của thế giới chứa nhóm mà thành vậy. Cho nên nội chủng tử cũng là nhân duyên của thế giới kia, ngoại chủng tử thật là không phải chủng tử vậy.

Nhâm 8, Duyên thọ.

Lại nữa, còn lại của thế giới kia, Thức chuyển khắp tự thể của tất cả các cõi, cần phải biết nói tên là năng lực thọ dụng. Như trong Biên Phân Biệt Trung Luận, nói Già Đà rằng: [Một là gọi duyên Thức, hai là gọi thọ dụng; trong đây năng lực thọ dụng, phân biệt, suy tính của tâm pháp]. Như thế, hai Thức lại làm duyên lẫn nhau, như trong A Tỳ Đạt Ma Đại Thừa Kinh Luận nói Già Đà rằng: [Các pháp nơi Thức Tạng, Thức nơi pháp cũng như thế, lại lẫn nhau làm quả tánh, cũng thường làm nhân tánh].

Từ trước đến đây, đã rộng xác minh đạo lý duyên khởi, nó còn lại các Thức gọi là thọ dụng, cùng với duyên khởi của Thức đây quan hệ như thế nào? Lại nữa Thức đây còn lại cho đến năng lực thọ dụng, tổng hợp xin đề cử. Thọ đây là Thức, là tên chung của ba Thừa, mặc dầu thông qua Thức thứ bảy, nay chính là luận đến sáu Thức Trước. Các cõi, tức là chỉ cho năm cõi như cõi Thiên vân vân. Tất cả tự thể, tức là

quả dị thực (*Quả chưa chín mùi*) của Thức thứ tám. Nghĩa là Thức này còn lại các Thức chuyển biến, chuyển biến đến khắp ba cõi, năm chthon, bốn loại sanh, tất cả hữu tình tự thể làm năng lực thọ dụng, nên cần phải biết gọi là tên Thức Năng Lực Thọ Dụng vậy. Vì chứng minh tên đây và cùng Thức thứ tám làm nghĩa nhân quả lẫn nhau, dẫn xuống đến hai giáo lượng vậy.

1,- Trong Biên Phân Biệt Luận --- tức là Biện Trung Biên Luận, nghĩa là biện minh như thế nào là nghĩa Trung Đạo, như thế nào là nghĩa Biên Chấp (*chấp một bên, nghĩa là chấp đoạn, chấp thường*). Phân biệt tức là biện minh --- Trung đây là Già Đà. Đệ nhất Thức A Lại Da, thì gọi Thức Nhân Duyên trong bốn duyên. (*Bốn Duyên là: [1] Nhân Duyên [2] Đẳng vô gián duyên [3] Sở duyên duyên [4] Tăng thượng duyên*). Đệ nhị Các Chuyển Thức đang biết tên là Thọ Giả Thức, tức chỉ cho sáu Thức Tâm Vương trước, bên trong nương nơi sáu căn --- tự tánh thọ, ngoại duyên sáu trần --- cảnh giới thọ, nên sáu Thức là Thức của năng lực thọ dụng. Trong nghĩa thọ dụng đây, năng lực thọ dụng, là thọ uẩn (*Thọ uẩn, một trong năm uẩn là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn*) của pháp tâm sở, phân biệt là tưởng uẩn của pháp tâm sở, suy tính kỹ, là hành uẩn của pháp tâm sở; không phải thọ là Thức, chính thọ đây là tâm sở của tương ứng. Bài tụng đây quan trọng ở câu văn thứ hai, chứng minh Thức chuyển gọi là thọ giả.

2.- Vì xác minh trên là căn bản và Thức chuyển là lý do của nhân duyên làm hổ tương nhau, nên dẫn trong kinh A Tỳ Đạt Ma Đại Thừa chỗ nói là Già Đà. Các pháp đây, thông qua Thức chuyển tương ứng tâm sở chỗ có thể duyên tất cả các pháp vân vân. Nơi Thức Tạng (*Thức chứa*), nghĩa là nơi trong Thức A Lại Da tóm thâu tàng trữ

chủng tử của các pháp kia, chính là nghĩa của nhân duyên trực tiếp. Không có bản tánh hướng dẫn du già thì làm sao có nghĩa làm duyên tăng trưởng, bao gồm chứng minh Thức A Lại Da hiện là căn bản làm chỗ nương tựa, gọi là chỗ tóm thâu tàng trữ. Thức nơi các pháp cũng như thế, nghĩa là Thức A Lại Da cũng tóm thâu tàng trữ Thức chuyển ở trước (*Thức chuyển biến là chỉ cho sáu Thức ở trước*) vân vân trong các pháp vậy. Nhân trong Thức này cũng là chủng tử của các pháp kia chứa nhóm mà thành, dùng làm chỗ cho năng lực chủng tử, nên gọi là tóm thâu tàng trữ, cũng chính là nghĩa của chỗ nhân duyên nương tựa. Lại nữa, trong giải thích không tánh, do nghiệp lực thiện ác của Thức chuyển biến trước vân vân, năng lực chứa nhóm dẫn Thức thứ tám, khiến tương lai thọ nhận các thứ quả báo dị thực (*quả báo chứa chín mùi*), cũng gọi là các pháp tóm thâu tàng trữ, cũng là nghĩa duyên tăng trưởng. Mặc dù đều có hai thuyết, chính nghĩa của nó là nhân duyên, không phải duyên tăng trưởng vậy. Lại lẫn nhau làm quả tánh, nghĩa là các pháp trong Thức này chính là chủng tử chỗ sanh ra quả của thể tánh, chủng tử trong Thức này là các pháp quả thể tánh của chỗ chứa nhóm. Cũng thường làm tánh nhân đây, nghĩa là chủng tử làm tánh nhân sanh ra các pháp, các pháp làm tánh nhân chứa nhóm của chủng tử. Lại hai chữ lẫn nhau và một chữ thường, có thể trong hai câu văn thông dụng. Nghĩa là lại lẫn nhau thường làm quả tánh, cũng lại lẫn nhau thường làm nhân tánh. Bài tụng đây, như trong Thành Duy Thức Luận giải nghĩa rộng.

Tân 2, Khai lập tứ duyên.

Nhâm 1, Hỏi ái không phải ái.

Nếu nơi trong duyên khởi thứ nhất, như thế hai Thức lẫn nhau làm duyên. Nơi trong duyên khởi thứ hai, lại là duyên gì?

Đây cũng nương nơi trên nói rõ nguồn gốc văn đây chuyển hai Thức. Trên đây hai duyên khởi, nếu ở phần thứ nhất riêng trong duyên khởi tự tánh, đã nói rõ nguồn gốc hai Thức chuyển lẫn nhau làm nhân duyên, là tóm thâu nhân duyên trong bốn duyên (*Bốn duyên, Nhân duyên, Đẳng vô gián duyên, Sở duyên duyên, Tăng thượng duyên*). Nơi đó phần thứ hai, riêng trong duyên khởi ái không phải ái, như thế nguồn gốc hai Thức chuyển, nơi trong bốn duyên, lại là tóm thâu duyên gì?

Nhâm 2, Trả lời Tăng thượng duyên.

Là Tăng thượng duyên. Là tăng thượng cùng duyên trợ lực vậy. Như nhân vì có vô minh mà phát khởi các hành, vô minh là tăng thượng duyên của các hành. Hành duyên nơi Thức, Thức duyên danh sắc, cũng lại như thế là tăng thượng duyên. Hai Thức là tăng thượng duyên của vọng tưởng, như trên trong bài tụng giải thích lẫn nhau làm nhân quả vậy.

Nhâm 3, Hỏi thọ giả Thức.

Như thế sáu Thức, cơ duyên gì sanh ra?

Như thế sáu Thức chuyển, trừ ngoài nhân duyên, từ bao thứ sanh ra làm trợ duyên?

Nhâm 4, Trả lời ba trợ duyên.

Tăng thượng duyên, sở duyên duyên, đẳng vô gián duyên.

Nghĩa là có ba thứ trợ duyên: bên trong nương nơi sáu căn làm tăng thượng duyên --- là đích thân thuận theo tăng thượng duyên của năng lực sanh ra; bên ngoài duyên sáu trần làm sở duyên duyên; nương nơi tự loại trước sát na khước từ tiêu diệt, Thức mở đường làm đẳng vô gián duyên, nó còn lại là tác ý vân vân, cũng là tóm thâu tăng thượng duyên. Nên trừ ngoài nhân duyên, có ba duyên vậy.

Nhâm 5, Kết thành tứ duyên.

Như thế, ba thứ duyên khởi, nghĩa là cùng sanh tử (*cùng tận sanh tử*), nơi ái không phải ái và năng lực thọ dụng, có đầy đủ bốn duyên.

Như thế, trên đây chỗ nói rõ tự tánh phân biệt và ái không phải ái phân biệt, đồng thời ba thứ duyên khởi của năng lực thọ dụng, tùy theo nó mà tương ứng, có đầy đủ bốn duyên, nghĩa là pháp tâm và tâm sở; còn lại chỉ có hai duyên là tăng thượng duyên và nhân duyên. Luận tự giải thích rằng: nghĩa là tự tánh duyên khởi của cùng tận sanh tử, cùng duyên khởi ái không phải ái và duyên khởi Thức năng lực thọ dụng. Tổng hợp, đầy đủ có bốn duyên. Như thế sắc pháp vân vân, không phải nhất định đầy đủ bốn duyên khởi. Trong bốn duyên khởi đây, chủ yếu là nhân duyên, nên luận đã nói rộng rõ ràng. Tăng thượng duyên gồm cả cần yếu --- thông qua tất cả sanh khởi --- , như thế có thuận nghịch và phân tán xa vân vân. Còn lại hai duyên chỉ phạm vi tâm pháp, nên không giải thích rộng vậy.

Đinh 2, Suy tính kỹ xác minh nó có.

Mậu 1, Tổng hợp suy tính kỹ nó có.

Kỷ 1, Tổng hợp hỏi.

Như thế đã an lập Thức A Lại Da là pháp môn và tướng khác, lại gọi là biết như thế nào, pháp môn khác như thế nào và tướng như thế nào, quyết định chỉ ở Thức A Lại Da, không phải ở Thức chuyển?

Thức A Lại Da, nếu tên nếu tướng, chỉ trên đây tuy trên đây dẫn thánh giáo lượng chứng minh nó quyết định có, nhưng lại căn cứ nơi thứ lý thù thắng nào, có thể thấy nếu tên nếu tướng chỉ giải thích kỹ Thức thứ tám, không phải còn lại Thức chuyển, mà chứng minh Thức thứ tám là quyết định có? Để giải thích nghi này, nên dùng năm nghĩa dưới đây, suy tính kỹ chánh lý để chứng minh quyết định nó có.

Kỷ 2, Tổng hợp trả lời.

Do nếu lìa xa như thế mà an lập Thức A Lại Da, tạp nhiễm và thanh tịnh không được thành tựu: nghĩa là phiền não tạp nhiễm, nếu nghiệp tạp nhiễm, nếu sanh tạp nhiễm đều không thể thành tựu, thế gian thanh tịnh, xuất thế gian thanh tịnh cũng không thể thành tựu.

Do nếu lìa xathì không thể thành tựu, tổng hợp nếu không có Thức thứ tám thì không pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, nên không có lỗi. Nghĩa là phiền não cũng không thành, liệt kê ba tạp nhiễm cũng không thành và tên thanh tịnh cũng không thành vậy. Tạp nhiễm, nghĩa là tạp loạn không thuần nhất, nhiễm ô không phải thanh tịnh. Phiền não, nghĩa là ưu phiền não hại. Phiền não tạp nhiễm, đây có hai loại: (1) Tự tánh nhiễm ô, nghĩa là phiền não căn bản và pháp tùy phiền não tâm sở, tự thể tức là phiền nhiễu não hại. (2) Tương ưng tạp

niêm, nghĩa là cùng phiền não tâm sở chỗ đầy đủ cùng tâm vương đồng phát khởi, tự thể hoặc thiện hoặc vô ký, không phải tánh phiền não, chỉ nhân cùng phiền não tâm sở tương ưng cùng phát khởi đầy đủ, nên cũng thành phiền não tạp nhiễm. Như tự thể tấm gương vốn là sáng sạch, chỉ nhân cùng trần cấu chung nhau bám trụ, nên mất tướng ánh sáng trong sạch của nó. Hai loại đây đều gọi là phiền não tạp nhiễm. Nghiệp tạp nhiễm đây: Nghiệp là các hành nghiệp, nay chỉ chọn tạp nhiễm, kỳ thật là trong hành uẩn pháp tư tâm sở, Dùng tư để tác động phát sanh thân miệng ý, gọi là nghiệp. Đây là nhân của hành nghiệp phát sanh phiền não, nên cũng gọi là tạp nhiễm. Tạp nhiễm phát sanh: nghĩa là nghiệp tạp nhiễm chỗ dẫn cảm quả dị thực (*quả chưa chín mùi*), nên cũng gọi là tạp nhiễm, đích thật là vô ký. Lại nữa tạp nhiễm rút gọn hữu lậu (*còn luân hồi*) làm luận, thì tâm sở hữu lậu hành thiện quả vị thực, đều gọi là tạp nhiễm. Ba tạp nhiễm đây, tức là thường chỉ có chỗ gọi là hoặc, nghiệp, khổ. Thế gian thanh tịnh, nghĩa là thuộc thế gian chỗ tóm thâu pháp thanh tịnh, chỉ sắc giới vô sắc giới các giới luật thiện, thiên định, tạp nhiễm của dục giới ẩn nấp, nên gọi là thanh tịnh. Nói thế gian tóm thâu, biểu hiện pháp hữu lậu. Thanh tịnh biểu hiện tánh thiện. Xuất thế gian thanh tịnh, nghĩa là pháp vô lậu của ba thừa, không phải thế gian tóm thâu. Ba nhiễm hai tịnh là chỗ nền móng nhân quả của phàm thánh, nếu khêu ra nhiễm tịnh đây thì thành đại tà kiến. Đã cho phép có các pháp nhiễm tịnh đây, thì cũng nên cho phép có chỗ nương tựa của nó, chỗ nương tựa của nó nhất định không phải còn lại Thức chuyển, đến dưới đây sẽ giải thích rộng và rõ ràng. Nên biết quyết định Thức A Lại Da có riêng biệt là chỗ nương tựa của các nhiễm tịnh vậy.

Mậu 2, Xác minh riêng biệt nó có.

Kỷ 1, Dùng ba tạp nhiễm xác minh có.

Canh 1, Dùng xác minh phiền não tạp nhiễm.

Tân 1, Yêu cầu.

Vì sao phiền não tạp nhiễm không thành?

Nếu không Thức này thì như thế nào phiền não tạp nhiễm không thành? Nay đương giải thích rộng.

Tân 2, Giải thích.

Nhâm 1, Tổng hợp nói rõ.

Dùng các phiền não và tùy phiền não, chứa nhóm chỗ tác dụng của thể chủng tử kia, nơi bản thân của sáu Thức, lý không tương ứng.

Nếu dùng các tham sân vô minh phiền não căn bản, và phần hận vô minh các tùy phiền não làm pháp năng lực chứa nhóm, dùng bản thân sáu Thức làm chỗ chứa nhóm pháp, thì nghĩa chứa nhóm của nó và chỗ tạo tác chứa nhóm thành thể chủng tử của tham sân vô minh kia, nơi trong bản thân sáu Thức tóm thu tàng trữ, cụ thể không phải đạo lý chính. Dùng bản thân sáu Thức không phải chỗ chứa nhóm bảo trì Thức của chủng tử. Chỗ chứa nhóm có bốn nghĩa như trên đã nói rõ, sáu Thức đã không phải thì tại sao bảo trì chủng tử? Đã không bảo trì chủng tử tham sân vô minh thì hiện tại phiền não cũng không bảo trì, nên nói rằng: Phiền não tạp nhiễm không thành. Phiền não căn bản, nghĩa là phiền não tham sân vô minh, cũng là tất cả phiền não khác đều y chỉ nơi phiền não căn bản cả. Tùy đây có hai nghĩa, một là tùy nơi tánh, tức là thuộc loại tánh sân hận. Hai là tùy nơi thể, tức là nơi phần trước đã giải thích. Tùy nhiễm của tùy phiền não, tùy tăng có hai nghĩa, như trong Câu Xá đã nói rõ. Thân đây, là nghĩa tụ hợp, nghĩa là sáu Thức

mỗi khi phát khởi, tất nhiên có các tâm sở tương ứng cùng nhau phát khởi thành một tụ hợp. Như danh thân, cú thân, văn thân như thế.

Nhâm 2, Biện giải tường tận

Quý 1, Chính đương biện minh phạm vi bản thân sáu Thức.

Tý 1, Biện minh Nhãn Thức.

Sửu 1, Đưa ra mưu tính.

Lý do vì sao? Nếu lập Nhãn Thức tham vân vân thuộc phiền não căn bản và tùy phiền não đều sanh đều diệt, do đây nó chứa nhóm thành chủng tử không phải còn lại.

Dùng dưới đây, tức là biện minh vi tế tinh tường bản thân sáu Thức không thể tiếp nhận chứa nhóm và bảo trì chủng tử, riêng Thức thứ tám mới có nghĩa. Lý do vì sao? Là tưởng nhớ yêu cầu nói lại. Nếu lập Nhãn Thức cho đến thành chủng tử không phải còn lại, tức là tính toán ra ngoài mục chính vậy. Nghĩa là nhà người nếu an lập: Nhãn Thức --- cho là chỗ chứa nhóm pháp cùng với tham ân vân sáu phiền não căn bản và tùy phiền não đều sanh đều diệt, do Nhãn Thức đây và tham vân vân chứa nhóm, liền thành chủng tử tham vân vân, không phải pháp còn lại, Nên trong đó không có Thức thứ tám.

Sửu 2, Phá chấp.

Dần 1, Chánh phá.

Mão 1, Đề cử đã diệt.

Tức là Nhãn Thức đây, nếu đã bị khước từ tiêu diệt, như thế khi chứa nhóm chỗ nương tựa đều không thể được. Theo đây chỉ còn lại

Thức để nghe. Hiện tại Nhãn Thức không có thể chất cùng với tham vân vân kia không thể cùng nhau sanh, cho nên không cần đạo lý, hơn nữa Nhãn Thức quá khứ hiện tại đều không có nghiệp thể chất. cho nên quả di thực không thể sanh và cũng không cần đạo lý.

Tức là Nhãn Thức đây đến khi sanh quả không cần đạo lý, câu văn chia làm ba đoạn:

1/- Minh (*ánh sáng*) không có chứa nhóm, chỗ nương tựa có hai nghĩa: Một là đến đây đều không thể được, nghĩa là Nhãn Thức đây giả sử nếu đã trải qua khước từ bị tiêu diệt; ý niệm thứ hai vì còn lại Nhĩ Thức vân vân khi sanh khởi bị gián đoạn ngăn cách, đương lúc đó không có Nhãn Thức, tham vân vân chưa chắc cũng không. Như thế vì không Nhãn Thức, Nhĩ Thức chứa nhóm cùng chỗ pháp y chỉ chứa nhóm, cả hai đều không thể được. Cả hai đã không, như thế nào có thứ phiền não tạp nhiễm? Vì thế phiền não tạp nhiễm không thành.

2/- Minh, riêng biệt không nghĩa chứa nhóm. Từ đây trở về trước đã bị tiêu diệt cho đến hiện tại không có thể chất, nghĩa là nếu căn cứ từ nơi trước đã tiêu diệt, ý niệm thứ hai lại là còn lại Nhĩ Thức chỗ gián đoạn ngăn cách, còn hiện tại không có Nhãn Thức của tự thể, đầy đủ sanh đầy đủ diệt, cho nên không thành chứa nhóm và cũng không cần đạo lý. Do vì Nhãn Thức quá khứ đã đi qua, hiện tại không có tự thể. Đã không tự thể thì không thể cùng pháp tướng có tự thể chứa nhóm.

3/- Dùng dụ lần nữa hiển bày các nghĩa không chứa nhóm. Như từ quá khứ đến không cần đạo lý nghĩa là năng lực của nghiệp chỉ là một thứ lôi cuốn dẫn dắt di thực tác dụng. Như hạt giống lúa gạo vân vân, chỉ cần phát ra một thứ mầm. Quá khứ hiện không có nghiệp tự thể,

tức là đã dẫn dắt pháp hiện khởi, sau đó bị diệt để nghiệp trở về quá khứ, nghiệp đây không tự thể cũng không tác dụng. Nếu nói người đây có từ đời quá khứ, hiện tại đã không có nghiệp tự thể tác dụng, mà lại có quả dị thực mới dẫn dắt nó phát sanh, như thế không cần đạo lý. Nếu lại có thể dẫn dắt, thì A La Hán và Phật không bỏ dị thực một ngày, cũng cần phải thọ sanh tử khổ não. Cho nên thành lỗi rất lớn! Nhân Thức đã diệt, cũng lại như thế, lại không có thời gian cụ thể chứa nhóm và bảo trì nghĩa của chứa nhóm.

Mão 2, Đề cử tương ưng.

Lại nữa, Nhân Thức đây, tham vân vân đây đủ sanh chỗ có chứa nhóm, cũng không thành tựu. Mặc dầu chứa nhóm đây không trụ nơi tham, do tham nó muốn năng lực nương tựa không trụ vững chắc.

Chứng minh Nhân Thức là năng lực chứa nhóm, tham vân vân là chỗ chứa nhóm, không cần đến lý. Nhân Thức hiện hành, mặc dầu có thể năng lực cùng tham vân vân, cùng nhau sanh khởi, nhưng chỗ có nghĩa chứa nhóm, cũng không đặng thành tựu, nhân vì khi Nhân Thức có thời gian gián đoạn. Hoặc nghĩa là Nhân Thức ở nơi tham vân vân cùng nhau sanh khởi chứa nhóm, cũng không thành tựu, do đây chỗ chứa nhóm thành chủng tử, không đặng trụ nơi trong tâm ,tham vân vân, do tham dục kia vân vân, chỉ là năng lực nương tựa nơi tâm sở pháp, không vì còn lại chỗ nương tựa không phải tự tại. Lại nữa dùng tham vân vân không một loại tương tục (*lẫn nhau liên tục*) thường trụ vững chắc, cũng không phải thọ nhận chứa nhóm và bảo trì pháp chủng tử.

Mão 3, Đề cử còn lại Thức.

Cũng không được trụ trong Thức, dùng các Thức kia chỗ nương tựa riêng biệt, lại không quyết định cùng nhau sanh diệt.

Nếu mưu tính chuyển nói rằng: Tham đây vân vân tương ứng (*đồng ý nhau*) với Nhãn Thức chỗ chứa nhóm thành chủng tử, trụ trong Nhĩ Thức vân vân, nên không có các lỗi như trên. Đây cũng không như thế, Nhãn Thức đây và tham vân vân chứa nhóm, cũng không đặng an trụ nơi chỗ trong năm Thức còn lại Nhĩ Thức. Dùng các Thức còn lại kia và Nhãn Thức đây chỗ nương tựa nơi căn, các Thức mỗi Thức riêng biệt nhau. Đã nương tựa riêng biệt nhau, thì không nhất định quan hệ cùng nhau sanh khởi, không phải như Thức thứ tám là nương tựa chung. Nên còn lại Thức, các Thức khác cũng không được bảo trì chủng tử. Lại nữa, ngoại trừ Thức thứ tám, các Thức còn lại không quyết định cùng nhau sanh cùng nhau diệt, nên cũng thọ nhận chứa nhóm và bảo trì chủng tử.

Mão 4. Đề cử tự thể.

Cũng lại không được trụ trong tự thể, do vì tự thể kia quyết định không có cùng sanh cùng diệt. Thức kia cầu cứu nói: Nhãn Thức chứa nhóm trụ trong Nhãn Thức, tham vân vân chứa nhóm trụ trong tham vân vân, đều tự bảo trì chủng tử, vì tương lai nhân sẽ sanh khởi, cho nên không có các lỗi như trên. Nhãn Thức đây vân vân chứa nhóm, cũng không thể nói đều trụ trong tự thể, Tại sao vậy? Do các pháp kia tự thể chỉ có một pháp không có hai, trong một niệm đúng lý vừa mới có hai Nhãn Thức đều cùng sanh nhưng không cùng diệt, ngược lại nếu là hai pháp thì mới có thể nói có cùng sanh cùng diệt thành nghĩa của chứa nhóm. Đã là một pháp thì cùng ai đủ để chứa nhóm? Nếu cầu

cứu nói: Nhãn Thức cùng tham vân vân cả hai đều chứa nhóm, các chủng tử trở về các pháp tự bảo trì, cho nên không có lỗi. Đây cũng không mặc đầu đều chứa nhóm, không phải tự chịu chứa nhóm, tự bảo trì chủng tử thế nào tự bảo trì? Chịu chứa nhóm và chịu bảo trì chủng tử cả hai trái ngược lẫn nhau.

Dàn 2, Kết phá.

Cho nên Nhãn Thức, cùng chỗ chứa nhóm của tham vân vân phiền não và tùy phiền não, không cần đạo lý. Lại nữa, Nhãn Thức này không phải Thức chỗ chứa nhóm. Như trên các thứ đạo lý thì cần phải biết: Nhãn Thức cùng tham vân vân sáu căn bản phiền não và 20 tùy phiền não hỗ tương nhau làm chỗ chứa nhóm, không cần đạo lý, kết thúc hai phá chấp trước. Lại nữa, Nhãn Thức này không phải Thức chỗ chứa nhóm, nghĩa là Nhãn Thức này ngoài Nhĩ Thức ra vân vân cũng không phải có thể dùng cùng năm Thức trước làm chỗ chứa nhóm, vì chỗ nương tựa của chúng sai biệt nhau, lại nữa không quyết định cùng sanh cùng diệt. Cũng không phải có thể dùng như Nhãn Thức làm chỗ chứa nhóm. Kết thúc hai cách phá chấp sau đây.

Tý 2, Liệt kê xác minh còn lại Thức.

Như nói Nhãn Thức, chỗ còn lại Thức chuyển cũng như thế, cần phải biết. Như trên đã nói tính toán Nhãn Thức chịu chứa nhóm và bảo trì chủng tử, điều đó sai lầm có lỗi, nếu tính toán ngoài Nhãn Thức còn lại Nhĩ Thức, Tỷ, Thiệt, Thân, ý năm Thức chuyển chịu chứa nhóm và bảo trì chủng tử, thì cũng có các lỗi như thế. Nếu chophép riêng có

Thức thứ tám mới chịu chứa nhóm và bảo trì chủng tử, lại là không có lỗi vậy.

Quý 2, Từ trên chỗ sáu Thức chứng minh.

Lại kể đến, từ vô tướng chờ đợi các vị trí trên, không gian đây không có sanh trở lại, thời gian như thế phiền não và tùy phiền não chỗ đầu tiên ô nhiễm Thức, khi Thức đây sanh, cần phải không có chủng tử. Do chỗ nương tựa chỉ và chỗ chứa nhóm kia, đều đã thành quá khứ, hiện tại không có tự thể.

Nếu không có Thức A Lại Da, cõi trên đến cõi dưới khi sanh ra, cõi dưới phiền não cần phải không có nhân để sanh ra, nên phiền não không thành lập. Vô tướng, tức là cõi trời vô tướng, cõi trời đây trong 500 đại kiếp không có sáu Thức. (*Theo Phật Học Từ Điển Đoàn Trung Còn, một Đại Kiếp gồm có: 1.344.000.000 năm, như thế 500 đại kiếp gồm có 500.344.000.000 năm*). Đẳng, tức là Vô Tướng trở lên các vị trí không có Thức, từ Vô Tướng trở xuống các cõi đều có Thức nhiễm tịnh. Nếu không có tức là chết. Không gian đây tức là chỉ cho dục giới. Ở dục giới chỗ Thức đầu tiên nhiễm ô, theo hai loại phiền não kết thành quả để sanh sáu Thức. Nếu không cho phép có Thức thứ tám, ở đây chỉ có sáu Thức; nhưng từ cõi Vô Tướng Thiên vân vân trở xuống, hữu tình của các vị trí thuộc dục giới sau khi chết rồi sanh trở lại, hữu tình đây khi sanh trở lại, tất nhiên cần có phiền não và tùy phiền não chỗ nhiễm ô của ban sơ để sanh ra sáu Thức. Nhưng trong các vị trí của Vô Tướng Thiên, chủng tử sáu Thức đã không bảo trì --- Vô Tướng Thiên hoàn toàn không có sáu Thức, các vị trí cũng không có Thức nhiễm ô ---, Không gian đây chỗ nhiễm ô đầu tiên khi sanh Thức, nhưng lại không cần sanh nhân, không sanh chủng tử. Lý do tại

sao biết không sanh? Do hạ giới nhiễm ô chứa nhóm thành chủng tử, vì hạ giới chỗ nương tựa của sáu Thức, nhưng nơi trong Vô Tướng Thiên vân vân đã không sáu Thức, chỗ y chỉ cũng không, chỗ chứa nhóm cũng mất. Đồng thời quá khứ đã diệt không có pháp, diệt tại đều không thể chất, cho nên năng lực chỗ nương tựa của chủng tử, chỗ chứa nhóm để thành chủng tử, tất cả cũng đều không, cho nên chỗ này trở thành có lỗi. Nếu cho phép có Thức thứ tám bảo trì chủng tử để sau này sanh ra, lại chỗ này không tai họa.

PHẦN III.- NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN SƠ PHẦN GIẢNG NGHĨA.

Quý 3, Xác minh từ ngôi vị Thánh chuyển Thức.

Tý 1, Xác minh hiện tại chủng tử cần phải không chỗ nương tựa.

Thứ đến, có đốt trị phiền não, nếu Thức đã sanh, tất cả thế gian còn lại Thức cũng đã diệt, thì như thế nếu ly khai Thức A Lại Da, chỗ còn lại là chủng tử của phiền não và tùy phiền não, tại đây nếu đối trị những gì trong Thức thì không cần đạo lý. Nếu đối trị Thức đây, tự tánh giải thoát, cùng còn lại phiền não và tùy phiền não đều không bị sanh diệt.

Dưới đây đầu tiên người ngôi vị thánh nương tựa ba thừa, chỗ có tịnh trí là từ Thức chuyển tương ứng, sáng suốt không phải bảo trì những thứ nhiễm ô. Thức đối trị phiền não, phiền não là chỗ đối trị chướng, năng lực là con đường đối trị. Đây nói rõ chính là năng lực đối trị, tức là ngôi vị kiến đạo của ba Thừa, là ngôi vị của trí không phân biệt tương ứng Thức thanh tịnh. Tất cả thế gian còn lại Thức đã bị diệt,

nghĩa là thế gian tóm thâu chỗ Thức còn lại ngoại trừ Thức A Lại Da, đều đã tàn tạ tiêu diệt, đây là rút gọn mà luận sáu Thức chuyển. Nếu thông suốt Thức thứ bảy, Thức thứ bảy cũng bị chuyển, thì một phần ô nhiễm cũng bị diệt. Lại có Đại Thừa sanh không, sai biệt nhị không (*Nhị không là ngã không pháp không*), đây không nói rõ. Chỗ còn lại là chủng tử của phiền não và tùy phiền não, tức là ngoại trừ ba Thừa kiến đạo chỗ đoạn trừ phân biệt phiền não và tùy phiền não hiện hành, và câu sanh phiền não (*câu sanh nghĩa là cùng sanh một lược với chúng sanh hữu tình*) và tùy phiền não hiện hành, đây --- trong ngôi vị không nhiễm pháp hiện hành --- chỗ còn lại chủng tử câu sanh phiền não và tùy phiền não, chủng tử đây nhất định cần phải có, trong ngôi vị tu đạo mới phát khởi hiện hành. Thứ chủng tử đây nếu cũng đoạn diệt, sơ quả cần phải đồng La Hán mới đoạn diệt, sơ địa cần phải đến bậc Như Lai mới đoạn diệt, nếu không lại thành đại lỗi.

Lại nữa, năng lực đối trị phiền não cần phải tịnh Thức mới có thể sanh khởi đối trị, ngoại trừ Thức A Lại Da, chỗ còn lại thế gian tóm thâu tất cả Thức chuyển liền tàn tạ hoại diệt, tánh tướng trái nhau dụ như minh cảnh. Đương khi thấy đạo không Thức ô nhiễm đây, nếu không cho phép có Thức A Lại Da của tánh vô ký, thì chỗ còn lại là chủng tử của câu sanh phiền não và tùy phiền não, cũng cần phải đoạn diệt, không chỗ nương tựa. Nếu chuyển Thức nghĩa là liền ở trong Thức dùng năng lực đối trị, cũng không cần đạo lý, tại sao thế? (1) Nguyên nhân đây tự tánh của Thức là năng lực đối trị, là pháp rất thanh tịnh giải thoát, làm sao có thể bao dung nó? (2) Thức năng lực đối trị đây là pháp thanh tịnh, ngoại trừ phiền não và tùy phiền não kia là pháp ô nhiễm, nhất định không thể cùng sanh cùng diệt. Nếu không cho phép có Thức thứ tám bảo trì chủng tử, thì lại có lỗi.

Tý 2, Xác minh sau bị ô nhiễm không nên cho sanh.

Lại nữa, nơi sau khi Thức sanh thế gian, như thế lúc bấy giờ nếu ly khai Thức A Lại Da, thì các thứ chứa nhóm và chỗ y chỉ, đã lâu trở thành quá khứ hiện không có thể chất, nên không có chủng tử mà lại làm sao sanh được.

Lúc sau, tức là ngôi vị tu đạo, nghĩa là sau khi lúc tu đạo lại xuất hiện kiến đạo, Thức sanh của thế gian tóm thâu, chỗ còn lại chủng tử phiền não và tùy phiền não sanh khởi. Phải như thế, trong khi kiến đạo, nếu ly khai Thức A Lại Da, thì người tu kia khi thấy đạo chỗ có các thứ chứa nhóm và Thức ô nhiễm của chỗ y chỉ chứa nhóm, thì người thấy đạo đầu tiên đó liền bị diệt mất, để lâu đã trở thành quá khứ không còn pháp của tự thể hiện tiền nữa. Những thứ chứa nhóm đây và chỗ y chỉ lại trở thành không còn, thì làm sao những thứ đó có trở lại được? Cho nên nếu cho Thức sanh thế gian đây và sanh pháp ô nhiễm, mà không cần chủng tử, không cần nhân duyên, quan niệm đó là ngoại đạo. Nếu cho phép riêng có Thức thứ tám, thì không có lỗi.

Tân 3, Kết luận.

Cho nên nếu ly khai Thức A Lại Da, phiền não tạp nhiễm, đều không thể thành lập. Từ đây trở lên, cõi đang chịu trách nhiệm, cõi trên, kiến thức bậc thánh, ba thứ trên đây chánh lý làm chứng, vì thế cần phải biết nếu ly khai Thức A Lại Da thì phiền não tạp nhiễm đều không được thành lập, cho nên nhất định phải có Thức này.

Canh 2, Chọn nghiệp tạp nhiễm làm chứng.

Tân 1, Yêu cầu.

Tại sao là nghiệp tạp nhiễm không thành lập?

Từ đây trở lên phiền não tạp nhiễm không thành lập đã biết. Lý do vì sao có thể biết nghiệp tạp nhiễm không thành lập?

Tân 2, Trả lời.

Hành làm duyên cho Thức nên không tương ứng. Nếu không đây, thủ làm duyên cho hữu, cũng không tương ứng.

Nghiệp, tức là phước vân vân (*Phước nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp*) ba hành (*ba hành là, thân thành, khẩu hành, ý hành*), nếu không cho phép có Thức A Lại Da, thì trong 12 chi, Hành là nguyên lý của Thức duyên sanh cũng không tương ứng. Tại sao thế? Sáu Thức chuyển nơi khi kết sanh thì không có mặt, kể đến sanh khởi tên Danh Sắc, nên không phải Thức đây. Ý ô nhiễm cũng có mặt ở trong không có diệt, nên không phân biệt là pháp của Thức đây, lại làm sao có thể cho duyên của Danh Sắc? Hỏi rằng: Nếu không có Duyên đây có lỗi như thế nào? Đáp rằng: Nếu không có Duyên đây, thì chi Thủ làm duyên khởi cho chi Hữu, cũng không tương ứng. Tại sao thế? Dùng Thức vân vân thứ làm cho Ái Thủ vân vân tươi nhận sau đó Hữu sanh năng lực, gọi là Hữu chi, Thức vân vân chưa tươi nhuận còn là ở trạng thái không, lại làm sao có thể có tươi nhuận? Hữu và Thủ đã mất, Nghiệp nương tựa vào đâu để thành lập? Đây cho là lý, nếu ly khai Thức A Lại Da, Nghiệp tạp nhiễm cũng không được thành lập.

Canh 3, Chọn sanh tạp nhiễm để xác minh.

Tân 1, Yêu cầu.

Thế nào là sanh tạp nhiễm không thành lập? Lý của hai tạp nhiễm không thành lập ở trên đã xác minh, nó sanh tạp nhiễm như thế nào cũng không thành lập?

Tân 2, Giải thích.

Nhâm 1, Từ khi sanh xác minh Thức.

Quý 1, Tổng hợp trả lời.

Kết hợp khi tương tục không tương ứng. Nếu không Thức A Lại Da, thì kết hợp thọ sanh lý tương tục, cũng không tương ứng, vì không tương ứng đây, lại không thể kết hợp để thọ sanh, nên sanh tạp nhiễm không được thành.

Quý 2, Giải thích riêng biệt.

Tý 1, Xác minh dục giới sanh không thành.

Sửu 1, Hòa hợp Thức không thành.

Dần 1, Chỉ thị kết hợp sanh tương.

Ở nơi đây không phải chờ đợi dẫn dắt khi đã sanh, trong chỗ nương tựa có vị trí của Ý để sanh khởi Ý Thức ô nhiễm, kết sanh tương tục, Ý Thức ô nhiễm đây nơi trong bào thai của mẹ, Thức Yết La Lam lại hòa hợp nhau.

Không phải chờ đợi dẫn dắt, tức là chỉ cho tâm địa rời rạc của dục giới. Chờ đợi dẫn dắt, tức là chỉ cho tâm định thuộc bát địa của thập địa nơi hai cõi trên. Trung Hữu là một trong Tứ Hữu, (*Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang, Tứ Hữu gồm có: 1- Tứ Hữu, 2- Trung Hữu, 3- Sanh Hữu, 4- Bản Hữu. Trung Hữu đây thuộc Hữu thứ 2.*), sau khi chết, trước đó trong thời gian còn sanh tiền ở vị trí hữu tình, gọi là

Trung Hữu. Yết La Lam, đây gọi là lẫn lộn dơ bẩn, tức là màu đỏ màu trắng hòa hợp nhau, trạng thái đặc lại như bơ, là đang ở trong thai, bảy ngày đầu vị trí có tên. Lại nữa hữu tình nơi cõi dục tâm địa bị phân tán, nhưng tâm địa phân tán khi thọ sanh; hữu tình kia trong chỗ nương tựa, Ý Căn hiện hữu trong sát na có địa vị tối hậu, là Ý Căn phát khởi Ý Thức ô nhiễm, để kết hợp đỏ trắng thọ sanh tương tục bất đoạn --- và Ý Căn cũng là lực của Ý Thức để bảo trì ---. Nhưng Ý Thức ô nhiễm đây cũng có vị trí tối hậu trong sát na bất diệt, làm nhân khi kết sanh là chú trọng cắt đứt nhao. Người đầu tiên khi ở trong thai mẹ Thức cùng yết la lam lại hòa hợp nhau, tóm thâu bảo trì đỏ trắng dùng làm tự thể đồng an nguy, tức gọi là Thức hòa hợp, cũng gọi là Thức tương tục, chính là Thức chi trong 12 hữu chi vậy.

Dần 2, Thông điệp tính toán thỉnh cầu đả phá.

Mão 1, Thông điệp tính toán.

Nếu Ý Thức cùng yết la lam hòa hợp, đã là hòa hợp, Thức y chỉ đây nơi trong thai mẹ có Ý Thức chuyển biến.

Nếu không cho phép có Thức A Lại Da làm Thức hòa hợp, tính toán tức Ý Thức nơi trong yết la lam có sát na tối hậu (*sau cùng*), cùng yết la lam kia hòa hợp gọi là Thức hòa hợp. Tức Ý Thức đây cùng yết la lam kia hòa hợp, kể đến sau khi sanh có sát na tối hậu, y chỉ nơi Ý Thức cũ của Thức hòa hợp đây --- là chỗ nương tựa nơi trong vị trí có thai của người mẹ để sanh, nghĩa là có Ý Thức mới để chuyển khởi --- đây là năng lực nương tựa, cho nên không phải riêng có Thức A Lại Da làm Thức hòa hợp.

Mão 2, Phá chấp.

Thìn 1, Có hai Ý Thức phá.

Nếu như thế, tức là cần có hai Ý Thức, nơi trong thai mẹ cùng chuyển một lúc.

Ba thừa chung cho phép đồng chỗ, đồng thời, pháp đồng loại không được đồng phát khởi, không bao dung một chỗ, có mà không dùng đến. Nên có hai Ý Thức nơi trong thai mẹ cùng nhau chuyển biến, nhưng lại nghịch đạo lý của ba thừa chung cho phép. Đây nghĩa là nếu tính toán nên nương tựa Ý Thức cũ để có Ý Thức mới đồng thời sanh, tức là cần có hai Ý Thức ở trong thai mẹ đồng thời cùng nhau mà chuyển. Nếu tính toán tức là chỉ một Ý Thức, cũng không cần lý. Yết la lam kia cùng Thức hòa hợp thường xuyên lúc nào cũng là không ngăn chetánh vô ký, nương tựa Ý Thức để phát khởi thì thông ba tánh, (*Theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang, quyển 7, trang T 6304, Tam Tánh gồm có: Biến kế sở chấp tánh, Y tha khởi tánh, Viên thành thật tánh.*), tánh thì không đồng nhau, nên không phải một. Nếu cho phép Thức A Lại Da làm chỗ Thức nương tựa thì không có lỗi.

Lại nữa tức cùng Thức A Lại Da kia hòa hợp thì tánh của Ý Thức, không cần đạo lý. Vì nương tựa ô nhiễm, thì không gián đoạn, làm chỗ duyên cho Ý Thức thì không thể được.

Câu văn phần đoạn hai: lại nữa tức là cho đến không cần đạo lý, chính là lập tông. Nghĩa là lại quyết định tính toán cùng Thức của yết la lam hòa hợp, là trong đó có vị trí chỗ nương tựa của ý căn để phát khởi Ý Thức nhiễm ô, làm Thức thể hòa hợp, không cần đạo lý. Tại sao thế? Có ba nguyên nhân: (1) Đây sanh có vị trí mới cho Ý Thức sanh

làm chỗ nương tựa cho Thức, lại thành tánh nhiễm ô, nhưng kết sanh Thức nhất định là dị thực thuộc tánh vô ký không bị ngăn che, nên không cần đạo lý. (2) Thức hòa hợp đây tức là Thức tương tục, trong Thức đây có sanh có các thời gian đều không gián đoạn, bảo trì đồ trắng nên Ý Thức có gián đoạn, lúc đây là rất chú trọng cắt đứt nhau, nên không cần đạo lý. (3) Ý Thức nếu có, cảnh chỗ duyên của nó tất nhiên hoàn toàn rõ ràng là thô trọng hiển bày làm sao được, vì Ý Thức dùng cảnh thô trọng hiển bày làm chỗ để duyên. Nhưng trong vị trí đây, chỗ duyên của Ý Thức là cảnh rõ ràng hoàn toàn thô trọng hiển bày nhất định không thể được, nên biết vị trí này, nhất định không có Ý Thức. Dùng ba nguyên nhân đây, để biết Ý Thức là tánh của Thức hòa hợp, nên không cần đạo lý. Nếu cho phép Thức A Lại Da có mặt, tức là ở đây không có lỗi.

Thìn 3, Thiết lập song quan yêu cầu đả phá.

Ty 1, Thông điệp tính toán.

Thiết lập Thức hòa hợp tức là Ý Thức: nghĩa là giả thiết lập cho phép nhà người tính toán Thức hòa hợp tức là Ý Thức:

Ty 2, Thiết lập quan hệ.

Là đây Ý Thức hòa hợp tức là Thức của tất cả chủng tử, là Thức y chỉ chỗ sanh ra, còn lại có phải là Ý Thức của tất cả chủng tử?

Ý của nhà người dùng Ý Thức hòa hợp đây có phải là tất cả chủng tử Thức? Hoặc y chỉ đây hòa hợp Ý Thức chỗ sanh ra, còn lại Ý Thức có phải là nhất thiết chủng tử Thức?

Ty 3, Đòi hỏi đả phá.

Nếu đây là Thức hòa hợp thì tất cả chủng tử Thức, tức là Thức A Lại Da, nhà người cho tên dị thực là Ý Thức. Nếu có thể cho y chỉ Thức là Thức nhất thiết chủng tử, thì chỗ nương tựa của Thức nhân không phải Thức nhất thiết chủng tử, năng lực nương tựa Thức quả là Thức nhất thiết chủng tử, không cần đạo lý.

Nếu tính toán trong đây có Ý Thức của sát na sau cùng cùng yết la lam hòa hợp, tức là Thức nhất thiết chủng tử, cần biết chính là Thức A Lại Da, nhà người chẳng qua cho tên thứ khác, đem Thức A Lại Da đây, nói là Ý Thức mà thôi. Còn lại Thức chuyển không phải năng lực bảo trì chủng tử, cũng không tên Thức nhất thiết chủng tử, trước đã biện giải rõ. Nếu không cho Thức hòa hợp là Thức nhất thiết chủng tử, ngược lại cho năng lực y chỉ đây là Thức hòa hợp chỗ sanh ra Ý Thức mới, nghĩa là Thức nhất thiết chủng tử đây, thì chỗ Thức nhân nương tựa không phải Thức nhất thiết chủng tử, còn năng lực nương tựa của Thức quả, cho là Thức nhất thiết chủng tử thì không cần đạo lý. Như thế cho nhân quả ngược nhau.

Dàn 3, Tổng hợp không phải kết quả chánh.

Vì thế thành tựu Thức hòa hợp đây không phải là Ý Thức, chỉ là Thức dị thực, là Thức nhất thiết chủng tử.

Cho là đạo lý, nên trong đây thành tựu có vị trí sau một sát na cùng Thức của yết la lam hòa hợp, quyết định không phải là Ý Thức, các lỗi đã có ở trên. Chỉ là quả tướng dị thực của Thức A Lại Da, cũng chỉ là nhân tướng tất cả chủng tử của Thức A Lại Da, hai tướng đây tổng hợp

tức là tự tướng. Cho nên cần biết Thức hòa hợp đây tức là Thức A Lại Da vậy.

Sửu 2, Thức chấp thọ không thành.

Lại kể đến, đã kết sanh tương tục, nếu ly khai Thức dị thực, chấp thọ sắc căn, cũng không thể được. Còn lại các Thức, đều nương tựa riêng biệt, không an trụ vững chính là các sắc căn, không nên ly khai Thức.

Như trên Thức hòa hợp, rút gọn ở trong chưa có người sanh ra đầu tiên có Thức kết sanh rõ ràng, Thức chấp thọ, rút gọn khi người sanh ra cho đến khi chưa chết, Thức rõ ràng ở trong một thời kỳ, năng lực chấp trì sắc căn khiến không bị hư hoại và sanh Thức giác thọ, tức là Thức A Lại Da, như trên đã thành hình xong, khiến chỉ chứng minh không phải Thức chuyển mà thôi. Từ đầu tiên kết sanh tương tục không gián đoạn cho đến nay, nghĩa là cho đến trước khi chưa chết, trong lúc thiết lập nếu ly khai Thức A Lại Da, năng lực nơi trong một thời kỳ chấp trì sắc căn, khiến Thức sanh giác thọ, tất nhiên không thể được. Chỉ có Thức A Lại Da mới tổng hợp làm cho các sắc căn nương tựa, còn lại các Thức chuyển, mỗi mỗi đều có căn làm chỗ nương tựa riêng biệt nhau, cho nên không có một Thức khả năng độc lập chấp thọ các sắc căn. Năm Thức trước nương tựa riêng biệt có thể biết. Thức thứ sáu, Thức thứ bảy cũng không nương tựa nơi sắc căn, nên cũng không chấp thọ. Còn lại Thức chuyển, tánh thông qua cả thiện ác, thành linh ở trên thành linh ở dưới, thế gian và xuất thế gian vân vân không an trụ vững chắc. Nếu căn do Thức chuyển chấp thọ, nó chuyển vị trí thì dễ lại cần xả bỏ mà thay đổi áp dụng. Nếu cầu cứu bên ngoài nói rằng: Sắc căn không chắc có Thức chấp thọ. Đây cũng không có lý, nếu không có

Thức chấp thọ thì không khác nào tử thi, không bao lâu hư hoại. Nên các sắc căn nơi trong một thời kỳ không nên ly khai Thức. Lại nữa trong ngôi vị Diệt Tận Định, sắc căn của hữu tình không hoại, nên Thức chấp thọ, không phải các Thức chuyển, đây chính là Thức A Lại Da thứ tám.

Sửu 3, Tướng nương tựa Thức không thành.

Nếu ly khai Thức dị thực vì Thức này cùng danh sắc lại nương tựa lẫn nhau, thí dụ như cây lau buộc lại nương tựa nhau mà chuyển, đây cũng không thành. Danh đây là thọ, tưởng, hành, Thức bốn tên đây không phải sắc uẩn, sắc đây tức là thai mẹ yết la lam, Thức đây, cùng bốn uẩn kia đối lập của Thức hòa hợp. Nghĩa là nếu ly khai Thức dị thực A Lại Da đây, như Thế Tôn nói: [Thức cùng danh sắc, lại nương tựa lẫn nhau, thí dụ như cây lau buộc lại nương tựa nhau mà chuyển], Thức đây cũng không được thành. Ngoại trừ Thức A Lại Da, Thức thể đây lại không thể cùng danh sắc nương tựa nhau mà chuyển. Nguyên nhân các Thức chuyển, nếu tâm vương nếu tâm sở đều gọi là tóm thâu. Cũng không thể nói Thức cùng danh là một pháp, nhân đồng thời lại nương tựa lẫn nhau, như hai cây lau buộc lại, không phải một pháp. Nếu cho phép riêng có Thức A Lại Da làm Thức Thể, lại không có lỗi.

Sửu 4, Thức thực Thức không thành.

Nếu ly khai Thức dị thực, đã sanh hữu tình Thức thực không thành. Tại sao thế? Dùng trong sáu Thức theo chọn một Thức, nơi trong ba cõi đã sanh hữu tình có thể làm một việc ăn, đều đó không thể được.

Ăn có thể giúp cho dinh dưỡng để duy trì thân mạng sống lâu dài khiến không cho đứt đoạn. Phật nói ăn có thứ: (1) Đoạn thực, là sắc pháp khi biến hoại có thể giúp dinh dưỡng cho thân mạng, tức nhân loại chỗ ăn cơm vâng vâng. (2) Xúc thực, là căn cảnh tiếp xúc lẫn nhau lấy dinh dưỡng lợi ích cho thân mạng, thông qua sáu Thức chuyển. (3) Tư thực, là do Ý Thức hy vọng ước nguyện để giúp cho lợi ích thân mạng. (4) Thức thực, là năng lực tùy ý xoay vần thân mạng khiến không cho hoại diệt, nên cũng gọi là ăn. Nếu ly khai Thức A Lại Da Di Thức đã thọ sanh sau đó có hữu tình chỗ tùy ý xoay vần Thức thực của thân mạng, điều đó cũng không thành. Đã có Thức chuyển ở trước thì sao dùng Thức Thực không thành? Trong sáu Thức chuyển, chọn lấy một Thức, đều không thể tùy ý xoay vần thân mạng--- như trên trong sắc căn không thể chấp thọ nói rằng --- nên không thể dùng để ăn. Lại nữa Nơi trong sáu Thức chuyển tùy ý theo chọn một Thức, nơi trong ba cõi đều có gián đoạn --- như hai thiên trên không có năm Thức, Vô Tưởng Thiên vâng vâng cũng không có Ý Thức --- nên nơi ba cõi đã sanh hữu tình có thể làm công việc ăn, nhất định không thể được. Tức là sáu Thức trước lúc ly khai lúc kết hợp nơi trong ba cõi khi đã sanh hữu tình cũng không thể làm công việc ăn, vì không thể biến ba cõi. Nếu cho phép Thức A Lại Da khi đã sanh hữu tình riêng có thể làm một công việc là Thức Thực, lại không có lỗi như trên.

Tý 2, Xác minh sắc giới sanh không thành.

Nếu từ đây không có dẫn dắt đến các chỗ chánh để thọ sanh, mà lại dẫn dắt đến các nơi nhiễm ô Ý Thức khiến kết sanh tương tục. Đây cũng không phải tâm dẫn dắt đến các chỗ nhiễm ô, mà nơi đó chỗ tóm thâu ly khai Thức dị thực, còn lại thể chủng tử nhất định không thể được.

Từ đây hạ giới không có, thượng giới sanh trong các chỗ dẫn dắt của hữu tình, là dẫn dắt nơi sanh chánh thọ, còn hạ giới thì không phải do Ý nhiễm ô dẫn dắt đến các chỗ tán tâm, còn thượng giới mới là chỗ kết sanh tương tục. Nhưng năng lực đây không phải của các cõi dẫn dắt Ý Thức đến các chỗ có thể làm cho tâm bị nhiễm ô. Là nhất định các cõi kia mới là chỗ bít tóm thân, do ăn cơm nhất định mùi vị làm ô nhiễm, không phải tham vân vân ngũ dục. Nếu ly khai Thức A Lại Da Di Thực, dùng còn lại pháp làm bảo trì chỗ trên thể của chủng tử ô nhiễm kia, nhất định không thể có. --- Còn lại không thể bảo trì chủng tử rỗng như trên --- Thức của bảo trì chủng tử thì không, còn lại thể của chủng tử cũng nhất định không có, ly khai chỗ nương tựa nhất định không thể nương tựa. Chỗ tâm ô nhiễm trên kia chủng tử còn không được có, thì chỗ nhiễm ô hiện hành trên kia là nơi phát khởi, lại sao từ đâu có thể có? Trên chỗ tâm ô nhiễm kia nếu không thì không thể sanh chỗ trên, nên thành phạm lỗi. Nói ngược lại, tức là từ dục giới sau khi chết sanh lên cõi trên sắc giới và vô sắc giới, Ý Thức của những nơi đó khi kết sanh, chính là dục giới chót tóm thân, chỗ có ô nhiễm, tức là tóm thân cõi trên. Nếu không cho phép có Thức Di Thực bảo trì những chủng tử ô nhiễm kia, thì những chủng tử kia nhất định không thể được. Lại vì sao có thể nơi khi sẽ kết sanh, trên dục giới chỗ tóm thân Ý Thức, để sanh khởi cõi trên nhằm để tóm thân ô nhiễm? Nếu cho phép riêng biệt có Thức A Lại Da bảo trì chỗ những chủng tử ô nhiễm trên kia, khi sanh khởi thì không có lỗi vậy.

Tý 3, Xác minh Vô Sắc Giới sanh không thành.

Lại nữa, sanh vô sắc giới, nếu cách ly tất cả chủng tử Thức Dị Thục, làm nhiễm ô tâm thiện cần phải không chủng tử, làm nhiễm ô tâm thiện cần phải không nương tựa bảo trì.

Vô sắc giới, tức là không và Thức vân vân, bốn không sắc thiên, (*Bốn không sắc thiên, tức là tứ không sắc thiên: theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang Tứ Không Sắc Thiên, cũng gọi là Tứ Không Sắc Định, Tứ Không Sắc Thiên gồm có: (1) Không vô biên thiên, (2) Thức vô biên thiên, (3) Vô sở hữu thiên, (4) Phi tưởng phi phi tưởng thiên*). chỉ có Thức sáu, thứ bảy, thứ tám và nó tương các tâm sở. Nhiễm ô tâm thiện, dùng tâm thiện này nhất định là thiện, có mùi vị ái vân vân nên bị ô nhiễm, do đó gọi là tâm nhiễm ô. Nghĩa là hữu tình sơ sanh của vô sắc giới, nếu cách ly Thức thứ tám, nhân tướng của tất cả chủng tử Thức không còn, chỉ còn lại Thức thứ sáu, nhưng Thức thứ sáu thì bị hạ giới tóm thâu, nên không thể sanh tâm thiện nhiễm ô nơi vô sắc giới kia, muốn tâm thiện nhiễm ô kia không còn thì cần phải không có chủng tử. Nếu cách ly quả dị thục của Thức thứ tám thì chỉ còn lại Thức thứ sáu, nhưng Thức thứ sáu lại bị hạ giới tóm thâu, không thể sanh ra cùng tâm thiện nhiễm ô nơi vô sắc giới, vì không có nhân để nương tựa, sanh không cần lý. Nếu cho phép riêng có Thức A Lại Da chỗ tiếp nhận tóm thâu, từ tự chủng tử sanh ra --- có nhân làm chỗ nương tựa --- sanh ra không cần lý. Nếu cho phép riêng có Thức A Lại Da chỗ tiếp nhận tóm thâu, từ tự chủng tử sanh ra --- có nhân làm chỗ nương tựa --- có duyên để sanh ra, lại không có lỗi.

Nhâm 2, Xác minh từ Thức xuất thế.

Quý 1, Tổng hợp xác minh tứ thiên. (*Tứ Thiên, gọi đủ là Tứ Thiên Vương, theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang, Tứ Thiên Vương gồm có: [1] Trì Quốc Thiên Vương ở phía đông, [2] Tăng Trưởng Thiên Vương*

ở phía nam, [3] Quảng Mục Thiên Vương ở phía tây,[4] Đa Văn Thiên Vương ở phía bắc.]

Lại nữa ở nơi Tứ Thiên Vương kia, tâm xuất thế gian nếu không còn thì hiện tiền còn lại tâm thế gian đều bị diệt tận, nếu như thế cần phải bỏ cách ly chỗ tứ thiên vương kia.

Hơn nữa, nơi trong vô sắc giới, không có sắc thân để nương tựa, cũng không có Thức thứ tám chỉ còn lại Thức thứ sáu. Nếu tâm vô lậu của xuất thế, khi hiện tiền, có thể đối trị tâm thế gian, nếu tâm thế gian đây khi bị diệt tận, thì đương nhiên tâm xuất thế vô lậu tất nhiên hiện tiền trở lại, như thế nên cần diệt bỏ cách ly cõi vô sắc kia, chỉ dùng tâm vô lậu xuất thế. Nếu như không bỏ cách ly, thì thành trái nghịch nhau. Có thể Thức thứ tám chính là thuộc thế gian, thế thì lỗi không gì hơn.

Quý 2, Xác minh hai cõi riêng biệt.

Nếu sanh nơi chỗ phi tướng phi phi tướng thì không có chỗ tâm xuất thế gian hiện tiền, nếu muốn tâm xuất thế gian hiện tiền thì cần hai chỗ phi tướng phi phi tướng và chỗ tâm xuất thế gian đều cách ly diệt tận. Thức xuất thế đây không dùng chỗ phi tướng phi phi tướng làm chỗ nương tựa, cũng không cần dùng chỗ vô sở hữu (*Vô sở hữu nghĩa là không có quyền lợi*) làm chỗ nương tựa, cũng không phải diệt bàn làm chỗ nương tựa.

Cõi phi tướng phi phi tướng, nghĩa là cõi này đồng như hư không không có biên giới, Thức cũng không có biên giới nhưng có tướng, cũng không phải giống như vô sở hữu không có tướng, nên lập tên

này. Tức là ba cõi trên hết có đỉnh đầu thứ nhất. Cõi trời này chú trọng nơi huệ, rất là ngu muội đần độn, không phải chỗ sanh ra và nương tựa của tâm xuất thế. Nơi vô sở hữu, tâm xuất thế gian khi hiện tiền, nghĩa là tâm của cõi trời đây so sánh sáng suốt và lạnh lợi, có thể sanh tâm xuất thế gian. Cho nên hữu tình của cõi phi phi tưởng, muốn khởi tâm xuất thế, tất nhiên trước chuyển Thức thứ sáu làm cho tâm vô sở hữu nương tựa nơi đây mới sanh tâm xuất thế gian. Nhưng trong thời gian đây có hữu tình thuộc thứ nhất, có Thức chuyển thứ sáu thuộc vô sở hữu thứ hai, đều nương nơi đây sanh tâm xuất thế không bị thế gian tóm thâu. Nếu không cho phép riêng có Thức thứ tám chỉ có Thức thứ sáu, thì tâm xuất thế gian đây liền hiện tiền, tức là cần có thứ nhất và vô sở hữu hai cõi (*hai cõi sắc và vô sắc*) tất nhiên đều cách ly tiêu diệt. Là thế gian kia, giống như rõ ràng không đồng thời. Lại nữa nếu không có Thức thứ tám, thì tâm xuất thế đây liền không chỗ nương tựa. Nhân đây Thức xuất thế không dùng chỗ phi tưởng phi phi tưởng làm chỗ nương tựa, vì ngu muội đần độn kia cố nhiên là thế gian, cũng không cần dùng chỗ vô sở hữu làm chỗ nương tựa, tuy tâm cũng như thế gian. Mặc dầu cũng không dùng niết bàn vô dư làm chỗ nương tựa, tâm xuất thế đây khi đầu tiên phát khởi, có còn lại chỗ nương tựa, còn có chỗ tu thứ đạo hoặc. Vì không chỗ nương tựa, có thể chỗ nương tựa cũng không, nên cũng thành có lỗi. Nếu cho phép riêng có Thức A Lại Da thứ tám, hai cõi có thể không bị diệt, tâm đây cũng có chỗ nương tựa, nên không bị lỗi vậy.

Nhâm 3, Thế không có thời gian để xác minh Thức.

Lại nữa, sẽ không có thời gian, tạo thiện tạo ác, hoặc dưới hoặc trên, chỗ nương tựa dần dần bị lạnh nhạt. Nếu không tin có Thức A Lại Da, đều không đặng thành.

Sẽ không có thời gian, tức là sáu Thức đã bị diệt, thân thể còn ấm áp, thì tạo thiện tạo ác, hoặc trên hoặc dưới, chỗ nường tựa lạnh dần dần, chỗ nường tựa tức là thân thể nơi để cho các căn vân vân làm chỗ nường tựa. Nghĩa là Thức thứ tám là Thức bảo trì sanh mạng ấm áp, Thức này khi xả bỏ thì sanh mạng lạnh trở lại. Người tạo thiện, bạch nghiệp dẫn dắt đương nhiên sanh mạng bị chết, vì thế thân thể theo xuống lạnh dần, khi toàn thân đều lạnh sanh mạng liền lâm chung vậy. Người tạo ác, hắc nghiệp dẫn dắt, liền chết bị đọa tam đồ, nên chỗ nường tựa nơi thân thể theo đó lạnh dần, khi toàn thân lạnh, tức là sanh mạng lâm chung. Nếu không tin Thức A Lại Da thứ tám đây chỉ chấp trì có sáu Thức, người khi chết đã muôn tuyệt, không có sáu Thức, trên đây lạnh dần xuống, sự việc nên không đặng thành.

Tân 3, Đúc kết.

Cho nên nếu cách ly tất cả chủng tử Thức dị thực thì đây sanh tạp nhiễm, cũng không đặng thành tựu.

Dùng những điều ở trên để chứng minh các lý, thì cố nhiên phải biết nếu cách ly tất cả nhân tướng của chủng tử và quả tướng của Thức dị thực cùng tự tướng của Thức A Lại Da thì không thể xóa sạch phiền não nghiệp tạp nhiễm được thành công.

Kỷ 2, Dùng thanh tịnh suy tìm chứng minh.

Canh 1, Thế gian thanh tịnh.

Tân 1, Yêu cầu hỏi.

Vì sao thế gian thanh tịnh không thành?

Tạp nhiệm không thành, như trên đã biết, vả lại thế gian thanh tịnh không thành, làm sao có thể thấy?

Tân 2, Giải thích.

Nhâm 1, Không thể còn lại không phải nhân.

Tý 1, Hạ giới gia hạnh (*trong Thập Hạnh*) không phải không thể nhân trên.

Nghĩa là chưa cách ly dục giới còn ràng buộc tham, chưa đặt sắc giới còn ràng buộc tâm, tức là dùng dục giới ràng buộc tâm thiện, dùng cách ly dục giới còn ràng buộc tham, cần tu gia hạnh. (*Gia Hạnh trong Thập Hạnh*). Dục giới đây ràng buộc tâm gia hạnh, đều sanh diệt, không phải dục giới kia chỗ chứa nhóm, vì chủng tử dục giới kia không cần đạo lý.

Ràng buộc, tức là biệt danh của phiền não hiện tiền. Nghĩa là nếu không có Thức thứ tám, chỉ có sáu Thức, chưa cách ly tham vân vân phiền não của dục giới, chưa đạt đến sắc giới còn phiền não tương ưng tâm của hữu tình --- tức là hữu tình của dục giới, còn phiền não chỗ nối kết của tâm thiện nơi dục giới, phát tâm xả ly tham vân vân phiền não của dục giới, cần tu gia hạnh vượt thoát ra khỏi dục giới. Nhưng dục giới đây phiền não chỗ tóm thu tâm thiện gia hạnh mà sanh khởi, cùng phiền não của sắc giới tương ưng tâm nên không thể đồng thời cùng sanh diệt, không thành chứa nhóm, đồng đây là chỉ cho một Ý Thức. Tâm gia hạnh đây không phải sắc giới kia ràng buộc tâm chỗ chứa nhóm pháp, không phải tánh vô ký, tán tâm nhất định trái nghịch nhau. Tâm gia hạnh đây không làm chỗ chứa nhóm chủng tử của sắc giới kia ràng buộc, nên không cần đạo lý.

Tý 2, Quá khứ sắc giới ràng buộc không phải chúng tử không thể.

Lại nữa, sắc giới ràng buộc tâm quá khứ sanh ra nhiều ràng buộc, còn lại tâm ngăn cách gián đoạn, không vì chúng tử khiến cho tâm không nhất định, chỉ cần không có chúng tử.

Tính toán chuyển rằng: Sắc giới ràng buộc tâm sanh, nhưng vì quá khứ từng có sắc giới ràng buộc tâm chúng tử, hiện tại hiện khởi, nên không có lỗi. Phá rằng: Lại nữa Sắc giới ràng buộc tâm, quá khứ sanh ra nhiều chúng tử đã bị gián đoạn, nơi trong gián đoạn, còn lại tâm tuyệt đối bị ngăn cách, không cần vì khiến khi sanh sắc giới nhất định ràng buộc chúng tử của tâm. Tại sao thế? Quá khứ sắc giới ràng buộc tâm, chỉ là không cho có chúng tử --- tức là đã diệt trở về không.

Quý 2, Đây thành là nhân.

Cho nên sắc giới nhất định ràng buộc tất cả chúng tử của tâm đã được thành tựu, quả dị thục của Thức triển khai truyền lại, khiến cho nhân duyên và thiện tâm gia hạnh trở thành tăng thượng duyên.

Cho là như thế, sắc giới thành tựu ràng buộc tất cả chúng tử của tâm, nhưng Thức dị thục từ nơi vô thỉ triển khai truyền lại, khiến cho sắc giới ràng buộc tâm sanh khởi nhân duyên, lại không thành công. Mặc dầu gia hạnh muốn ràng buộc chỗ tóm thâu thì có công dụng gì? Nghĩa là nhân duyên tuy có, nếu không tăng thượng duyên thì không thể sanh khởi. Như các ly nhĩ căn, Nhãn Thức cũng không sanh đặng. Nên gia hạnh tâm thiện, nhưng vì sắc giới ràng buộc trợ duyên tăng thượng của tâm, hoặc dẫn sắc giới ràng buộc đặng vô gián duyên của tâm, (*Đẳng nghĩa là đồng nhau, vô gián*

duyên nghĩa là duyên trước duyên sau không gián đoạn; đấng vô gián duyên, nghĩa là duyên trước duyên sau đồng nhau nối kết liên tục không gián đoạn) không phải nhân duyên.

Nhâm 2, Thí dụ còn lại sắc giới mặc dầu cũng như thế.

Như thế tất cả trong chỗ ly dục, cần nên biết.

Căn cứ chứng minh lý trên, sắc giới còn lại tất cả trong chỗ ly dục sanh tâm đạo lý, thế thì nó phải biết rõ.

Tân 3, Kết hợp có lỗi.

Như thế thế gian thanh tịnh, nếu cách ly tất cả chủng tử Thức dị thực, lý không được thành.

Canh 2, Xuất thế gian thanh tịnh.

Tân 1, Thành tựu nghe chứa nhóm biện minh

Nhâm 1, Xác minh chánh lý.

Quý 1, Yêu cầu hỏi.

Vì sao xuất thế gian thanh tịnh không thành?

Pháp xuất thế gian thanh tịnh, vì sao cũng không được thành?

Quý 2, Giải thích trả lời.

Tý 1, Dẫn Thánh giáo.

Nghĩa là Thế Tôn nói rằng: nương tựa nơi tiếng nói của người khác, và các sai biệt ở bên trong như lý tác ý, do đây làm nhân chánh kiến được sanh.

Thế Tôn nói, tức là hiển bày Thánh giáo lượng. Nương nơi tiếng nói Thánh giáo kia, tức là nương nơi giáo pháp từ lời nói đã thuyết của người xuất thế kia, là cảnh của chỗ nghe, nơi bên năng lực nghe tức là văn huệ. Và bên trong có các sai biệt như lý của tác ý, nghe không phải là một tiếng, nên bên trong có các sai biệt; như chỗ nói chánh lý kia, mà sanh khởi cùng tác ý của lý phù hợp nhau, đây có thể hoàn toàn là tâm, cũng tức là tư huệ. Do trên đây lời nói kia của chỗ xác minh và tự tác ý làm nhân, chánh kiến của không phân biệt --- tức là trí, tức là được sanh khởi. Chánh kiến đây, tức là pháp xuất thế gian thanh tịnh. Nếu cách ly Thức thứ tám, văn huệ chứa nhóm không thành, thì chánh kiến đây cũng không được sanh. Nên thế gian thanh tịnh không được thành tựu.

Tý 2, Tiêu chuẩn chánh lý.

Sửu 1, nhĩ ý hai thức biện luận.

Dần 1, Yêu cầu.

Tiếng nói đây của người ta, như lý tác ý, có phải làm Nhĩ Thức chứa nhóm? Có phải làm Ý Thức chứa nhóm? Có phải làm cả hai đều chứa nhóm?

Nếu không cho phép có Thức thứ tám, thì trong Thánh giáo đây chỗ tiếng nói kia của thuyết giáo và tác ý như lý chỗ chứa nhóm, hay là tại trong Nhĩ Thức làm chỗ chứa nhóm? Hoặc là trong Ý Thức làm chỗ chứa nhóm? Hoặc ý và nhĩ cả hai đều làm chỗ chứa nhóm?

Dần 2, Bài xích.

Nếu ở nơi pháp kia như lý mà tư duy, như thế khi nhĩ thức lại không được phát khởi, ý thức cũng là mỗi thứ bị động phân tán còn lại thức để nghe.

Nghĩa là nếu ở nơi tiếng của người khác nói chánh pháp, người kia phát khởi như lý tư duy, khi đương như thế, nhĩ thức lại không được sanh khởi, nên không phải chỗ để chứa nhóm. Lại khi đương như thế, ý thức cũng là đối với mỗi mỗi cảnh giới tốt đẹp cũng bị rối loạn phân tán dao động còn lại thức nơi trong nghe cũng bị ngăn cách, nên cũng không phải chỗ chứa nhóm. Hai chỗ đây đều không phải chỗ chứa nhóm, liệt kê có thể biết. Nhĩ thức, ý thức đã không làm chỗ chứa nhóm, chủng tử cũng nên không có. Chủng tử đã không có, hiện tại theo cái gì để phát khởi? Cho nên pháp xuất thế gian thanh tịnh không được thành.

Nhâm 2, Trước sau hai thức biện luận.

Nếu cùng như lý tác ý khi tương ứng, nghe đây chỗ ý thức chứa nhóm cùng nhĩ thức chứa nhóm, chứa lâu thành quá khứ nên bị tiêu diệt, vì nhất định không có thể chất. Thế nào lại là chủng tử, có thể sau khi tâm sanh như lý tác ý? Nghĩa là nếu đợi đến khi cùng như lý tác ý tương ứng thì ý thức tâm vương mới sanh hoạt, mà ý thức của chỗ nghe chứa nhóm và cùng tiếng nói trước kia khi đã lâu bị diệt tận, trở thành quá khứ hoàn toàn không, hiện tại quyết định không có thật chất. Ý thức và pháp chứa nhóm đã không có thật chất thì chủng tử làm sao khi sanh khởi cùng như lý tác ý tương ứng tâm ký ức? Trước sau hai thức đã không làm chỗ chứa nhóm, nên xuất thế thanh tịnh cũng không được thành.

Sử 3, Thức thế xuất thế biện luận.

Lại nữa, như lý tác ý tương ứng đây là tâm thế gian, chánh kiến tương ứng kia là tâm xuất thế gian, đã từng chưa có thời gian đủ sanh đủ diệt, vì thế tâm đây không phải chỗ chứa nhóm kia. Đã không bị chứa nhóm, làm chũng tử kia không cần đạo lý.

Tâm đây cùng như lý tác ý tương ứng là tâm thế gian tóm thâu, tâm chánh kiến tương ứng là tâm xuất thế tóm thâu. Hai ý và thức đây, từ vô thủy đến nay, chưa từng có thời gian đủ sanh đủ diệt, tách tráo nhau, làm một thức. Cho nên tâm thế gian đây, không phải chỗ chứa nhóm của tâm xuất thế kia. Xuất thế kia đã không bị chứa nhóm, vì thế làm cho chũng tử kia không cần đạo lý.

PHẦN IV.- NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN SƠ PHẦN GIẢNG NGHĨA

Quý 3, Kết thành.

Cho nên xuất thế thanh tịnh, nếu ly khai tất cả chũng tử thức di học quả, cũng không thành. trong đây thế gian tóm thâu chứa nhóm nhận lấy chũng tử kia không có tương ứng.

Đây là lý, xuất thế thanh tịnh chánh kiến, nếu cách ly nhân tướng tất cả chủng tử và quả tướng dị thực của thức a lại da, cũng không đặng thành. chơn sáu thức trong thế gian, thọ nhận nghe chánh pháp chứa nhóm của thức, tóm thâu bảo trì chủng tử của xuất thế thanh tịnh không tương ứng. Lý như trên rất rõ ràng, nên cần tin đặc biệt có thức a lại da thứ tám.

Nhâm 2, Trả lời những trở ngại khó khăn.

Quý 1, Trả lời năng lực đối trị khó khăn.

Tý 1, Ra khó khăn.

Sửu 1, Nhiễm thức không phải thứ tịnh khó khăn.

Thứ đến, vì sao tất cả chủng tử quả dị thực của thức a lại da làm nhân tạp nhiễm, lại vì sao năng lực của xuất thế đối trị chủng tử của tâm thanh tịnh?

Trên đây đã xác minh tất cả chủng tử quả dị thực của thức a lại da là pháp nhân tạp nhiễm, vì sao lại có thể làm năng lực xuất thế đối trị chủng tử của tâm tạp nhiễm và thanh tịnh? Tạp nhiễm, thanh tịnh hai tánh trái nghịch nhau, thức a lại da đâu có thể đồng thời làm tạp nhiễm, lại làm thanh tịnh hay sao?

Sửu 2, Không chứa nhóm nên không phải chủng tử khó khăn.

Lại nữa tâm xuất thế, trước kia chưa từng chứa nhóm, nên kia muốn chứa nhóm, quyết định không cần. Đã không chứa nhóm, làm sao chủng tử tha hồ sanh?

Nghĩa là tâm thanh tịnh xuất thế, trước kia tai họa chưa gặp chúa nhóm, chứa nhóm của tâm xuất thế kia, quyết định không cần. Trước kia đã không chứa nhóm của tâm xuất thế, hiện tại tâm thanh tịnh xuất thế của chánh kiến tương ứng, chứng tử tha hồ sanh như thế nào? Nên tha hồ cho pháp thức a lại da, cũng không có lỗi.

Tý 2, Giải thích trả lời.

Cho nên cần trả lời: Từ tối sơ pháp giới thanh tịnh vân vân, chính lưu truyền nghe nói chứng tử chứa nhóm chỗ sanh ra.

Tối sơ pháp giới thanh tịnh, là pháp giới của Phật đã chứng, chứng tử hiện tại của hai chương (*Hai chương là phiên não chương sở tri chương*) và chỗ sanh khởi pháp diệt tận, cho nên gọi tối sơ thanh tịnh. Đẳng lưu đây, nghĩa là từ Phật cho đến pháp giới rút gọn giáo lý đều bình đẳng lưu xuất, cùng pháp giới của Phật là bình đẳng lưu giống loại, tức là chỗ nương tựa của tiếng nói kia. Chính nghe chứa nhóm: nơi kinh giáo đây, không nghe tiếng đảo ngược, tức bên trong nghe hư lý tác ý. Do nghe nói đây liền thành chứa nhóm. Vì thế cần trả lời: Pháp xuất thế thanh tịnh đây, là nương nơi chỗ Phật chứng là giáo pháp tối sơ pháp giới thanh tịnh bình đẳng lưu xuất, chỗ sanh khởi của chính nghe chứa nhóm thành chứng tử để sanh ra. Tuy dùng thức a lại da làm chỗ nương tựa, mặc dầu không phải dùng thức a lại da làm thân nhân duyên, nên không có lỗi. Như Kinh Pháp Hoa nói: [Chứng tử của Phật đây cũng từ nhân duyên khởi]. Đây cũng là trong luận Thành Duy Thức Tân Huân Gia Nghĩa.

Quý 2, Trả lời tánh tự tha khó khăn.

Tý 1, Nói ra khó khăn

Nghe chứa nhóm đây, chính là tự tánh của thức a lại da, hay là không phải tự tánh của a lại da? Nếu là tự tánh của a lại da, tại sao lại đối trị chủng tử kia? Nếu không phải tự tánh của a lại da, thì làm sao nghe được chỗ nương tựa của chủng tử chứa nhóm đây và làm sao có thể thấy? Cho đến làm sao biết chư Phật chứng đặng bồ đề?

Chính nghe được chủng tử của pháp thanh tịnh chứa nhóm đây, và làm sao biết được tự tánh của a lại da? Và làm sao biết được không phải tự tánh của a lại da? Nói ngược lại, đây tức là chủng tử thanh tịnh của chỗ chứa nhóm đã thành, và đã nương tựa nơi thức a lại da, cùng duy nhất là của a lại da. Nếu là không phải a lại da? Thì làm sao có lỗi? Nếu là tự tánh của thức a lại da --- nếu là chỉ có một thức này, thì tại sao lại có thể đối trị pháp chủng tử của thức a lại da kia? Là vì nó là một thể. Nếu không phải tự tánh của thức a lại da --- nếu là chỉ có một thức này, lại không nương tựa thức a lại da này, chỗ nghe nương tựa của chủng tử chứa nhóm này, làm sao thấy được? Nếu không chỗ nương tựa thì không chủng tử không chánh kiến sanh ra, cho đến làm sao có thể thấy chư Phật chứng đặng bồ đề của bình đẳng? Nên nhất định phải có thức thứ tám, nếu không có thức này là có lỗi.

Tý 2, Giải thích trả lời.

Nghe chứa nhóm đây, tùy ở một thứ nơi chỗ nương tựa thay đổi, gởi ở trong thức dị thục, cùng hòa hợp kia đủ thay đổi, giống như chỗ nước sâu. Mặc dù không phải thức a lại da là tánh đối trị chủng tử kia.

Tuy không phải đồng tánh, cũng có thể làm chỗ nương tựa. Như nhãn thức có thể nương tựa nơi nhãn căn, không phải tánh nhất định

đồng nhau. Chính nghe chứa nhóm đây, tùy theo nghe ở một thứ thức đi thực nơi nương tựa bị thay đổi tương tục chỗ phát khởi, tức là gửi nơi trong một chỗ thức đi thực tương tục. Chỗ chứa nhóm đây thành chỗ chủng tử thanh tịnh, cùng thức a lại da kia hòa hợp đủ thay đổi, không thể phân biệt, giống như nước sâu hòa hợp thành một. Mặc dầu chứa nhóm đây, không phải chủng tử thanh tịnh, cùng thức a lại da kia hòa hợp đủ thay đổi, không thể phân biệt, giống như nước sâu hòa hợp thành một. Mặc dầu chứa nhóm đây, không phải thức a lại da kia, thật là thức a lại da kia có thể đối trị pháp của chủng tử. Nhưng tùy theo chỉ, cũng không tội lỗi.

Quý 3, Xác minh tướng của chửan hóm.

Tý 1, Yêu cầu xác minh.

Trong đây nương tựa nơi phẩm hạ chứa nhóm thành phẩm trung chửan hóm, nương tựa nơi phẩm trung chứa nhóm thành phẩm thượng chửan hóm, nương tựa nơi văn tứ tu tạo được tương ứng.

Nghĩa là trong chửan hóm đây, nương tựa nơi ba huệ văn tứ tu, có ba phẩm riêng biệt. Đầu tiên nghe chánh pháp làm hạ phẩm chứa nhóm, kế đến triển khai thay đổi tăng trưởng thù thắng làm trung phẩm, thứ đến lại tăng trưởng thù thắng làm thượng phẩm, mỗi phẩm đều có ba huệ. Hoặc nương tựa văn chỗ thành huệ làm hạ phẩm, nương tựa tư làm trung phẩm, nương tựa văn tứ tu làm thượng phẩm. Ba phẩm chứa nhóm đây là nương tựa nơi văn, tư, tu đếm số nhiều phần tu, tạo dựng tương ứng, tức là sanh chánh kiến.

Tý 2, Biện luận phân biệt.

Sửu 1, Kế hoạch đề cử tiêu chuẩn.

Lại nữa, chính văn chứa nhóm chủng tử hạ trung thượng phẩm. nên biết đây cũng là chủng tử pháp thân.

Chính văn này chứa nhóm chủng tử của hạ trung thượng phẩm, nên biết cũng là chủng tử pháp thân, không phải thức a lại da vậy. Nói pháp thân này, là thông qua chỉ đoạn diệt sở tri chướng sang đặng quả bồ đề, tóm tắt tự tánh, thọ dụng, biến hóa, ba thân. Đối trị đoạn trừ phiền não để thân giải thoát, đây gọi là pháp thân, không phải đặc biệt chỉ tự tánh thân làm pháp thân vậy.

Sử 2, Giải thích rộng.

Dần 1, Xác minh chủng tử thanh tịnh không phải dựa vào nghi vấn.

Cùng thức a lại da trái nhau, không phải thức a lại da chỗ tóm tắt, riêng xuất thế gian là pháp giới thanh tịnh bình đẳng chỗ lưu xuất của tánh. Tuy đầu tiên khi chứa nhóm ngôi vị hạ phẩm, trung phẩm, thượng phẩm, hiện là thế gian tóm tắt, mà thật là tánh của chủng tử tâm xuất thế gian, nên không phải thức a lại da vậy.

Dần 2, Hiển bày chứa nhóm có năng lực thù thắng.

Mão 1, Xác minh tác dụng đối trị.

Lại nữa, tâm xuất thế tuy khi chưa sanh, đã có thể đối trị các phiền não ràng buộc, đã có thể đối trị các chỗ hiểm ác, đã đối trị tất cả chỗ có ác nghiệp phước hoại mục nát, lại có thể tùy thuận gặp việc của tất cả chư Phật Bồ Tát.

Nghĩa là chúng tử tâm xuất thế đây, tuy là khi tâm xuất thế chưa sanh, nhưng đã có sẵn tổn hại ảnnúpgiúpchotham phiền não ràng buộc tăng lên, tức là khiến cho phiền não tạp nhiễm phát sanh. Như thế, ở quá khứ đã tạo tất cả ác nghiệp làm mục nát hư hoại những chúng tử tâm xuất thế. Để đối trị những thứ nhiễm tạp nói trên để chúng tử tâm xuất thế có cơ duyên sanh khởi. Ba thứ trên gọi là đoạn ác. Lại có thể tùy thuộc sự việc của tất cả chư Phật Bồ Tát, đây tức là làm thiện vậy.

Mão 2, Xác minh thân tóm hậu.

Tuy là thế gian cần phải biết đầu tiên nghiệp Bồ Tát chỗ chứng đắc, cũng là pháp thân tóm hậu. Thanh Văn Độc Giác chỗ chứng đắc, chỉ giải thoát thân tóm hậu. Lại chứa nhóm đây không phải thức lại là pháp thân giải thoát thân tóm hậu.

Tuy chúng tử đây nhưng là thế gian, cần nên biết ngôi vị Hiền bắt đầu nghiệp bồ tát chỗ chứng đắc cũng là pháp Thân tóm hậu. Nếu Thanh Văn, Độc Giác cũng chứng đắc, thì chỉ là giải thoát thân tóm hậu, không phải pháp thân vậy. Lại nữa, chỗ chứa nhóm đây, tuy là thế gian, nhất định không phải thức lại là pháp thân, chỉ là giải thoát thân tóm hậu.

Mão 3, Xác minh chuyển y.

Nếu như chứa nhóm hạ trung thượng phẩm lần lượt tăng dần, nhu là thức quả dị thực lần lượt giảm dần; tức là thay đổi chỗ nương tựa. Tức là tất cả chúng tử đã thay đổi chỗ nương tựa, tức là thức quả dị

thực và tất cả chủng tử bị thay đổi chủng tử, tất cả chủng tử bị đoạn diệt vĩnh viễn.

Trên đây chỗ xác minh thượng trung hạ ba phẩm chứ anhóm, như là lần lượt tăng dần; thức quả dị thực, cũng như thế lần lượt giảm dần. Thức quả dị thực đây giảm dần, tức là thay đổi dần chỗ nương tựa của tất cả chủng tử tạp nhiễm. Tức là tất cả chủng tử tạp nhiễm chỗ nương tựa đã bị thay đổi, tức là xả bỏ thức quả dị thực và tất cả chủng tử thức tạp nhiễm, bị thay đổi chỗ nương tựa của chủng tử tạp nhiễm. Tất cả chủng tử tạp nhiễm đây bị đoạn diệt vĩnh viễn, pháp nhiễm ô cũng bị đoạn diệt, thành pháp thân thanh tịnh. Năng lực của chính Văn chứa nhóm đây, tức là nương tựa chỗ thức a lại da đã được thành tựu.

Quý 4, Xác minh tướng hòa hợp.

Tý 1, Chính khó khăn

Lại nữa, vì sao giống như nước sâu? Không phải thức a lại da cùng a lại da đồng xứ đủ thay đổi, hoặc là tất cả chủng tử của thức a lại da bị tận diệt? Hoặc không phải tất cả chủng tử của thức a lại da tăng trưởng?

Nghĩa là vì sao không phải chủng tử thanh tịnh xuất thế của thức a lại da, cùng pháp tạp nhiễm của thức a lại da, giống như nước sâu đồng chỗ đủ thay đổi, mà tất cả chủng tử tạp nhiễm của thức a lại da dần dần bị diệt tận, không phải tất cả chủng tử thanh tịnh trong thức a lại da dần dần tăng trưởng phải không?

Tý 2, Dụ để giải thích.

Sửu 1, Dụ con nga uống sữa.

Thí như nới nước, con nga uống sữa.

Thí như nới trong đồ dùng nước và sữa hòa hợp, con nga có thể uống hết sữa mà nước vẫn còn. Tức là như người tu trong khi kiến đạo, tất cả những thứ nhiễm ô đều chấm dứt, những thứ thanh tịnh vẫn còn lại.

Sửu 2, Dụ ở đời xa cách dục.

Lại nữa, như thế gian khi cách ly dục, không phải dẫn đến chỗ chứa nhóm dần dần bị tiêu diệt, cũng không phải dẫn đến chỗ chứa nhóm dần dần tăng trưởng, mà đặng thay đổi chỗ nương tựa.

Nghĩa là lại như thế gian hữu tình dục giới, đặng ly dục khi sanh sắc giới và vô sắc giới, không phải chờ đợi dẫn đến chỗ phiền não chứa nhóm dần dần giảm xuống, nó chờ đợi dẫn đến chỗ chứa nhóm thì dần dần tăng lên nhiều, mà đặng thay đổi xuống kém chỗ nương tựa để thành chỗ nương tựa tăng lên thì thắng. Người tu trong khi kiến đạo, thay đổi xả bỏ chủng tử tạp nhiễm trong thức a lại da, mà tăng lên lý của chủng tử thanh tịnh trong thức a lại da, cũng lại như thế.

Tân 2, Biện luận thành tựu diệt định.

Nhâm 1, Biện luận chân chánh.

Lại nữa, thức của người diệt định không cách ly thân, đây là chỗ Thánh nói. Trong thức dị thực đây, nên cần không cách ly thân, không phải đối trị đây để diệt định sanh.

Lại nữa, người hữu tình của diệt tận định thức không cách ly thân, giữ lấy bảo trì sức cảm cho thọ mạng, đây là chỗ nói của Thánh. Nhưng thay đổi sáu thức trước và một phần nhiệm ô của thức thứ bảy, nơi đây đều diệt tận. Trong đây thức dị thực không cần cách ly thân của thức, nguyên nhân hữu tình của diệt tận định không phải đối trị thức dị thực đây, nhờ đó diệt tận định phát sanh.

Nhâm 2, Phá chấp.

Quý 1, Phá chấp vô thức.

Lại nữa, không phải xuất định thức đây mới sanh, do thức dị thực đã gián đoạn, cách ly kết tương tục không chú trọng sanh.

Không phải khi xuất định, thức của diệt tận trước đây sau đó mới sanh tên không cách ly thân. Do thức dị thực như trong định đã gián đoạn, lại cách ly kết sanh chấp trì tương tục, lại không chú trọng lý của sanh, lại bị chết thành tử thi, không nên xuất định lại mới sanh, nếu chú trọng định vô thức thành có lỗi

Quý 2, Phá chấp của ý thức.

Tý 1, Công văn tính toán tổng hợp phá chấp.

Lại nữa, nếu có chấp do ý thức thì nơi diệt định có tâm, tâm đây không thành. Nghĩa là lại nếu có chấp: tức là do ý thức thứ sáu nên thiết lập dùng hữu tâm diệt định. Phá rằng: tâm đây không thể thành lập.

Tý 2, Hiển bày lỗi đặc biệt bài xích,

Định không nên thành, chỗ duyên hành tướng không thể được, lỗi ở nơi cần có thiện căn tương ứng, không thiện, vô ký không cần lý, lỗi là cần có tướng, thọ, hành, xúc có thể được, nơi tam ma địa (*Tam ma địa là đại định kiên cố*) có năng lực, cần có chỉ có lỗi diệt tướng mất, cần có tư, tín vân vân thiện căn nhưng lỗi ở hiện hành, chọn lọc năng lực nương tựa kia khiến cách ly chỗ nương tựa không cần lý, có thí dụ, như không phải biến hành đây không có.

Định không nên thành đây, nghĩa là nếu định đây có ý thức, thì không nên thành định vô tâm. Nếu có thức a lại da làm tâm thì đây không phải chỗ đối trị kia, thì lại không có lỗi đây. Chỗ duyên hành tướng không thể được đây, nghĩa là nếu có ý thức, thì chỗ duyên cảnh của nó và năng lực duyên hành tướng, lại cần xác minh hoàn toàn có thể được; tuy nhiên trong định đây, nếu chỗ duyên hành tướng của nó đủ có thể được, thì trở thành phạm lỗi. Nếu cho phép a lại da thì lại không có lỗi đây, a lại da hành tướng chỗ duyên của nó đủ có thể biết. Lỗi ở nơi cần có thiện căn tương ứng đây, nghĩa là tâm đây nếu chỉ cho ý thức, thì tánh của nó là tánh gì? Nếu là thiện, thì lại cần có tâm sở thiện căn vân vân tương ứng nên có lỗi. Bất thiện, vô ký, không cần lý đây, nghĩa là khi ly dục tất cả bất thiện đều không có, nên không phải bất thiện, cũng không phải vô ký, thì định đây là định thiện. Lỗi là cần có tướng, thọ hiện hành đây, nghĩa là tâm đây nếu là thiện, lại có pháp tâm sở thiện căn vân vân hiện hành, nên tướng thọ tâm sở tâm sở biến hành cũng cần hiện hành. Định đây lại không cần tên diệt thọ tướng định, nên thành thất lỗi. Xúc thì có thể được đây, nghĩa là trong định đây có ý thức, tất nhiên ý thức tương ứng với xúc. Đây mặc dầu cũng tương ứng với xúc, nhưng có xúc thì có lỗi như thế nào? Nơi tam ma địa có năng lực đây, nghĩa là nơi trong tam ma địa, còn lại có xúc sanh năng lực của thọ và nơi đây cũng cần sanh thọ. Có thọ thì có lỗi như thế

nào?Chỉ cần có diệt tướng thì phạm lỗi. Cho nên dùng ý thức làm trung tâm, thì không cần lý. Nhưng nếu như cần có tư, tín vân vân thiện căn hiện hành thì có lỗi, Nghĩa là nếu có xúc, lại có tư vân vân, đây là chỗ của Thánh nói. Mặc dầu nhà người không hứa khả, nên không cần ý thức thứ sáu. Vì tránh cách ly trước và trái với Thánh giáo, lại thay đổi tính toán làm cho định đây chỉ có tâm vương, không có pháp tâm sở, mặc dầu đây cũng là không. Năng lực nương tựa nơi tâm sở, cùng nương tựa nơi tâm vương, từ vô thủy đến nay chưa từng cách ly, nhà người nay đơn phương chọn lọc ngoài ra năng lực nương tựa tâm sở của nhà người khiến cách ly chỗ nương tựa của tâm vương, nên không tương ứng với đạo lý. Có thí dụ như năng lực biến hành đây không có, nghĩa là có thí dụ để xác minh: như nói biến hành tâm tứ đã bị diệt, lại nói không phát khởi, như thế ý hành động tư tưởng vân vân cũng bị diệt, nên ý cũng không phát khởi. Cầu cứu bên ngoài: Như thân hành động ra ngoài hơi thở bị diệt, nhưng thân của nó vẫn tồn tại, mặc dầu ý cũng cần tâm hành động tư duy vân vân, tuy tư duy đã diệt, nhưng ý cũng cần tồn tại. Mặc dầu không cầu cứu đây, thân hành động kia không phải biến hành, đây không bao giờ có. Đây là biến hành, nên không phải cầu cứu dụ. Nếu cho phép có thức a lại da, do vô ý thức nên gọi là định vô tâm, do có a lại da nên gọi là thức không cách ly thân, do đó lại không các thứ tội lỗi như trên.

Tý 3, Kết luận định không phải ý.

Lại nữa, trong định đây do ý thức chấp có tâm, tâm đây là thiện, bất thiện, vô ký, đều không đặng thành, nên không cần lý.

Nghĩa là trong định đây, nếu do có ý thức nên biết là có tâm, thì tâm đây là thiện, bất thiện, vô ký ba tánh, đều không được thành, nên không cần lý.

Quý 3, Phá chấp sắc tâm tự loại tương sanh.

Tý 1, Công văn tính toán trông cậy vào trước phá chấp không chứa nhóm.

Nếu lại có chấp sắc tâm sanh không gián đoạn là chứng tử của các pháp, đây không đặng thành, như trước đã nói.

Nếu lại chấp sắc tâm sanh không gián đoạn là chứng tử của các pháp, đây không được thành lập, như trước đã nói, có lỗi không chứa nhóm.

Tý 2, Phá diệt đã lâu không nên sanh lại.

Lại nữa, từ vô sắc, vô tưởng định không có mặt, diệt tận định thì có mặt, không cần đạo lý.

Lại nữa, như từ vô sắc giới không có mặt, chứng tử hữu tình của vô sắc, vì sắc giới đã sanh không cần đạo lý. Từ vô tưởng thiên không có mặt, chứng tử hữu tình vô tâm vì tâm lại không sanh nên không cần đạo lý. Từ diệt tận định có mặt, chứng tử của tâm Thánh giả đã lâu không đoạn, tâm lại sanh, nên không cần đạo lý. Vì sắc tâm đều bảo trì chứng tử, nên không cần chánh lý. Nếu cho phép có thức a lại da, thì đây không có lỗi.

Tý 3, Phá A La Hán nên sau cùng không uẩn.

Lại nữa, A La Hán tâm sau cùng không thành.

Lại nữa, nếu sắc tâm trước làm sắc tâm sau sanh chủng tử, thì sắc tâm của A La Hán cũng cần làm chủng tử của sắc tâm sau, vĩnh viễn không kỳ hạn chấm dứt, lại không thành tâm sau cùng, thì lỗi rất lớn.

Tý 4, Cho phép có thể dung thông chờ đợi vô gián duyên.

Chỉ có thể dung thông chờ đợi vô gián duyên.

Nghĩa là niệm trước sắc tâm hiện tiền, hy vọng niệm sau sắc tâm hiện tiền, chỉ có thể dung thông chờ đợi nghĩa vô gián duyên, không phải nhân duyên.

Mậu 3, Kết luận thành nó có

Kỷ 1, Kết luận trực tiếp.

Như thế nếu cách ly tất cả chủng tử thức quả dị thực, thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều không đặng thành. Vì thế thành tựu như trước chỗ nói sẽ, thức a lại da quyết định là có.

Nên như thế, nếu cách ly tất cả chủng tử và chỗ nương tựa của thức quả dị thực, thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều không đặng thành. Vì thế thành tựu như trước chỗ nói sẽ thức a lại da quyết định là có vậy.

Kỷ 2, Kết luận bài tụng.

Canh 1, Yêu cầu tính toán.

Trong ba bài tụng đây, Bồ Tát nơi tịnh tâm xali năm thức, không còn lại, tâm thay đổi nương tựa, tại sao nhà người vẫn làm?

Lại xalia vân vân năm thức, cũng không còn lại hữu lậu thiện vô lậu. Nếu có alaida, có thể tạo tất cả chủng tử tạp nhiễm, chủng tử tạp nhiễm đây không còn, lại gọi là tâm chuyển y (*Tâm chuyển y, là Tâm thay đổi nương tựa*). Nhà người đã không cho phép có lại da, tâm chuyển y của bồ tát thì như thế, tại sao nhà người vẫn làm?

Canh 2, Phá chấp.

Tân 1, Phá chấp cho đối trị làm thay đổi nương tựa.

Nếu đối trị thay đổi nương tựa, không phải đoạn trừ nên không thành, quả và nhân không sai biệt, nơi đoạn trừ vĩnh viễn thì có lỗi.

Nghĩa là nếu tính toán đối trị khi sanh khởi lại là thay đổi nương tựa, mặc dầu là không. Đối trị khi sanh khởi không phải hoàn toàn đoạn trừ vĩnh viễn, nên không thành. Nếu đối trị tức là hoàn toàn đoạn trừ vĩnh viễn, thì quả của La Hán Như Lai cùng nhân vị Bồ Tát Hữu Học, cần không sai biệt. Nơi lý đoạn trừ vĩnh viễn, thành phạm lỗi.

Tân 2, Phá chấp thay đổi thức làm thay đổi nương tựa.

Không chủng tử hoặc không thể chất, nếu cho phép làm thay đổi nương tựa, không hai thứ này, thay đổi nương tựa không cần lý.

Nếu không cho phép thức a lại da, tâm thanh tịnh của nó khi phát khởi, thế gian kia thay đổi thức lại bị tiêu diệt, liền không chủng tử nhiễm ô, là do không có thức nơi thế gian. Lại nữa hoặc không thể

chất, nếu cho phép thay đổi thức làm thay đổi nương tựa, không hai pháp chung tử và thể chất có thể nói là không, có nghĩa thay đổi nương tựa không cần đạo lý, tất nhiên do đoạn diệt nhiễm ô mới thay đổi nương tựa, không hai pháp chung và thể chất có thể nói là không, có nghĩa thay đổi nương tựa không cần đạo lý, tất nhiên do đoạn trừ nhiễm ô mới thay đổi nương tựa.

Đinh 3, Chỉ thị tướng sai biệt.

Mậu 2, Yêu cầu phát khởi.

Lại nữa, thức a lại da sai biệt như thế nào?

Sai biệt của thức a lại da đây là các tướng, làm sao có thể biết?

Mậu 2, Giải thích trả lời.

Kỷ 1, Tổng hợp kết hợp ba bốn.

Lược nói cần biết hoặc ba thứ hoặc bốn thứ. Trong đây ba thứ, nghĩa là ba thứ chứa nhóm sai biệt như: (1)- Danh ngôn huân tập sai biệt (*Danh ngôn là tên gọi, huân tập là chứa nhóm*); (2)- Ngã kiến huân tập sai biệt (*Ngã kiến là chấp ngã*); (3)- Hữu chi huân tập sai biệt. Bốn thứ là: [1]- Dẫn phát sai biệt, [2]- Di thực sai biệt; [3]- Duyên tương tục sai biệt; [4]- Tướng mạo sai biệt.

Nghĩa là tổng hợp nói lược, tướng sai biệt của thức đây, đương nhiên cần biết đạo: hoặc là ba thứ tướng, hoặc là bốn thứ tướng. Trong ba bốn đây, tạm nói ba thứ tướng trước, nghĩa là ba thứ chứa nhóm sai biệt nên nói ba thứ tướng. (1). Danh ngôn chứa nhóm sai biệt, nghĩa là cách thức danh ngôn hý luận (*Danh ngôn hý luận, nghĩa là tên gọi do tưởng tượng đặt thành tên*) chứa nhóm, trong thức thứ tám, năng lực sanh khởi các thứ pháp của chung tử sai biệt, đây là thân nhân duyên. (2).

Ngã kiến chứa nhóm sai biệt, nghĩa là ngã kiến phiền não chấp ngã chấp tha chứa nhóm, mà thànhkiếpsausanhduyên sai biệt của tự tha. (3).Hữu chi chứa nhóm sai biệt, nghĩa là có ba, thiện, bất thiện, bấtđộng hành chứa nhóm, mà thành duyên của kiếpsausanhcác cõi sai biệt. Đây là haităng thượng duyên. Bốn thứ tướng, nghĩa là, (1), dẫn phát sai biệt; (2), Dị thực sai biệt; (3), Duyêntướng sai biệt; (4), Tướngmao sai biệt. Bốn thứđây nhưng dướiđâygiải thích rộng.

Kỷ 2, Giải thích riêng biệt bốn thứ.

Canh 1, Dẫn phát sai biệt.

Trong đây dẫn phát sai biệt: nghĩa là mới phát khởi chứa nhóm. Đây nếu không, Hành làm duyên Thức, Thủ làm duyên Hữu, nên không đặng thành.

Dẫn phát đây, tức là năng lực dẫn phát hiện hành các nghiệp của pháp phẩm loại sai biệt. Mới phát khởi chứa nhómđây: tức là tối sơ chỗ hiện khởi dẫn phát thứcvân vâncủa chứa nhóm. Nếu không cần đến thì không đặng thành, nghĩa là tối sơđâyđầu tiên phát khởi chỗ chứa nhóm nếu như không có, thì sau đó Hành làm duyên Thức, và Thủ làm duyên Hữu vânvân, nếu không cần thành, liền thành phạm lỗi. Nếu cho phép có thức tướng đây, lại không có tội lỗi.

Canh 2, Dị thực sai biệt.

Trong đây, dị thực sai biệt: Nghĩa là Hành và Hữu làm duyên nhau, nơi trong các cõi, dị thực đều sai biệt. Nếu không đây, thì không chừng tử, sau có các pháp, nếu sanh thì không thành.

Nghĩa là Hành ở trên đã nói rõ là có làm duyên, nơi trong các cõi, quả dị thực của chỗ dẫn phát có các thứ sai biệt. Sai biệt của thức a lại da đây nếu không có thì không có chủng tử, sau có các pháp nhãn vân vân, sắc căn vân vân pháp dị thực, tất cả nếu phát sanh thì không thành. Nếu cho phép a lại da, thì không có lỗi.

Canh 3, Duyên tướng sai biệt.

Trong đây duyên tướng sai biệt: nghĩa là trong ý ngã chấp duyên tướng. Nếu đây không có, trong ý nhiệm ô ngã chấp chỗ duyên, nên không được thành.

Nghĩa là kiến phần của thức a lại da, làm cho trong ý ngã chấp phiền não chỗ duyên ngã tướng, nên cũng là tướng của thức thứ tám. Thức đây nếu không có thì trong ý nhiệm ô ngã chấp chỗ duyên ngã tướng, cũng cần không được thành.

Canh 4, Tướng mạo sai biệt.

Tân 1, Đề cử tóm lược tiêu chuẩn.

Trong đây tướng mạo sai biệt: nghĩa là thức đây có tướng chung, có tướng không chung, không chủng tử tướng thọ sanh, có chủng tử tướng thọ sanh vân vân.

Tức là trong thức a lại da chủng tử sanh khởi các thứ tướng mạo của các pháp. Chờ đợi, chờ đợi văn dưới sẽ nói tướng thô trọng, tướng khinh an vân vân.

Tân 2, Giải thích rộng.

Nhâm 1, Xác minh chỗ nương tựa chính là tướng sai biệt.
Quý 1, Giải thích tiêu chuẩn nương tựa tướng.

Tướng chung đây, nghĩa là chủng tử đồ vật trong thế gian; không tướng chung, nghĩa là chủng tử các chỗ sai biệt bên trong. Tướng chung tức là chủng tử không thọ sanh, không tướng chung tức là chủng tử có thọ sanh.

Xác minh y báo gọi là tướng chung, chánh báo gọi là không tướng chung. Tướng chung đây nghĩa là trong thức a lại da, tướng chung là chủng tử của các pháp chỗ sanh khởi đồ vật trong thế gian, là tướng chung của thức a lại da. Không tướng chung đây, nghĩa là do mỗi mỗi hữu tình trong thức a lại da, chủng tử không tướng chung là chỗ sanh khởi của pháp mỗi mỗi riêng biệt trong sáu xứ, tức là a lại da không tướng chung của họ. Tướng chung tức là chủng tử không thọ sanh, nghĩa là chủng tử sanh ngoài tướng chung, tức là không có chủng tử của giác thọ sanh khởi. Không tướng chung tức là chủng tử có thọ sanh, nghĩa là năng lực của mỗi mỗi hữu tình sanh riêng biệt trong một xứ, tức là có chủng tử của giác thọ sanh khởi.

Quý 2, Xác minh tâm hướng về nghiên cứu khác.

Tý 1, Tổng hợp xác minh trong ngoài không đồng.

Khi hướng về nghiên cứu phát sanh, chỉ hướng về nghiên cứu cách tiêu diệt chỗ không tướng chung, tướng chung là chỗ bảo trì sai biệt của phần người khác, chỉ thấy thanh tịnh.

Nghĩa là có hướng về nghiên cứu tâm vô lậu khi phát sanh, hai loại chủng tử chung và không chung đây, chỉ hướng về nghiên cứu cách tiêu

diệt chỗ không chung tướng, pháp tướng chung đây, cũng có hữu tình khác phân biệt chỗ bảo trì, nên không hướng về nghiên cứu cách tiêu diệt. Nhưng theo tâm tịnh của Hành đây, mà thấy pháp tướng chung cũng thành pháp thanh tịnh mà thôi.

Tý 2, Phân biệt rõ ngoài theo tâm khác.

Như Du Già Sư, nơi trong một vật các thứ giải thích thù thắng, các thứ chỗ thấy đều được thành lập. Trong hai bài tụng đây, cách ly đoạn tuyệt cách ly hiểu biết khắp, cần biết tên kết hợp chung; tâm khác của Du Già đây, do tướng ngoài lớn. Tịnh đây là cách ly không diệt, mà nơi trong vẫn thấy tịnh; lại là cõi thanh tịnh của Phật, do Phật thấy thanh tịnh.

Lại có bài tụng đặc biệt, đối trước chỗ dẫn dắt các thứ giải thích thù thắng, các thứ chỗ thấy đều đặng thành lập. Các sư Du Già nơi một vật, các thứ giải thích thù thắng đều không giống nhau, các thứ chỗ thấy đều được thành, nên biết chỗ chọn chỉ có thức.

Như các sư tu Du Già, nhân mỗi mỗi tâm thật hành không giống nhau, nơi trong một vật phát khởi các thứ giải thích thù thắng không giống nhau, có các thứ chỗ thấy những cảnh khác nhau, mặc dầu đều được thành lập. Như trên một mặt nước, nào trời, nào người, nào cá, nào quỳ, vân vân, chỗ thấy của họ đều không giống nhau. Vì hiển bày nghĩa đây, nên dẫn dắt hai bài tụng. Cách ly đoạn trừ cách ly hiểu biết khắp, cần biết tên kết chung, thứ tướng chung đây là do kết của cộng đồng khiến chỗ sanh khởi tướng chung đây rộng lớn không bờ mé, lại giống như hiện ngoài, nên khó đoạn trừ mà lại hiểu biết khắp. Người Du Già tâm khác, tức tâm hiển bày năng lực thấy làm chủ. Do tướng

ngoài to lớn, nên hiển bày tướng của đồ vật trong thế gian rộng lớn vô lượng. Tịnh đây không cách ly tiêu diệt, mà trong đây vẫn thấy tịnh, tướng ngoài tuy sắp xếp to lớn, pháp tịnh của Du Già tuy không thể diệt trừ, mặc dầu do mỗi mỗi tâm khác nhau, mà nơi trong nó thấy pháp tịnh, cũng có thể thành lập. Lại nữa cõi Phật thanh tịnh là do Phật thấy thanh tịnh, là dẫn đến dụ tức nhiễm tức tịnh. Nghĩa là các cõi Phật thanh tịnh của chỗ có thể tịnh, cũng là do bốn trícủa Phật chiếu thấy thanh tịnh nên thành thanh tịnh. Không phải do nhiễm thấy của hữu tình có thể thấy cõi tịnh. Lại nữa, dẫn riêng một bài tụng, đối trước chỗ dẫn chứng của các sư du già mỗi thứ giải thích thù thắng mà chỗ thấy có các thứ cảnh đều có thể thành lập của phương diện lý, nay tiến tới xác minh đều là duy thức vậy.

Các sư Du Già, đây xuất hiện có thể thấy người. Nơi một vật, xuất hiện chỗ đối cảnh đây. Các thứ giải thích thù thắng đều không giống nhau, tâm đây xuất hiện khác nhau. Chỗ thấy các thứ, đều xuất hiện chỗ thấy cảnh đây. Đều đặn thành, đây xác minh thành lập. Nên biết chỗ chọn lấy chỉ có thức, đây thành duy thức, tức kinh Giải Thâm Mật chỗ gọi là không có pháp nhỏ có thể chọn lấy nghĩa pháp nhỏ.

Quý 3, Kết thành.

Đây nếu là không, các đồ vật trong thế gian, hữu tình trong thế gian, sanh khởi sai biệt, nên không được thành. Thức đây nếu là không, thì các đồ vật trong thế gian của tướng chung và hữu tình trong thế gian của không tướng chung, sanh khởi tất cả đều sai biệt, thế nên không đặn thành.

Nhâm 2, Các thứ tướng sai biệt.

Quý 1, Tướng thô, trọng, khinh, an.

Lại có tướng thô trọng và tướng khinh an: Tướng thô trọng đây, nghĩa là chủng tử phiền não và tùy phiền não. Tướng khinh an đây, nghĩa là chủng tử pháp thiện hữu lậu. Đây nếu không có, chỗ cảm chứa nhóm, không chỗ có thể chịu được, có chỗ chịu được là chỗ nương tựa sai biệt, nên không đặt thành.

Đây lại nữa, có tướng thô trọng và tướng khinh an hai tướng sai biệt. Tướng thô trọng đây, nghĩa là tướng không chỗ có thể chịu được của chủng tử phiền não. Tướng khinh an, nghĩa là tướng có chỗ có thể chịu được của chủng tử pháp thiện hữu lậu. Hai tướng đây nếu không có, thì chỗ cảm thọ của quả dị thực, không chỗ có thể chịu được và có chỗ có thể chịu được của hai loại dị thực, hai loại dị thực đây là chỗ nương tựa của sai biệt, nên không đặt thành, nên thành phạm lỗi. Nếu có hai tướng đây làm chỗ nương tựa sai biệt, thì lại không tội lỗi vậy.

Quý 2, Tiếp nhận tướng hoàn toàn và không hoàn toàn.

Lại Có (*Hữu của 12 nhân duyên*) có tiếp nhận (*Thọ của 12 nhân duyên*) tướng tận diệt và không tiếp nhận tướng không tận diệt: Có tiếp nhận tướng tận diệt, nghĩa là đã thành chủng tử của quả dị thực thiện và không thiện. Không tiếp nhận tướng không tận diệt, nghĩa là chủng tử danh ngôn chứa nhóm, kể từ vô thỉ đến nay mỗi thứ lý luận lưu truyền thay đổi chủng tử. Đây nếu không có, đã tạo hai thứ nghiệp thiện và ác, cùng quả tiếp nhận tận diệt, nên không được thành, lại nữa danh ngôn mới chứa nhóm sanh khởi, nên không đặt thành.

Lại nữa có tiếp nhận tướng tận diệt và không tiếp nhận tướng không tận diệt, đây là hai thứ tướng: Có tiếp nhận tướng tận diệt đây, nghĩa là tướng đã thành chủng tử thiện và bất thiện của quả dị thực, chủng tử đây là chỉ cho chủng tử nghiệp --- chủng tử thuộc chi Hữu (*trong 12 nhân duyên*), chỉ có thể dẫn dắt thứ nhất là quả. Quả đã chín mùi, nó thọ Sanh (*Sanh là một trong 12 nhân duyên*) của năng lực tận diệt, nên gọi là tướng có kỳ hạn tận diệt. Không tiếp nhận tướng tận diệt, nghĩa là chủng tử danh ngôn chứa nhóm, chủng tử đây từ vô thủy đến nay, là chủng tử hý luận lưu truyền thay đổi thành chủng tử, thay đổi đến đoạn trừ trước khi không cơ hội ngày tận diệt, nên gọi là không tiếp nhận chủng tử tận diệt. Hai thứ tướng đây nếu là không có, không có tiếp nhận tướng tận diệt, thì kiếp lâu xa đã tạo nghiệp thiện bất thiện tất nhiên không sanh khởi, cùng năng lực tiếp nhận tận diệt của quả, nên không đặng thành. Giả sử nếu không tận diệt đây, thì Như Lai, La Hán cũng cần tiếp nhận dị thực lưu chuyển thay đổi khổ sanh tử, nên thành lỗi lớn. Nếu không tiếp nhận tướng tận diệt, thì theo danh ngôn trên lại sanh danh ngôn mới sẽ chứa nhóm để sanh khởi, cũng cần không đặng thành.

Quý 3, Thí dụ tướng.

Lại có thí dụ tướng, nghĩa là thức a lại da này, như là giả, như là lửa, như là mộng vân vân làm thí dụ. Đây nếu là không có, do chủng tử tính toán biến khắp không thật, duyên tướng điên đảo, nên không đặng thành.

Lại có giả vân vân cần thí dụ làm tướng. Nghĩa là thức a lại da đây, như là giả, như là lửa, như là mộng vân vân làm thí dụ tướng, hiển bày không thật của nó làm duyên điên đảo. Như giả vân vân đây

làm thí dụ cho tướng, nếu không có, thì các thứ hư vọng đều không thật, các thứ hư vọng đây là do tính toán biến khắp các duyên tạo nên tướng duyên điên đảo, đây cũng không thành vậy.

Quý 4, Toàn bộ tướng không toàn bộ.

Lại có tướng đầy đủ toàn bộ, tướng không đầy đủ toàn bộ: nghĩa là các đầy đủ trói buộc, gọi là tướng đầy đủ toàn bộ. Thế gian ly dục, gọi là tướng tởn giảm. Thanh Văn có học và các Bồ Tát, gọi là một phần tướng chọn lọc vĩnh viễn. A La Hán, Độc Giác và các Như Lai, gọi là tướng toàn bộ phiền não chướng chọn lọc vĩnh viễn, và phiền não cùng sở tri chướng hoàn toàn chọn lọc vĩnh viễn, như chó cắn. đây nếu không có, như thế thứ lớp tạp nhiễm hoàn toàn tiêu diệt, nên không đặng thành.

Toàn bộ đầy đủ, nghĩa là toàn bộ đầy đủ chủng tử nhiễm ô của thức thứ tám; không toàn bộ đầy đủ, nghĩa là chủng tử nhiễm ô hoặc ẩn núp hoặc đoạn diệt. Đây nghĩa là các hữu tình bị toàn bộ trói buộc, toàn bộ chủng tử nhiễm ô ở trong, nên gọi là tướng đầy đủ toàn bộ. Hữu tình thế gian cách ly dục, tạm ẩn núp dưới cõi dục nhiễm ô, nên gọi là tướng tởn giảm. Thanh Văn của ngôi vị hữu học và các Bồ Tát, hoặc đoạn tuyệt một phần phiền não chướng, hoặc một phần haichướng đầy đủ đoạn tuyệt, gọi là một phần chọn lọc vĩnh viễn tướng của chủng tử chướng. A La Hán và Độc Giác cùng Như Lai, gọi là phiền não chướng hoàn toàn chọn lọc vĩnh viễn tướng tận diệt. Nhưng Như Lai lại gọi phiền não và sở tri hai chướng hoàn toàn vĩnh viễn chọn lọc tận diệt tướng. Không phải La Hán, Độc Giác cũng có thể, cho nên ước nguyện điều gì liền ứng hiện điều đó. Các tướng sai biệt nếu không có, như thế tạp nhiễm thứ lớp dễ sanh, Như Lai chờ đợi trở lại tiếp tục

đoạn diệt, vì thế nên không được thành. Do có các tướng như thế, nên biết nhất định có thứ thứ tám.

Đinh 4, Biện minh tánh vô phú.

Mậu 1, Hỏi.

Nhân duyên gì, pháp thiện và bất thiện có thể cảm hóa dị thực, quả dị thực của nó và vô phú vô ký? Có thứ nhân duyên đạo lý gì, thiện bất thiện của nó có thể cảm hóa pháp dị thực, cảm thành quả dị thực, là tánh vô phú vô ký như thế nào?

Mậu 2, Trả lời.

Do quả dị thực, vô phú vô ký, cùng thiện bất thiện không trái nghịch lẫn nhau, vì thiện bất thiện không trái nghịch lẫn nhau. Nếu tánh của quả dị thực và thiện bất thiện tạp nhiễm lại tiêu diệt lẫn nhau thì không được thành. Là vì thức dị thực thuộc tánh vô phú vô ký.

Do quả dị thực là tánh vô phú vô ký, mới có thể cùng thiện bất thiện không trái nghịch nhau, thiện cùng bất thiện hai tánh trái nghịch lẫn nhau. Nếu quả dị thực là thiện bất thiện, thì tạp nhiễm trở lại tiêu diệt, nên không đặng thành. Vì sao thế? Do vì thiện thì không làm nhiễm ô chứa nhóm, không nhiễm ô chứa nhóm, lại không tạp nhiễm, mà cũng không đoạn trừ tạp nhiễm để được trở lại tiếp tục tiêu diệt, đều đó nên không được thành. Nếu là tánh không thiện thì không tiếp nhận thiện chứa nhóm, nó lỗi có thể biết vậy. (Pháp Tôn Ký) (Thấy trong Đặc San Hải Triều Âm, quyển 6, kỳ 9).

(Chú thích 1, Đặc San Hải Triều Âm, nguyên đề “Nhiếp Đại Thừa Luận Giảng Sao Lục”, nay căn cứ nơi Pháp Tướng Duy Thức Học cải tiến.

